

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ  
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC  
CẤP TRƯỜNG NĂM 2011**

**Tên đề tài:**

***“NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA QUÁ TRÌNH TÍCH  
TỤ VÀ TẬP TRUNG ĐẤT ĐAI ĐẾN HIỆU QUẢ SỬ DỤNG  
ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN  
HUYỆN PHÚ XUYÊN – THÀNH PHỐ HÀ NỘI”***

**Cơ quan quản lý: Trường Đại học lâm nghiệp**

**Đơn vị chủ trì: Khoa Kinh tế và QTKD**

**Người chủ trì: ThS. Phạm Thanh Quế**

**Cộng tác viên: ThS. Vũ Thị Quỳnh Nga**

**HÀ NỘI, THÁNG 12 NĂM 2011**

## MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	3
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU .....	5
1.1. Tổng quan về tập trung tích tụ đất đai.....	5
1.1.1. Vấn đề manh mún đất đai .....	5
1.1.2. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng manh mún ruộng đất.....	6
1.1.3. Thực trạng về manh mún ruộng đất tại Đồng bằng sông Hồng .....	6
1.1.4. Những hạn chế của manh mún ruộng đất .....	9
1.1.5. Tích tụ và tập trung ruộng đất.....	11
1.1.6. Những kinh nghiệm về tích tụ và tập trung ruộng đất của một số nước trên thế giới. ....	14
1.1.7. Cơ sở thực tiễn của việc tập trung tích tụ đất đai ở Việt Nam .....	15
1.1.8. Cơ sở pháp lý của công tác tập trung tích tụ ruộng đất. ....	17
1.1.9. Tình hình dồn điền đổi thửa ở một số địa phương .....	18
1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.....	19
1.2.1. Nhóm các yếu tố về điều kiện tự nhiên .....	19
1.2.2. Nhóm các yếu tố kinh tế - xã hội.....	19
1.3. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp .....	20
1.4. Một số nghiên cứu về vấn đề ảnh hưởng của chuyển đổi ruộng đất đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. ....	21
CHƯƠNG 2: MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	23
2.1. Mục tiêu nghiên cứu.....	23
2.2. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	23
2.2.1. Đối tượng nghiên cứu .....	23
2.2.2. Phạm vi nghiên cứu .....	23
2.3. Nội dung nghiên cứu .....	23
2.3.1. Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện.....	23
2.3.2. Thực trạng quá trình tập trung, tích tụ ruộng đất trên địa bàn huyện Phú Xuyên.....	23
2.3.3. Tác động của quá trình tập trung tích tụ đất đai đến sản xuất nông nghiệp .	23
2.3.4. Đánh giá chung về quá trình tập trung tích tụ đất đai trên địa bàn nghiên cứu .....	24
2.3.5. Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác dồn điền đổi thửa và nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện. ....	24
2.4. Phương pháp nghiên cứu.....	24
2.4.1. Phương pháp điều tra thu thập thông tin thứ cấp.....	24
2.4.2. Phương pháp điều tra thu thập thông tin sơ cấp .....	24
2.4.3. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu .....	24
2.4.4. Phương pháp xử lý số liệu .....	25
2.4.5. Phương pháp đánh giá hiệu quả sử dụng đất .....	25
2.4.6. Phương pháp khác.....	25
CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN.....	26
3.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội huyện Phú Xuyên .....	26

3.1.1. Điều kiện tự nhiên.....	26
3.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội .....	32
3.2 Tình hình thực hiện chính sách tập trung tích tụ ruộng đất trên địa bàn huyện Phú Xuyên .....	40
3.2.1 Cơ sở pháp lý của việc tập trung tích tụ ruộng đất .....	40
3.2.2. Tổ chức thực hiện công tác tập trung tích tụ ruộng đất .....	41
3.2.3. Kết quả thực hiện công tác chuyển đổi ruộng đất của huyện Phú Xuyên ...	44
3.2.4. Kết quả thực hiện công tác chuyển đổi ruộng đất ở các xã điều tra .....	45
3.3. Ảnh hưởng của tập trung tích tụ ruộng đất đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp .....	47
3.3.1. Ảnh hưởng đến quy mô sử dụng đất.....	47
3.3.2. Ảnh hưởng đến việc cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp .....	48
3.4.3. Ảnh hưởng của chuyển đổi ruộng đất đến hệ thống giao thông và thủy lợi nội đồng .....	49
3.3.4. Ảnh hưởng của chuyển đổi ruộng đất đến diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính.....	50
3.3.5. Ảnh hưởng đến việc hình thành các trang trại sản xuất nông nghiệp .....	52
3.3.6. Ảnh hưởng của chuyển đổi ruộng đất đến một số kiểu sử dụng đất của huyện.....	53
3.4. Đánh giá hiệu quả của một số loại hình sử dụng đất nông nghiệp trước và sau chuyển đổi .....	56
3.4.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế .....	56
3.4.2. Đánh giá hiệu quả xã hội .....	61
3.4.3. Đánh giá hiệu quả môi trường .....	65
3.5. Đánh giá chung về quá trình tập trung tích tụ đất đai trên địa bàn huyện Phú Xuyên .....	67
3.6. Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác tập trung tích tụ ruộng đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện.....	69
CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN .....	73
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	76

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Với vai trò là tư liệu sản xuất đặc biệt không thể thay thế của nông nghiệp, đất tham gia vào quá trình sản xuất ra lương thực, thực phẩm, đảm bảo nhu cầu ăn, mặc, ở cho con người. Nhiệm vụ của Nông nghiệp Việt Nam không những chỉ sản xuất đủ lương thực thực phẩm cung cấp cho hơn 80 triệu dân, mà còn phải tạo ra nông sản hàng hóa xuất khẩu. Vì vậy, việc tổ chức sử dụng đất đai hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả là nhiệm vụ quan trọng đảm bảo cho nền nông nghiệp phát triển bền vững.

Sau khi Nhà nước thực hiện chia ruộng đất cho các hộ nông dân sử dụng lâu dài, đã tạo nên động lực mới trong sản xuất nông nghiệp. Nông nghiệp Việt Nam đã có bước đột phá mới từ một nước thiếu lương thực, chúng ta đã vươn lên đứng thứ 2 trên thế giới về xuất khẩu gạo. Với tinh thần của Nghị định 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 chúng ta đã tiến hành chia ruộng đất cho nông dân với phương châm là “có gần, có xa, có xấu, có tốt” nhằm đảm bảo công bằng giữa các hộ, tuy nhiên trong quá trình thực hiện thấy bộc lộ những nhược điểm của quan điểm này là tình trạng ruộng đất manh mún. Thực tế cho thấy có 2 kiểu manh mún một là có quá nhiều thửa ruộng, hai là diện tích 1 thửa nhỏ gây khó khăn trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới nhằm tăng năng suất cây trồng, vật nuôi. Ngoài ra tình trạng manh mún ruộng đất còn gây khó khăn trong quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên đất.

Xuất phát từ yêu cầu thực tế của sản xuất nông nghiệp là cần tạo ra vùng sản xuất hàng hóa có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của thị trường và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nhiều địa phương đã thực hiện chính sách tích tụ và tập trung đất đai và được người dân đồng tình ủng hộ. Mà phong trào lớn nhất là dồn điền đổi thửa. Sau khi thực hiện chính sách này số lượng thửa và quy mô thửa của từng hộ đã thay đổi theo chiều hướng tích cực góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế sử dụng đất, cải thiện đời sống của nông dân

Trên thực tế, một số tỉnh đã triển khai làm điếm, thậm chí có những nơi để đưa ra những chính sách riêng để triển khai dồn điền đổi thửa giữa các hộ xã viên. Việc làm này cũng đã có những thành công ở nhiều nơi, nhiều chỗ nhưng cũng có những địa phương thực hiện chưa thành công. Mặt khác mức độ thành công ở mỗi địa phương là khác nhau. Có những địa phương công việc chỉ diễn ra nhanh chóng trong một vài tháng là xong, nhưng cũng có nơi kéo dài nhiều năm gây tốn kém sức người, sức của....

Vậy nên cần phải có những nghiên cứu nhằm đánh giá và tổng kết lại các kinh nghiệm, những vấn đề còn tồn tại của các địa phương để chính sách tập trung tích tụ ruộng đất thực sự là động lực thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, thay đổi bộ mặt nông thôn Việt Nam, hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp đạt cao nhất.

Xuất phát từ nhu cầu thực tế chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “Nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình tích tụ và tập trung đất đai đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Phú Xuyên – Thành phố Hà Nội”

# CHƯƠNG 1

## TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

### 1.1. Tổng quan về tập trung tích tụ đất đai

#### 1.1.1. Vấn đề manh mún đất đai

Khái niệm ruộng đất manh mún trong nông nghiệp cần được hiểu trên 2 khía cạnh: một là, sự manh mún về mặt ô thửa, trong đó một đơn vị sản xuất (thường là nông hộ) có quá nhiều mảnh ruộng với kích thước quá nhỏ của những mảnh ruộng này không đáp ứng được yêu cầu của sản xuất. Hai là, sự manh mún thể hiện trên quy mô về đất đai của các đơn vị sản xuất, số lượng ruộng đất quá nhỏ không tương thích với số lượng lao động và các yếu tố sản xuất khác [4]. Cả 2 kiểu manh mún này đều dẫn đến tình trạng chung là hiệu quả sản xuất thấp, khả năng đổi mới và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhất là vấn đề cơ giới hoá, thuỷ lợi hoá trong nông nghiệp kém hiệu quả. Ngoài ra tình trạng manh mún ruộng đất còn gây nên những khó khăn trong quy hoạch sản xuất và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai... Vì thế mà người ta luôn tìm cách để khắc phục tình trạng này.

Tình trạng manh mún ruộng đất xảy ra ở nhiều nơi, nhiều nước khác nhau trên thế giới và ở nhiều thời kỳ của lịch sử phát triển. Những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này cũng rất đa dạng: có thể là do đặc điểm về mặt phân bố địa lý, do sức ép gia tăng dân số...nhưng có thể có nguyên nhân về mặt xã hội như tính chất tiểu nông của nền sản xuất còn kém phát triển, đặc điểm tâm lý của cộng đồng dân cư nông thôn, hệ quả của một hay nhiều chính sách ruộng đất, kinh tế xã hội hoặc sự quản lý lỏng lẻo kém hiệu quả của công tác địa chính,... Châu Á nói chung và vùng Đông Nam Á nói riêng trong đó có Việt Nam là nơi có tình trạng ruộng đất khá manh mún.

Tình trạng manh mún đất đai là một trong những nhược điểm của nền nông nghiệp nhiều nước, nhất là các nước đang phát triển. Ở Việt Nam, manh mún đất đai rất phổ biến, đặc biệt là ở miền Bắc. Theo con số ước tính, toàn quốc có khoảng 75 triệu thửa, trung bình một hộ nông dân có khoảng 7-8 thửa. Manh mún đất đai được coi là một trong những rào cản của phát triển sản xuất hàng hoá trong lĩnh vực nông nghiệp, nhất là trồng trọt, cho nên rất nhiều nước đã và đang thực hiện chính sách khuyến khích tập trung đất đai. Việt Nam cũng đang thực hiện chính sách này trong mấy năm gần đây. Dưới quan điểm kinh tế nếu manh mún đất đai làm cho lao động và các nguồn lực khác phải chi phí nhiều hơn thì việc giảm mức độ manh mún đất đai sẽ tạo điều kiện để các nguồn lực này được sử dụng ở các ngành khác hiệu quả hơn. Như vậy, trên tổng thể nền kinh tế sẽ đạt được lợi ích khi ta giảm mức độ manh mún đất đai.

### ***1.1.2. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng manh mún ruộng đất***

Tình trạng manh mún ruộng đất chủ yếu do các yếu tố, như lịch sử, địa hình, áp lực dân số, thừa kế... Ở Việt Nam, thực chất của tình trạng đất nông nghiệp manh mún hiện nay là do trước đây việc chia đất canh tác cho nông dân theo Nghị định 64/CP được thực hiện theo phương châm: “Có gần có xa, có xấu có tốt, có cao, có thấp”. Tâm lý của người nông dân là muốn có sự công bằng giữa các hộ cả về các yếu tố thuận lợi trong canh tác như: Độ phì nhiêu của đất đai, mức độ thuận lợi trong giao thông, thủy lợi, hiệu quả kinh tế từ các mảnh ruộng mang lại... và cả những yếu tố bất lợi như: khả năng tưới, tiêu nước, đất chua mặn, đất canh tác ở xa khu dân cư... cũng được chia đều cho các hộ nông dân, dẫn đến việc một hộ nông dân sở hữu trên 10 thửa ruộng nằm rải khắp các xứ đồng.

Manh mún có thể được tạo ra do điều kiện địa hình, nhất là đối với các vùng đồi núi, trung du, ruộng đất bậc thang; Chế độ thừa kế chia đều ruộng đất cho con cái, ruộng đất của cha mẹ thường chia đều cho tất cả các con sau khi tách hộ, vì thế tình trạng phân tán ruộng đất gắn liền với chu kỳ phát triển của nông hộ; Tâm lý tiểu nông của các hộ sản xuất nhỏ, ngại thay đổi nhất là những nông dân ít có cơ hội tìm việc làm phi nông nghiệp; Một nguyên nhân khác để nông dân duy trì tình trạng manh mún do nhận thức: họ cho rằng có thể sử dụng hiệu quả lao động thời vụ hơn, mặc dù lao động nói chung đang dư thừa ở Việt Nam, đặc biệt vùng đồng bằng sông Hồng, nhưng vào những lúc chính vụ và vụ đông thì nhu cầu về lao động cũng rất cao, nông dân có thể giảm thời điểm căng thẳng này bằng cách đa dạng hóa cây trồng trên các mảnh khác nhau; một lợi ích tiềm năng khác của manh mún là người sử dụng đất có thể thế chấp hoặc bán một phần quyền sử dụng đất của họ [15].

### ***1.1.3. Thực trạng về manh mún ruộng đất tại Đồng bằng sông Hồng***

- Tình trạng manh mún ruộng đất ở cấp nông hộ

Ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay sự manh mún ruộng đất ở cấp nông hộ thể hiện ở các đặc điểm sau:

+ Diện tích canh tác bình quân trên hộ hay trên lao động rất thấp (khoảng 0,25ha/hộ).

+ Số lượng các hộ có diện tích từ 02ha trở lên không đáng kể (khoảng 2116 hộ) đa số có diện tích nhỏ hơn 0,20ha (1.731533 hộ).

+ Bình quân diện tích canh tác trên hộ và trên khẩu có xu thế giảm do mất đất nông nghiệp và sự gia tăng của dân số nông thôn.

**Bảng 1.1. Số hộ sử dụng đất sản xuất nông nghiệp phân theo quy mô sử dụng của một số tỉnh thuộc vùng ĐBSH**

(ĐVT: hộ)

TT	Tên địa danh	Tổng số	Phân theo quy mô sử dụng			
			dưới 0,2 ha	Từ 0,2 ha đến dưới 0,5 ha	Từ 0,5 ha đến dưới 2 ha	Từ 2 ha trở lên
<b>I</b>	<b>ĐBSH</b>	<b>3054770</b>	<b>1731533</b>	<b>1223905</b>	<b>97216</b>	<b>2116</b>
1	Hà Nội	174537	123610	48121	2718	88
2	Vĩnh Phúc	212851	109564	94017	9057	213
3	Bắc Ninh	187569	109037	73951	4539	42
4	Hà Tây	457290	279625	160362	16955	348
5	Hải Dương	348086	187579	151986	8335	186
6	Hải Phòng	242419	139110	89842	13340	127
7	Hưng Yên	228183	127289	94950	5837	107
8	Thái Bình	457669	266379	187376	3843	71
9	Hà Nam	172615	94132	72196	6165	122
10	Nam Định	396281	221735	165630	8814	102
11	Ninh Bình	177270	73473	85474	17613	710

(Nguồn: TCTK, kết quả tổng điều tra NT, NN và TS năm 2006 [16])

- Tình trạng manh mún về số ô thửa

+ Diện tích/thửa: Với cây lúa, diện tích/thửa có thể diễn biến từ 200 đến 400m<sup>2</sup>, với cây rau thì rất nhỏ chỉ từ 20 - 50m<sup>2</sup>, tỷ lệ thửa có diện tích < 100m<sup>2</sup> chiếm đến 5 - 10% tổng số thửa, đặc biệt có những thửa đất mạ < 10m<sup>2</sup> hoặc có những thửa chiều dài vài chục m nhưng chiều rộng chỉ từ 30 - 50cm [15].

+ Số thửa/hộ: Số liệu ở bảng 2.3 cho thấy mức độ manh mún ruộng đất thuộc 1 số tỉnh Đồng Bằng sông Hồng rất khác nhau, các tỉnh đông dân, diện tích đất nông nghiệp ít thì mức độ manh mún càng cao; trung bình số thửa/hộ thấp nhất 5,7 thửa (Nam Định) và cao nhất là 11 thửa/hộ (Hải Dương), cá biệt có hộ quản lý 47 thửa/ hộ (Vĩnh Phúc); về diện tích sử dụng cũng có sự khác nhau, diện tích thửa lớn nhất là 5968m<sup>2</sup> (Vĩnh Phúc), thửa nhỏ nhất là 5m<sup>2</sup> (Ninh Bình) đây cũng là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng các loại cây trồng.



**Bảng 1.2. Mức độ manh mún ruộng đất ở một số tỉnh vùng ĐBSH**

TT	Tỉnh	Tổng số thửa/hộ			Diện tích bình quân/thửa (m <sup>2</sup> )		
		Ít nhất	Nhiều nhất	Trung bình	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình
1	Hà Tây	-	-	9,5	20	700	216
2	Hải Phòng	5,0	18	6 - 8	20	-	-
3	Hải Dương	9,0	17	11,0	10	-	-
4	Vĩnh Phúc	7,1	47	9,0	10	5968	228
5	Nam Định	3,1	19	5,7	10	1000	288
6	Hà Nam	7,0	37	8,2	14	1265	-
7	Ninh Bình	3,3	24	8,0	5	3224	-

*Nguồn: Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, Bộ NN&PTNT (2003)[19]*

\* Các đặc điểm manh mún ruộng đất ở ĐBSH:

Hàng thế kỷ trước đây, tình trạng manh mún ruộng đất ở ĐBSH đã được miêu tả khá cụ thể, với những đặc điểm như sau:

*Thứ nhất:* sự manh mún ruộng đất không có mối quan hệ nào với mật độ dân số. Nói cách khác, không phải ở đâu đông dân thì ở đó ruộng đất manh mún.

*Thứ hai:* sự manh mún ruộng đất thể hiện sự khác biệt giữa các vùng. Dường như ở các vùng có độ chênh cao so với mực nước biển thấp thì địa hình ít bị chia cắt nên đất đai ít bị xé nhỏ. Các vùng có độ chênh cao so với mực nước biển lớn hơn, địa hình bị chia cắt nhiều hơn thì ruộng đất lại manh mún hơn, hoặc càng ra gần biển, các ô thửa của ruộng càng lớn hơn.

*Thứ ba:* ngay trong cùng một vùng, hiện tượng manh mún cũng không giống nhau; đất trũng bị ngập nước thường xuyên hay các ruộng ngoài đê, ô thửa ít bị xé nhỏ hơn là ruộng đất cao được đê che chắn.

*Thứ tư:* sự manh mún ruộng đất còn phụ thuộc vào đối tượng quản lý ruộng đất. Những nơi tỷ lệ diện tích đất công điền thấp thì mức độ manh mún càng cao. Nói cách khác, là đất đai càng bị tư hữu triệt để thì tình trạng manh mún ô thửa càng lớn.

Hiện nay, sự manh mún ruộng đất ở Đồng bằng sông Hồng không khác biệt nhiều theo quy mô thu nhập của hộ. Số thửa/hộ của các loại hộ trung bình chỉ cao hơn đôi chút so với hộ nghèo và giàu (Bảng 2.4). Sự khác biệt không nhiều một phần là do

chính sách chia đều ruộng đất/khẩu khi chia ruộng năm 1993, phần khác là do thị trường trao đổi mua bán ruộng đất nông nghiệp hoạt động còn hạn chế.

**Bảng 1.3. Đặc điểm manh mún ruộng đất của các kiểu hộ**

Loại hộ	Số thửa/hộ	Diện tích thửa (m <sup>2</sup> )
Nghèo	7,2	381
Trung bình	9,2	412
Khá, giàu	8,0	492

*Nguồn: Tổng cục địa chính(1997), [15]*

#### **1.1.4. Những hạn chế của manh mún ruộng đất**

##### **a. Hạn chế khả năng cơ giới hoá nông nghiệp**

Giảm chi phí lao động chỉ được thực hiện khi chuyển từ lao động thủ công sang cơ giới, để cơ giới hoá được phải có quy mô diện tích của thửa đất đủ lớn, mặc dù hiện nay có nhiều loại máy nhỏ, phù hợp với quy mô sản xuất của hộ gia đình. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã khảo sát tại xã Đại Tập huyện Khoái Châu (Hưng Yên), mỗi hộ có đến 12- 15 thửa, có thửa dài hàng cây số, thậm chí 2 km và chỉ gieo được 1-2 hàng ngô. Tình trạng này không chỉ có ở xã Đại Tập huyện Khoái Châu mà còn có ở hầu hết các xã ven Sông Hồng. Tại các xã phân bố trong nội đồng cũng diễn ra tương tự, mảnh đất không dài như ngoài đê nhưng diện tích thửa đất nhỏ, trung bình 288 m<sup>2</sup>, nhỏ nhất là 10 m<sup>2</sup>. Do vậy, đã làm cản trở quá trình đầu tư, mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp [3]

Tại Đồng bằng Sông Hồng bình quân 13 hộ/1 máy kéo, trong khi đó tại Đồng bằng Sông Cửu Long tỷ lệ này là 6,2 hộ/1 máy.

##### **b. Hạn chế khả năng áp dụng tiến bộ kỹ thuật**

Đất đai manh mún, phân tán không khuyến khích hộ gia đình đầu tư lao động, vốn, vật tư để thâm canh, chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng đa dạng hoá cây trồng, đặc biệt là hạn chế khả năng áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào đồng ruộng. Qua khảo sát các mô hình cho thấy, trong một lô đất có nhiều hộ sử dụng, khả năng vốn, trình độ canh tác không đồng đều, từ giống cây trồng, đầu tư phân bón, điều tiết nước tưới, phòng trừ sâu bệnh và các biện pháp canh tác cũng khác biệt. Phần lớn các hộ gia đình cho rằng với 1 mảnh ruộng nhỏ, có đầu tư áp dụng các tiến bộ kỹ thuật thì hiệu quả kinh tế tăng không đáng kể và nếu mất mùa còn ảnh hưởng khác. Do vậy năng suất cây trồng thấp so với những hộ có lô đất rộng để đầu tư áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đây cũng là nguyên nhân làm cho hiệu quả kinh tế của một đơn vị diện tích đất thấp.

### *c. Giảm diện tích đất canh tác nông nghiệp*

Nguyên nhân làm giảm diện tích đất canh tác có nhiều, trong đó có nguyên nhân do đất manh mún nên phải đắp bờ ngăn giữa các hộ quá nhiều và một phần diện tích đất “đầu thừa, đuôi thẹo” dư thừa khi giao chia trong cùng một lô đất.

Theo báo cáo kết quả “dồn điền, đổi thửa” tại Hưng Yên: khi giao đất theo Nghị định 64/CP, diện tích đất nông nghiệp có 89.000 ha, nhưng năm 2001 khi thực hiện Chỉ thị 05/CT-TU của thường vụ Tỉnh uỷ và Quyết định số 34/2001/QĐ-UB của UBND tỉnh Hưng Yên về thí điểm dồn điền, đổi thửa, thì đất nông nghiệp lên đến 92.309 ha, chênh lệch 3.309 ha (tăng 4%). Một số địa phương khác (Hà Tây, Vĩnh phúc...) cũng có tình trạng tương tự. Theo số liệu tổng hợp của nhiều địa phương thì tình trạng manh mún đất đai đã làm giảm đất canh tác trung bình từ 2,4- 4% diện tích. Như vậy, nếu khắc phục được tình trạng trên chỉ riêng Đồng bằng Sông Hồng sẽ tăng thêm ít nhất 20 nghìn ha đất nông nghiệp [2].

### *d. Tình trạng manh mún ruộng đất làm gia tăng chi phí hoàn thiện hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*

Quá trình hoàn thiện hồ sơ địa chính gồm nhiều công việc từ đo đạc, giao đất ngoài thực địa, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký và theo dõi biến động ...giúp cho công tác quản lý đất đai được chặt chẽ. Do quy mô diện tích thửa đất nhỏ, số thửa trong một hộ nhiều, các địa phương đã phải tăng việc can vẽ bản đồ hoặc trích đo bổ sung.

Theo tính toán của nhiều địa phương khi thực hiện Nghị định 64/CP, chi riêng đo đạc đã tăng 1,5-2 lần; nếu tính toàn bộ chi phí từ khâu đo đạc đến hoàn thiện hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng thì tăng từ 30-50% so với tổng chi phí thực hiện ở địa bàn đã chuyển đổi ruộng đất (chỉ còn 1- 4 thửa/hộ) [3].

### *e. Tình trạng manh mún ruộng đất giảm hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai*

- Ruộng đất manh mún, ô thửa nhỏ, nhiều thửa/hộ, thửa không rõ trên bản đồ đã gây khó khăn rất lớn và lãng phí cho việc lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà hiệu quả lại không thiết thực, quản lý đất đai thiếu chặt chẽ.

- Công tác quản lý sử dụng quỹ đất 5% công ích còn nhiều vấn đề cần quan tâm. Diện tích đất để quỹ công ích thường cao hơn so với quy định của Nghị định 64/CP. Hình thức giao đất 5% phổ biến là giao xen lẫn với quỹ đất giao ổn định, lâu dài cho hộ, rất ít xã quy được vùng tập trung (tại tỉnh Hà Tây: huyện Phúc Thọ, Mỹ Đức 100%, Thị xã Sơn Tây 89% diện tích giao xen lẫn). Việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ đất thiếu chặt chẽ, kiểm tra thường xuyên lơis lỏng, nảy sinh hiện tượng tiêu cực [3].

- Nhu cầu mới về xây dựng cơ sở hạ tầng như: giao thông, thủy lợi, đất làm khu công nghiệp, dịch vụ, công trình phúc lợi... trong điều kiện cơ chế kinh tế nông nghiệp đã thay đổi. Yêu cầu phát triển của xã hội gắn liền với tăng trưởng kinh tế đòi hỏi công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải có nội dung phù hợp.

*f. Tình trạng manh mún ruộng đất làm tăng chi phí trong sản xuất nông nghiệp*

Đảm bảo công bằng giữa những người sử dụng đất, nguyên tắc giao đất ổn định lâu dài cho hộ gia đình, cá nhân có xa, có gần, có tốt, có xấu nên ruộng đất của mỗi hộ có nhiều thửa và nằm ở nhiều xứ đồng khác nhau. Kết quả điều tra ở xã Phương Tú, huyện Ứng Hoà, Hà Tây có hộ có 25 thửa đất nông nghiệp, phân bố ở 25 xứ đồng, xứ đồng xa nhất 2 km; nếu tính trung bình 1 tháng đi thăm đồng 4 lần thì trong một vụ phải đi mất 32 km, chưa kể quãng đường dích dắc từ thửa nọ đến thửa kia. Như vậy, thời gian để đi lại thăm đồng, chăm sóc rất lớn do phải chạy thửa so với khi dồn lại chỉ còn 1-2 thửa, hiệu quả kinh tế sản phẩm làm ra giá thành sẽ cao lên, do tăng ngày công lao động. Nếu sản phẩm làm ra là hàng hoá thì sức cạnh tranh về giá kém so với sản phẩm cùng loại được sản xuất trong điều kiện tập trung đất đai với quy mô lớn [3]

Mặt khác, sản xuất nông nghiệp ở nước ta về cơ bản đã chuyển sang sản xuất hàng hoá, đặc biệt như một số nông sản chủ yếu: cà phê, cao su, điều... Quá trình sản xuất nông nghiệp, hàng hoá tập trung chủ yếu ở những vùng có quy mô bình quân đất nông nghiệp lớn và có lợi thế cạnh tranh về mặt hàng hoá nông sản, gạo hàng hoá ở Đồng bằng Sông Cửu Long, cà phê ở Tây Nguyên, chè ở các tỉnh Miền núi Phía Bắc... Các vùng khác như Đồng bằng Sông Hồng được coi là vùng có thế mạnh về sản xuất lương thực, thực phẩm nhưng trong điều kiện qui mô đất nông nghiệp của từng nông hộ rất thấp, bình quân 0,05 ha/người, tình trạng đất manh mún đã làm hạn chế khả năng sản xuất hàng hoá nông sản [13].

Như vậy, tình trạng manh mún đất đai ảnh hưởng đến phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá, tăng chi phí sản xuất.

**1.1.5. Tích tụ và tập trung ruộng đất**

Theo từ điển từ và ngữ Việt Nam [10] thì:

- Tập trung (tập:tụ hợp; trung: giữa) là dồn tất cả vào một chỗ để tăng cường sức mạnh.
- Tích tụ: dồn vào, tập trung nhiều vào một chỗ;
- Ruộng đất: là đất đai trồng trọt nói chung.
- Tích tụ tư bản là sự tăng thêm về quy mô của tư bản cá biệt bằng cách tư bản hóa giá trị thặng dư, nó là kết quả trực tiếp của tích lũy tư bản.
- Tập trung tư bản là sự tăng thêm quy mô của tư bản cá biệt bằng cách hợp nhất những tư bản cá biệt có sẵn trong xã hội thành một tư bản cá biệt khác lớn hơn.

Tích tụ và tập trung tư bản có mối quan hệ mật thiết với nhau. Tích tụ tư bản làm tăng thêm quy mô sức mạnh của tư bản cá biệt, do đó cạnh tranh sẽ gay gắt hơn, dẫn đến tập trung nhanh hơn. Ngược lại, tập trung tư bản tạo điều kiện thuận lợi để tăng cường bóc lột giá trị thặng dư, nên đẩy nhanh tích tụ tư bản [11].

- Tích tụ và tập trung đất đai được hiểu là phương thức làm tăng quy mô về diện tích của chủ thể sử dụng đất thông qua việc thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất.

+ Chuyển đổi quyền sử dụng đất là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó các bên chuyển giao đất và quyền sử dụng đất cho nhau theo quy định của pháp luật đất đai là Luật dân sự.

+ Chuyển nhượng quyền sử dụng đất là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó các bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất giao đất và quyền sử dụng đất cho bên nhận chuyển nhượng, còn bên nhận chuyển nhượng trả tiền cho bên chuyển nhượng.

+ Thuê quyền sử dụng đất là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó các bên cho thuê chuyển giao đất cho bên thuê đất để sử dụng trong một thời hạn, bên thuê phải trả tiền thuê và trả lại đất khi hết thời hạn thuê. Bên thuê phải sử dụng đất theo đúng mục đích đã được Nhà nước quy định.

+ Thuê lại quyền sử dụng đất là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho thuê lại chuyển giao cho bên cho thuê lại để sử dụng trong một thời hạn, bên thuê lại phải trả tiền thuê và trả lại đất khi hết thời hạn thuê.

+ Thừa kế quyền sử dụng đất là việc để lại quyền sử dụng đất của người đã chết sang cho người thừa kế theo di chúc hoặc theo quy định của pháp luật.

+ Thế chấp quyền sử dụng đất là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó các bên sử dụng đất (gọi là các bên thế chấp) dùng quyền sử dụng đất của mình để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ dân sự với bên kia (gọi là bên nhận thế chấp). Bên thế chấp được tiếp tục sử dụng đất trong thời hạn thế chấp. Bên nhận thế chấp được giao giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên thế chấp.

+ Góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất là việc các chủ thể sử dụng đất đem quyền sử dụng đất góp lại để hình thành các hợp tác xã hoặc tham gia liên doanh liên kết sản xuất kinh doanh, thúc đẩy sự phát triển kinh tế [9].

Tích tụ và tập trung ruộng đất là một tất yếu diễn ra trong quá trình Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Thực tế những năm qua, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của sản xuất nông nghiệp, ở nước ta đã có nhiều hình thức tích tụ ruộng đất khác nhau, có thể tổng kết lại như sau:

- Nhiều nhà nông đã tích tụ ruộng đất lập trang trại bằng cách thuê đất công – tư, mua, mượn hoặc được giao, được thừa kế, cho... để phát triển kinh tế trang trại có quy mô từ nhỏ đến lớn. Đây là hình thức đầu tiên được hình thành từ những năm 80 của thế kỷ XX.

- Dồn điền, đổi thửa để phát triển kinh tế nông hộ, có dịch vụ của hợp tác xã nông nghiệp là hình thức phổ biến mà nhiều tỉnh đã và đang làm (như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thái Bình, Hà Tây...). Đây là một yêu cầu của tích tụ ruộng đất để thực hiện cơ giới hóa có hiệu quả trong giai đoạn đầu, sau đó có thể chọn hình thức hợp tác liên kết sản xuất – kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Hộ tự nguyện góp đất, vốn mua máy lập tổ hợp tác sản xuất, Nhà nước hỗ trợ vốn để mua máy, thực hiện cơ giới hóa nông nghiệp theo hướng: liền đồng, cùng trà, tăng hiệu quả cho từng hộ theo mức tích tụ đất và vốn của mỗi hộ (như ở thôn Vĩ Hà, xã Bình Minh, huyện Bình Lục, Hà Nam đang làm gần như một công ty cổ phần nhỏ). Đây là một hình thức tích tụ hợp lý thỏa mãn được đầy đủ các yêu cầu của tích tụ ruộng đất và sẽ hoàn thiện dần từ thấp đến cao, từ ít đến nhiều, từ nông đến sâu, từ tổ hợp tác sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở liên kết nông – công – thương trong tương lai.

- Ruộng đất đã tích tụ trong các nông, lâm trường của Nhà nước. Hiện những nông, lâm trường quản lý, kinh doanh tốt và những cơ sở giống quốc gia thì được củng cố, phát triển, còn những nông, lâm trường quản lý kém, làm ăn thua lỗ thì đã và đang được cổ phần hóa hoặc thực hiện công tư hợp doanh.

- Trong ngành mía đường, còn có một hình thức tích tụ ruộng đất trồng mía của nông dân xung quanh nhà máy đường của Công ty đường Bourbon (Buốc-bông) của Pháp đóng tại Tây Ninh và Gia Lai theo nguyên tắc: "Liên đồng, cùng trà, khác chủ" trên cơ sở liên kết nông- công – thương, thực hiện sản xuất nguyên vật liệu mía của nông dân, chế biến và tiêu thụ đường của Công ty đã đạt hiệu quả kinh doanh cao. Trong đó, nông dân được Công ty hướng dẫn quy trình kỹ thuật trồng, công khai hóa ngày trồng – tháng đốn, đầu tư giống mới, máy cày làm đất, phân, thuốc phòng trừ sâu bệnh và có hợp đồng mua mía bảo đảm giá mua có lãi thỏa đáng, tạo độ tin cậy cao cho nông dân phát triển sản xuất mía nguyên liệu cho nhà máy.

- Trong ngành cà-phê có hình thức hộ nông dân góp vốn cổ phần bằng đất để trồng cà-phê vào công ty cổ phần như ở Công ty cà-phê Thái Hòa (Lạc Sơn, Hòa Bình). Công ty bỏ vốn (khoảng 80 triệu đồng/ha) đầu tư xây dựng cơ bản vườn cà-phê (cây giống, phân, nước...) đến khi vườn cà-phê đưa vào kinh doanh ổn định; hướng dẫn kỹ thuật trồng mới cho nông dân. Hộ nông dân sau khi góp vốn bằng đất sẽ là thành viên của

Công ty, được hưởng chế độ quy định, được bố trí làm việc theo khả năng của từng người theo nguyên tắc “ai làm nhiều được hưởng nhiều”. Tuy vậy, khi hộ nào thấy cần rút vườn cà-phê của mình ra khỏi Công ty để tự sản xuất thì trả lại phần vốn đầu tư trồng mới cho Công ty; hộ tự sản xuất (có sự giúp đỡ kỹ thuật và ứng vật tư của công ty) sẽ bán nguyên liệu cà phê cho Công ty theo hợp đồng. Công ty sẽ tiến lên có nhà máy chế biến và tiêu thụ sản phẩm, thực hiện công nghiệp hóa liên hoàn đạt hiệu quả cao. [26]

### **1.1.6. Những kinh nghiệm về tích tụ và tập trung ruộng đất của một số nước trên thế giới.**

#### **a. Tích tụ ruộng đất ở một số nước Âu, Mỹ**

Ở các nước Âu, Mỹ bình quân ruộng đất trên đầu người khá cao, tốc độ đô thị hóa nhanh, nhu cầu lao động cho công nghiệp nhiều, chính quyền khuyến khích việc đẩy nhanh tốc độ tích tụ ruộng đất, mở rộng quy mô trang trại bằng các chính sách và các biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích sản xuất kinh doanh của các trang trại lớn. Tuy nhiên, để tránh tích tụ ruộng đất vượt hạn mức trong từng địa phương, một số nước như Anh, Pháp có biện pháp quản lý thông qua Hội đồng quy hoạch đất đai của từng địa phương, với Hội đồng quản trị gồm những đại diện nông dân địa phương, những chuyên viên ruộng đất và hai ủy viên của chính phủ (thuộc Bộ Nông nghiệp và Bộ Tài chính). Hội đồng này mua đất trên thị trường tạo ra quỹ đất dự trữ và bán lại công khai cho các hộ dân theo giá thị trường.

Ở Pháp, tuy không đề ra các hạn mức cụ thể, nhưng để đề phòng tích tụ ruộng đất quá mức, Nhà nước đã có biện pháp can thiệp vào thị trường ruộng đất, thông qua Hội đồng quy hoạch ruộng đất địa phương để mua bán đất của nông dân, lập quỹ đất dự trữ, điều tiết thị trường bất động sản.

**Bảng 1.4. Tích tụ ruộng đất ở một số nước Âu, Mỹ**

Tên nước	Quy mô trang trại ( ha)		
	Năm 1950	Năm 1970	Năm 1990
Mỹ	86,00	151,00	185,00
Anh	36,00	55,00	75,00
Pháp	14,00	23,00	29,00

( Nguồn: *Hội khoa học kinh tế Việt Nam năm 1998*)[8]

#### **b. Tích tụ ruộng đất ở một số nước Châu Á**

Các nước thuộc Châu Á bình quân ruộng đất thấp, quy mô trang trại nhỏ nên việc tích tụ ruộng đất không dễ dàng như các nước Âu, Mỹ. Ngay Nhật Bản là một nước có trình độ công nghiệp hóa cao trong lĩnh vực nông nghiệp cũng có tình trạng

như vậy. Sau cải cách ruộng đất năm 1950, Nhật Bản chủ trương hạn chế việc bán ruộng đất đã gây trở ngại cho việc tích tụ ruộng đất. Về sau đã thay đổi chủ trương này nhưng việc tích tụ ruộng đất cũng chậm chạp. Tuy nhiên, họ có kinh nghiệm đáng quan tâm là hạn chế việc chia nhỏ quy mô ruộng đất của các hộ nông dân. Một hộ có nhiều con, theo tập quán chỉ có người con trai trưởng mới có nhiệm vụ tiếp tục ở nông thôn làm ruộng đất và chăm sóc cha mẹ, còn các con khác phải đi làm nghề khác, không chia ruộng đất cho tất cả các con.

**Bảng 1.5 Tình hình tích tụ đất ở một số nước Châu Á**

Tên nước	Quy mô trang trại ( ha)		
	Năm 1950	Năm 1970	Năm 1990
Nhật Bản	0,8	1,1	1,4
Đài Loan	1,12	0,83	1,21
Hàn Quốc	0,86	0,94	1,2
Thái Lan	3,5	3,56	4,52

*Nguồn: Hội khoa học kinh tế Việt Nam năm 1998[8]*

Ở Đài Loan, sau năm 1949 dân số tăng đột ngột do sự di dân từ lục địa ra. Lúc đầu chính quyền Tưởng Giới Thạch thực hiện cải cách ruộng đất theo nguyên tắc phân phối đồng đều ruộng đất cho nông dân. Ruộng đất đã được trưng thu, mua lại của các địa chủ rồi bán chịu bán trả dần cho nông dân, tạo điều kiện ra đời các trang trại gia đình quy mô nhỏ. Năm 1953, ở Đài Loan đã có đến 679.000 trang trại với quy mô bình quân là 1,29 ha/ trang trại; đến năm 1991 số trang trại đã lên đến 823.256 với quy mô bình quân chỉ còn 1,08 ha/ trang trại. Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn sau này đòi hỏi phải mở rộng quy mô của các trang trại gia đình nhằm ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm,... nhưng do người Đài Loan coi ruộng đất là tiêu chí đánh giá vị trí của họ trong xã hội nên mặc dù có thị trường nhưng ruộng đất vẫn không được tích tụ ( có nhiều người tuy là chủ đất nhưng đã chuyển sang làm những nghề phi NN). Để giải quyết tình trạng này, năm 1983 Đài Loan công bố Luật Phát triển nông nghiệp, trong đó công nhận phương thức sản xuất ủy thác của các hộ nông dân, có nghĩa là nhà nước công nhận việc chuyển quyền sở hữu đất đai. Ước tính đã có trên 75% số trang trại áp dụng phương thức này để mở rộng quy mô sản xuất. [6]

### ***1.1.7. Cơ sở thực tiễn của việc tập trung tích tụ đất đai ở Việt Nam***

Việt Nam bắt đầu con đường đổi mới kinh tế của mình vào năm 1986. Mục tiêu của chính sách đổi mới là chuyển nền kinh tế Việt Nam từ mô hình kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Trong lĩnh vực nông nghiệp,



Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị năm 1988 là bước ngoặt cơ bản. Nội dung chính của chính sách này là công nhận hộ nông dân là một đơn vị kinh tế tự chủ, tự do hoá thị trường đầu vào và đầu ra của sản xuất cũng như các tư liệu sản xuất khác (ngoại trừ đất đai) và giao đất sử dụng ổn định, lâu dài cho người dân. Chính sách mới này đã dẫn đến xoá bỏ hợp tác hoá trong nông nghiệp. Cũng theo chính sách này, nông dân được giao đất nông nghiệp trong 15 năm và ký hợp đồng sử dụng các đầu vào, sử dụng lao động và sản phẩm mà họ sản xuất ra. Các chỉ tiêu trong hợp đồng được ổn định trong 5 năm. Hơn nữa, hầu hết các tư liệu sản xuất (máy móc, trâu bò và các công cụ khác) được coi là sở hữu tư nhân. Từ đó, nông nghiệp Việt Nam bước vào một giai đoạn mới tương đối ổn định. Tuy nhiên, thời gian giao đất còn quá ngắn và một số quyền sử dụng đất khác chưa được luật pháp hoá. Điều này dẫn đến nông dân có thể ít có động cơ đầu tư dài hạn trên đất. Luật Đất đai năm 1993 ra đời đã giải quyết được những vấn đề nêu trên. Theo đó nông dân được giao đất ổn định và lâu dài. Họ được giao 5 quyền sử dụng đất bao gồm: quyền chuyển nhượng, trao đổi, cho thuê, thừa kế và thế chấp. Nguyên tắc quan trọng nhất trong việc giao đất là duy trì sự công bằng. Thông thường ở nhiều nơi trên miền Bắc, đất đai được chia bình quân theo định suất (hoặc bình quân theo nhân khẩu). Những tiêu chuẩn khác cũng được xem xét khi giao đất là các chính sách xã hội, chất lượng đất, tình hình thuỷ lợi, khoảng cách đến thửa ruộng và khả năng luân canh cây trồng. Đất cây hàng năm ở Việt Nam được chia thành 6 hạng. Do đó, để duy trì nguyên tắc công bằng mỗi hộ thường được giao nhiều thửa với nhiều hạng đất khác nhau, ở các cánh đồng khác nhau với chất lượng đất khác nhau. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản tạo ra tình trạng manh mún đất đai ở Việt Nam. Nguyên nhân của manh mún đất đai do giao đất nông nghiệp công bằng đã được nhiều cơ quan và các nhà nghiên cứu thảo luận và phân tích những năm gần đây. Manh mún có nhiều mức độ khác nhau, ở một số vùng tình trạng manh mún có thể nghiêm trọng hơn ở những nơi hoặc vùng khác. Theo số liệu của Tổng cục Địa chính năm 1998, bình quân 1 hộ vùng Đồng bằng sông Hồng có khoảng 7 - 8 thửa trong khi ở vùng núi phía Bắc con số này còn cao hơn từ 10 - 20 thửa. Số liệu điều tra từ 42.167 nông hộ ở tỉnh Hưng Yên cho thấy sau khi giao đất năm 1993, trung bình một hộ có 7,6 thửa. Vào năm 1998, Chính phủ đã đề ra chính sách khuyến khích nông dân đổi ruộng cho nhau để tạo thành những thửa có diện tích lớn hơn. Từ đó, các tỉnh miền Bắc, đặc biệt là vùng ĐBSH đã thành lập các hội đồng thực hiện thí điểm công tác dồn điền, đổi thửa. Theo báo cáo, trên toàn quốc có khoảng trên 700 xã ở 18 tỉnh đã và đang thực hiện dồn điền, đổi thửa, tuy nhiên tiến trình vẫn còn rất chậm. Trên thực tế ở những vùng này đất đai được chia lại cho các hộ nông dân với mục tiêu là giảm số thửa ruộng. Ví dụ: Ở tỉnh

Thanh Hoá số thửa ruộng đã giảm 51% trong 3 năm thực hiện chính sách này (1998 – 2001). Trung bình số thửa ruộng của một hộ đã giảm từ 7,8 thửa xuống còn 3,8 thửa. Trong các báo cáo gửi Chính phủ và UBND tỉnh, khi rút kinh nghiệm công tác dồn điền, đổi thửa, các địa phương đều đưa ra kết luận công tác dồn điền, đổi thửa nên áp dụng ở những vùng mà manh mún đất đai đang là vấn đề lớn và không có mâu thuẫn về đất đai. Điều đó có nghĩa dồn điền, đổi thửa không nên dẫn đến những mâu thuẫn mới liên quan đến đất đai. Nguyên tắc quan trọng nhất trong dồn điền, đổi thửa là các hộ nông dân tự nguyện đổi đất cho nhau để tạo thành những thửa lớn hơn. Tuy nhiên, ở rất nhiều tỉnh quá trình giao lại đất đã xảy ra, trong đó các hộ nông dân được tham gia rất ít vào quá trình này, ngoại trừ việc đánh giá chất lượng đất và xác định hệ số trao đổi giữa các hạng đất. Bởi đất đai ở Việt Nam là sở hữu toàn dân, do đó các hộ nông dân cho rằng họ không có quyền tham gia vào quá trình giao lại đất hoặc thảo luận về kế hoạch hoá sử dụng đất [19].

#### ***1.1.8. Cơ sở pháp lý của công tác tập trung tích tụ ruộng đất.***

Công tác chuyển đổi ruộng đất từ ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn được tiến hành dựa trên các cơ sở pháp lý sau đây:

- Văn kiện Đại hội Đảng khóa VII, Văn kiện Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 2 ( khóa VII), Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương lần thứ 4 ( khóa VIII) và nghị quyết số 06 của Bộ Chính trị năm 1999;
- Đại hội IX của Đảng đã quyết định đường lối, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nước ta 10 năm ( 2001-2010) trong đó nông nghiệp, nông thôn được quan tâm đặc biệt.
- Nghị quyết số 26/NQ-TU ngày 12/3/2003 tại hội nghị lần thứ Bảy BCH Trung ương Đảng ( khóa IX) về việc tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HDH đất nước đã nêu rõ: “ Khuyến khích tích tụ đất đai, sớm khắc phục tình trạng đất sản xuất nông nghiệp manh mún. Quá trình tích tụ đất đai cần có sự chỉ đạo và quản lý của Nhà nước, có quy hoạch, kế hoạch, có bước đi vững chắc trên từng địa bàn, lĩnh vực gắn với chương trình phát triển ngành nghề, tạo việc làm. Tích tụ đất đai thông qua việc nhận chuyển nhượng và nhiều biện pháp khác phục và phù hợp với từng thời kỳ, từng vùng”;
- Quyết định số 68/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động của Chính Phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ Năm BCH Trung ương Đảng khóa IX: “ Về đất đai: điều chỉnh các cơ chế, chính sách để tạo điều kiện cho nông dân thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đối với đất đai như khuyến khích nông dân dồn điền đổi thửa; cho phép nông dân sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn, liên doanh, liên kết sản xuất kinh doanh”;

- Chỉ thị số 22/2003/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thúc đẩy thực hiện Nghị quyết Trung ương khóa IX về kinh tế tập thể: "... Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn việc dồn điền đổi thửa trên nguyên tắc tự nguyện, tự thỏa thuận và các bên cùng có lợi, kết hợp tổ chức quy hoạch lại đồng ruộng, sử dụng đất đai có hiệu quả...";

### **1.1.9. Tình hình dồn điền đổi thửa ở một số địa phương**

- Đến nay đã có 18 tỉnh, thành phố, gần 80 huyện và trên 700 xã, phường, thị trấn tiến hành vận động nhân dân thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa [15].

- Đã có 11 tỉnh vùng ĐBSH với 50/69 huyện, thành thị (52,1%) với 766/2001 xã, phường thị trấn (38,1%) tổ chức thực hiện dồn điền đổi thửa; Ở Phú Thọ đã có 13/13 huyện, thị với 253/274 xã, phường, thị trấn tiến hành dồn điền đổi thửa [2].

- Về số thửa: hầu hết ở các địa phương sau thực hiện ĐDDT, số thửa đều có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, cụ thể: ở Hà Nội, trước dồn đổi bình quân có 6 thửa/hộ, sau dồn đổi còn 4,8 thửa/hộ; ở Hà Tây chỉ tiêu này là 9,5 và 4,8; ở Hải Dương là 9,2 và 3,7 [2].

- Về diện tích mỗi thửa: ở Hà Nội, trước dồn đổi bình quân diện tích/thửa là  $286,9m^2$ , sau dồn đổi là  $357m^2$ /thửa; Hà Tây chỉ số này là  $216m^2$  và  $425m^2$ ; Hải Dương là  $283m^2$  và  $684m^2$ ; Thái Bình là  $320m^2$  và  $960m^2$ ...Kết quả trên cho thấy, diện tích thửa đất lớn đã tiết kiệm được diện tích đắp bờ, chia ranh giới thửa đất [5].

- ĐDDT đã tháo gỡ được nhiều vướng mắc như thu hồi nợ đọng của hộ xã viên, giải quyết tình trạng trang chấp, lấn chiếm đất đai, những nghi kỵ, ngờ vực do việc giao đất không công bằng; tạo được không khí hồ hởi, phấn khởi, đoàn kết trong thôn, xóm, khích lệ sản xuất, làm giàu chính đáng.

- ĐDDT đã tạo động lực cho sản xuất phát triển; huy động được nguồn lực kinh tế của hộ nông dân; phát huy tính tự chủ của đơn vị cơ sở, hộ có điều kiện đầu tư thâm canh, bố trí lại cơ cấu sản xuất, thời vụ, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng để tăng vụ, tăng năng suất, lao động, tạo ra nhiều sản phẩm đạt hiệu quả kinh tế cao. Theo số liệu báo cáo của các địa phương, sau thực hiện dồn điền đổi thửa một vài vụ, năng suất cây trồng tăng từ 15 - 20%, giá trị thu nhập tăng từ 13 triệu đồng/ ha/năm lên 18 triệu đồng/ ha/năm và có nhiều diện tích đạt tới 25 - 30 triệu đồng/ ha/năm. Nhiều địa phương sau thực hiện dồn điền đổi thửa đã sắp xếp lại lực lượng lao động, rút được lao động dư thừa sang làm ngành nghề khác như sản xuất tiêu thủ công nghiệp ở Thọ Xuân (Thanh Hoá), Từ Sơn, Tiên Du (Bắc Ninh) [15].

- Phần lớn các hộ nông dân sau khi ĐDDT đã tiết kiệm được thời gian lao động,

giảm chi phí, giảm công "chạy đồng" trước đây từ nhiều xú đồng, nhiều thửa ruộng nay tập trung đầu tư cho 2 - 5 thửa thuộc 2 - 3 xú đồng, có điều kiện để cải tạo đất, làm kỹ hơn các khâu canh tác, chăm sóc đồng ruộng và ứng phó kịp thời để phòng chống thiên tai và những rủi ro trong sản xuất nông nghiệp [14].

## **1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp**

### **1.2.1. Nhóm các yếu tố về điều kiện tự nhiên**

Điều kiện tự nhiên (đất, nước, khí hậu, thời tiết...) có ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp [7]. Cần phải đánh giá đúng điều kiện tự nhiên, trên cơ sở đó xác định trong sản xuất.

- Điều kiện khí hậu: các yếu tố khí hậu có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Các yếu tố như: tổng tích ôn, số giờ nắng, lượng mưa, độ ẩm có ảnh hưởng trực tiếp đến việc bố trí cơ cấu và năng suất của cây trồng.

- Điều kiện đất đai: tính chất đất đai được quyết định bởi nguồn gốc đá mẹ và độ phì của lớp đất bề mặt được quyết định bởi lớp phủ thực vật, cách thức sử dụng của người sử dụng đất. Độ phì của đất đai và cách thức bố trí cơ cấu cây trồng phù hợp với tính chất đất có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất cây trồng và hiệu quả sử dụng đất trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên để mang lại hiệu quả ất.

### **1.2.2 Nhóm các yếu tố kinh tế - xã hội**

#### **\* Biện pháp kỹ thuật**

Các biện pháp kỹ thuật của con người tác động vào đất đai, cây trồng, vật nuôi nhằm tạo ra các yếu tố của quá trình sản xuất để hình thành, phân bố và tích lũy năng suất kinh tế. Đây là những tác động có hiểu biết sâu sắc về đối tượng sản xuất, về thời tiết, điều kiện môi trường và thể hiện những dự báo thông minh. Lựa chọn các tác động kỹ thuật, lựa chọn chủng loại và cách sử dụng đầu vào phù hợp với quy luật tự nhiên của sinh vật nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

Ở các nước phát triển khi có sự tác động tích cực của kỹ thuật, giống mới, thủy lợi, phân bón tới hiệu quả thì cũng đặt ra yêu cầu mới đối với tổ chức sử dụng đất. Đến thế kỷ XXI, nông nghiệp nước ta ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất góp phần tăng cao đến 30% năng suất kinh tế [2]. Như vậy nhóm các yếu tố kỹ thuật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình khai thác đất theo chiều sâu và nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, các biện pháp kỹ thuật gồm:

- Biện pháp kinh tế: vay vốn, đầu tư, hỗ trợ giá nông sản...
- Biện pháp sinh học: thay đổi giống, bố trí cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên...
- Biện pháp kỹ thuật: các biện pháp cải tạo đất, chăm sóc cây trồng, gieo trồng,

xây dựng hệ thống thủy lợi...

- Biện pháp quản lý: định hướng trồng cây gì, nuôi con gì, số lượng diện tích, các chính sách...

**\* Nhóm các yếu tố tổ chức**

- Công tác quy hoạch bố trí sản xuất: thực hiện công tác phân vùng quy hoạch sinh thái nông nghiệp dựa vào điều kiện tự nhiên, dựa trên cơ sở phân tích, dự báo và đánh giá nhu cầu thị trường, gắn với quy hoạch phát triển các khu công nghiệp chế biến, kết cấu hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực và thể chế pháp luật bảo vệ tài nguyên, môi trường [12]. Đó là cơ sở để phát triển hệ thống cây trồng vật nuôi và khai thác đất một cách đầy đủ, hợp lý.

- Hình thức tổ chức sản xuất: các hình thức tổ chức sản xuất có ảnh hưởng trực tiếp đến việc tổ chức khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Vì thế, phát huy thế mạnh của các loại hình tổ chức sản xuất phù hợp và giải quyết tốt mối quan hệ giữa các hình thức đó. Trong tương lai hình thành nên quy mô sản xuất trên ô thửa lớn bằng việc tích tụ ruộng đất và chuyển đổi ruộng đất, đồng thời với việc xác lập các hệ thống tổ chức sản xuất như hợp tác xã, từng bước hình thành các trang trại tập trung phát triển sản xuất.

**\* Nhóm các yếu tố xã hội**

- Hệ thống thị trường và sự hình thành thị trường đất nông nghiệp, thị trường nông sản. Có 3 yếu tố chủ yếu ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất là: năng suất cây trồng, hệ số quay vòng đất và thị trường cung cấp đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra.

- Hệ thống chính sách: chính sách đất đai, chính sách điều chỉnh cơ cấu đầu tư, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, chính sách thuế xuất nhập khẩu nông sản, chính sách tín dụng và ngân hàng.

- Sự ổn định chính trị xã hội và các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp của cả nước.

- Những kinh nghiệm, tập quán sản xuất nông nghiệp, trình độ, năng lực của các chủ thể sản xuất kinh doanh, trình độ đầu tư.

### **1.3. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp**

**\* Hiệu quả kinh tế [20]**

- Hiệu quả tính trên 1 ha đất nông nghiệp

+ Giá trị sản xuất (GTSX): là toàn bộ giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ được tạo ra trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm).

+ Giá trị gia tăng (GTGT): là hiệu số giữa GTSX và chi phí trung gian (CPTG), là giá trị sản phẩm xã hội được tạo ra thêm trong một thời kỳ sản xuất đó.

$$GTGT = GTSX - CPTG$$

+ CPTG: là toàn bộ các khoản chi phí vật chất thường xuyên bằng tiền mà chủ thể bỏ ra thuê và mua các yếu tố đầu vào và dịch vụ sử dụng trong quá trình sản xuất.

- Hiệu quả kinh tế tính trên một đồng CPTG, bao gồm:  $GTSX/CPTG$  và  $GTGT/CPTG$ , đây là chỉ tiêu tương đối của hiệu quả. Nó chỉ ra hiệu quả sử dụng các chi phí biến đổi và thu dịch vụ.

- Hiệu quả kinh tế trên một ngày công lao động (LĐ) quy đổi:  $GTSX/LĐ$  và  $GTGT/LĐ$ . Thực chất là đánh giá kết quả đầu tư lao động sống cho từng kiểu sử dụng đất và từng cây trồng, làm cơ sở để so sánh với chi phí cơ hội của từng người lao động. Các chỉ tiêu phân tích được đánh giá định lượng (giá trị tuyệt đối) bằng tiền theo thời giá hiện hành và định tính (giá tương đối) được tính bằng mức độ cao, thấp. Các chỉ tiêu đạt mức càng cao thì hiệu quả kinh tế càng lớn.

#### **\* Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả xã hội**

Theo hội khoa học đất Việt Nam [1], hiệu quả xã hội được phân tích bởi các chỉ tiêu:

- Đảm bảo an toàn lương thực, gia tăng lợi ích của người nông dân.
- Đáp ứng được mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế của vùng.
- Thu hút nhiều lao động, giải quyết công ăn việc làm cho người nông dân.
- Góp phần định canh, định cư, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật,...
- Tăng cường sản phẩm hàng hoá, đặc biệt là xuất khẩu.

#### **\* Các chỉ tiêu về hiệu quả môi trường [4]**

- Bảo vệ độ phì của đất và bảo vệ cây trồng, hạn chế việc ô nhiễm đất do sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.
- Hạn chế thoái hóa đất do xói mòn, mặn hóa, mất kết cấu thông qua việc sử dụng đất thích hợp.
- Sự thích hợp với môi trường đất khi thay đổi kiểu sử dụng đất.

Việc xác định hiệu quả về mặt môi trường của quá trình sử dụng đất là rất phức tạp, rất khó định lượng, đòi hỏi phải được nghiên cứu, phân tích trong một thời gian để có thể kiểm chứng và đánh giá, dựa trên cơ sở điều tra đánh giá phỏng vấn trực tiếp các hộ nông dân.

### **1.4. Một số nghiên cứu về vấn đề ảnh hưởng của chuyển đổi ruộng đất đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.**

Công trình “Nghiên cứu ảnh hưởng của dồn điền đổi ruộng đất và hiệu quả sử dụng đất của hộ nông dân ở huyện Ứng Hòa – Hà Nội” của tác giả PGS.TS. Nguyễn Khắc Thời và ThS. Bùi Thị Phúc (năm 2009) tác giả đã phân tích những nguyên nhân của việc manh mún đất đai, hạn chế của việc manh mún đất đối với sử dụng đất nông

ng nghiệp của các nông hộ. Các tác giả đã chỉ ra rằng: Sau khi thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, số lượng thửa và quy mô thửa của từng hộ đã thay đổi theo chiều hướng tích cực góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế sử dụng đất, cải thiện đời sống của nông dân.

Công trình: “Đánh giá hiệu quả một số loại hình sử dụng đất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ở vùng trũng của huyện Phú Xuyên – TP Hà Nội” của tác giả Nguyễn Trọng Vĩnh (năm 2010). Tác giả đã đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của huyện ảnh hưởng đến sử dụng đất nông nghiệp. Hệ thống các mô hình sử dụng đất hiện có trên địa bàn vùng thấp trũng tại huyện Phú Xuyên – TP Hà Nội. Phân tích những ưu và nhược điểm của các mô hình sử dụng đất hiện có. Đánh giá hiệu quả kinh tế của các mô hình sử dụng đất hiện có và đề xuất một số mô hình có hiệu quả cao và bền vững có khả năng sản xuất hàng hóa để nhân rộng trên địa bàn vùng thấp trũng của huyện.

Công trình: Đánh giá hiệu quả sử dụng đất trên địa bàn huyện Chương Mỹ - TP Hà Nội (Năm 2000) của tác giả Hoàng Đình Trà. Tác giả đã tập trung nghiên cứu về thực trạng sử dụng đất nông – lâm nghiệp vùng của huyện Chương Mỹ, đánh giá được hiệu quả kinh tế sử dụng đất của một số cây trồng chính, của các kiểu sử dụng đất chính và một mô hình kinh tế trang trại trong vùng. Nhưng đề tài mới chỉ tập trung đánh giá hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất mà chưa đánh giá được hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường trong sử dụng đất.

## CHƯƠNG 2

### MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### **2.1. Mục tiêu nghiên cứu**

- Đánh giá thực trạng công tác tích tụ và tập trung đất đai trên địa bàn huyện.
- Đánh giá ảnh hưởng của quá trình tập trung tích tụ ruộng đất đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.
- Đề xuất một số giải pháp để nhằm hoàn thiện công tác tập trung tích tụ ruộng đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện.

#### **2.2. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

##### **2.2.1. Đối tượng nghiên cứu**

- Nghiên cứu kết quả của việc thực hiện tập trung, tích tụ đất đai trên địa bàn huyện.
- Ảnh hưởng của việc tập trung tích tụ đất đai đến hiệu quả sử dụng đất

##### **2.2.2. Phạm vi nghiên cứu**

Việc nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình tập trung tích tụ đất đai đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cần phải nghiên cứu trên nhiều phương diện và phải có thời gian dài. Trong điều kiện thời gian có hạn chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu bước đầu của công tác tập trung tích tụ đất đai đó là công tác chuyển đổi ruộng đất, dồn ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn trên địa bàn huyện để đánh giá những ảnh hưởng của việc chuyển đổi ruộng đất, dồn điền đổi thửa đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp làm tiền đề cho công tác tập trung tích tụ ruộng đất.

#### **2.3. Nội dung nghiên cứu**

##### **2.3.1. Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện.**

- Đánh giá điều kiện tự nhiên
- Đánh giá điều kiện kinh tế, xã hội

##### **2.3.2. Thực trạng quá trình tập trung, tích tụ ruộng đất trên địa bàn huyện Phú Xuyên**

- Thực trạng ruộng đất của huyện sau khi giao đất ổn định lâu dài theo Nghị định 64/CP năm 1993
- Công tác triển khai quy trình dồn điền đổi thửa trên địa bàn huyện
- Kết quả công tác dồn điền đổi thửa ở các hộ điều tra

##### **2.3.3. Tác động của quá trình tập trung tích tụ đất đai đến sản xuất nông nghiệp**

- Sự thay đổi diện tích đất canh tác
- Tác động đến quá trình sản xuất



- Tác động đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

**2.3.4. Đánh giá chung về quá trình tập trung tích tụ đất đai trên địa bàn nghiên cứu**

**2.3.5. Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác dồn điền đổi thửa và nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện.**

## **2.4. Phương pháp nghiên cứu**

### **2.4.1. Phương pháp điều tra thu thập thông tin thứ cấp**

Tiến hành thu thập toàn bộ các tài liệu có liên quan từ các nguồn khác nhau: Phòng tài nguyên môi trường, phòng thống kê, các xã....

- Các văn bản pháp quy có liên quan đến việc sử dụng đất đai.

- Các văn bản, tài liệu có liên quan đến công tác chuyển đổi ruộng đất.

- Các tài liệu và kết quả nghiên cứu có liên quan đến việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

- Các báo cáo của các cấp chính quyền địa phương về tình hình sản xuất nông nghiệp.

- Các loại tài liệu khác có liên quan như: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ thổ nhưỡng...

### **2.4.2. Phương pháp điều tra thu thập thông tin sơ cấp**

- Phương pháp điều tra nhanh nông thôn (RRA): tiến hành đi thực địa, điều tra nhanh;

- Phương pháp điều tra có sự tham gia của cộng đồng (PRA): điều tra theo bộ câu hỏi chuẩn bị sẵn, tổ chức thảo luận nhóm...

### **2.4.3. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu**

\* Điểm nghiên cứu được chọn dựa trên những tiêu chí sau đây:

- Thể hiện tính đại diện của vùng nghiên cứu;

- Đa dạng về các loại hình sử dụng đất;

- Đa dạng về chủ thể tham gia (hộ gia đình, cá nhân, doanh nghiệp...);

- Đa dạng về các thành phần dân tộc, văn hoá;

\* Chọn vùng nghiên cứu: Để đảm bảo cho mục tiêu nghiên cứu, vùng nghiên cứu được chọn là toàn bộ các xã trên địa bàn huyện Phú Xuyên – TP Hà Nội chia làm 2 tiểu vùng:

- Vùng phía Đông đường quốc lộ 1A gồm 14 xã, thị trấn có địa hình cao hơn mực nước biển 2,5-3,0mm và cao hơn vùng phía Tây.

- Vùng phía Tây đường quốc lộ 1A gồm 14 xã: Phượng Dực, Đại Thắng, Văn Hoàng, Hồng Minh, Phú Túc, Chuyên Mỹ, Tri Trung, Hoàng Long, Quang Trung, Sơn Hà, Tân Dân, Văn Từ, Phú Yên, Châu Can thuộc địa hình thấp

\* Chọn xã nghiên cứu: Việc lựa chọn các xã để nghiên cứu có thể căn cứ vào nhiều tiêu chí khác nhau nhưng do giới hạn về thời gian và nguồn lực nghiên cứu nên việc lựa chọn

này phụ thuộc vào: 1) Xã có tính đại diện về vị trí địa lý; 2) Có tính đại diện về quy mô diện tích; 3) Có tính đa dạng về các loại hình sử dụng đất nông nghiệp của vùng; 4) Đa dạng về các chủ thể tham gia; 5) Đa dạng về các thành phần dân tộc, văn hoá.

Tổng số xã lựa chọn để khảo sát nghiên cứu là 3 xã, gồm: Vùng phía Đông là xã Thụy Phú; Vùng phía Tây là xã Văn Hoàng và đại diện cho vùng thấp trũng của huyện chọn xã Chuyên Mỹ.

Trong mỗi xã dự kiến sẽ lựa chọn 50 hộ có các loại hình sử dụng đất nông nghiệp đặc trưng của vùng để điều tra, khảo sát. Tổng số hộ sẽ điều tra là 150 hộ.

Ngoài ra sẽ lựa chọn một số mô hình trang trại có trên toàn vùng để điều tra, khảo sát.

#### ***2.4.4. Phương pháp xử lý số liệu***

Thông tin, số liệu thu thập được sẽ được xử lý theo từng nội dung nghiên cứu. Cụ thể:

- Các thông tin định lượng (tổng hợp từ các bảng hỏi, biểu mẫu) sẽ được xử lý thống kê bằng sự hỗ trợ của phần mềm excel;

- Các thông tin định tính (từ các cuộc phỏng vấn nhanh, thảo luận nhóm....) sẽ được tổng hợp, xử lý nhờ phần mềm Word và excel;

#### ***2.4.5. Phương pháp đánh giá hiệu quả sử dụng đất***

- Đánh giá hiệu quả kinh tế sử dụng đất
- Đánh giá hiệu quả xã hội
- Đánh giá hiệu quả môi trường

#### ***2.4.6. Phương pháp khác***

- Phương pháp chuyên gia;
- Phương pháp dự báo;
- Phương pháp tính toán theo định mức;

## CHƯƠNG 3

### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội huyện Phú Xuyên

##### 3.1.1. Điều kiện tự nhiên

###### 3.1.1.1. Vị trí địa lý

Phú Xuyên là huyện đồng bằng nằm ở phía nam và cách thủ đô Hà Nội 35 km về phía Bắc, trên vĩ tuyến bắc  $22^{\circ}42'$  và kinh tuyến đông  $105^{\circ}59'$ . Tổng diện tích đất tự nhiên là 171,1046 km<sup>2</sup>, có độ cao trung bình so với mặt nước biển là 2,5m. Tiếp giáp với những địa phương:

- Phía bắc tây bắc giáp huyện Thường Tín và huyện Thanh Oai.
- Phía nam giáp huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
- Phía đông giáp tỉnh Hưng Yên với Sông Hồng là ranh giới.
- Phía tây giáp huyện Ứng Hoà.

Huyện Phú Xuyên có 2 thị trấn và 26 xã, từ trung tâm huyện đi các xã xa nhất phía đông là xã Quang Lãng 12km, phía tây là xã Phú Túc 15km, phía nam là xã Châu Can, phía bắc là thị trấn Phú Minh 5km. Huyện cách trung tâm thành phố Hà Nội là 35km, có 02 đường quốc lộ (1A cũ và đường Pháp Vân-Cầu Giẽ) chạy qua, có các tỉnh lộ 428A, 428B, 429 và đường liên xã nối các xã trong huyện và nối với các tỉnh lân cận.

###### 3.1.1.2. Khí hậu, thời tiết

Khí hậu huyện Phú Xuyên chịu ảnh hưởng của nhiệt đới gió mùa, khí hậu đồng bằng Sông Hồng, chịu ảnh hưởng của gió biển, mùa hè nóng ẩm, mùa đông khô lạnh.

Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm  $23,6^{\circ}\text{C}$ , nhiệt độ cao nhất là  $29,6^{\circ}\text{C}$  (tháng 7) và nhiệt độ thấp nhất là  $16^{\circ}\text{C}$  (tháng 1). Số giờ nắng trung bình năm là 1.357giờ, thuộc mức tương đối cao và thuận lợi cho việc canh tác 3 vụ trong năm. - Mưa: Lượng mưa trung bình hàng năm từ 1.200mm - 1.900mm, lượng mưa phân bố không đồng đều chủ yếu tập trung vào từ tháng 6 đến tháng 9 (chiếm 81% - 86% lượng mưa cả năm). Hàng năm, thường có 1 đến 3 cơn bão với mưa lớn kéo dài gây úng lụt cho các khu vực thấp trũng ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

- Độ ẩm không khí: Độ ẩm trung bình là từ 75% - 85%, độ ẩm cao nhất là 89% (tháng 3) và thấp nhất là 78% (tháng 12).

Nhận xét: nhìn chung khí hậu, thời tiết của huyện mang tính đặc trưng của vùng đồng bằng sông Hồng thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng, vật nuôi. Tuy nhiên vào những ngày nhiệt độ không khí xuống thấp sẽ kìm hãm tốc độ sinh trưởng của cây trồng hay vào thời điểm mưa nhiều nước lớn sẽ gây úng, ngập và gây

hại cho sản xuất nông nghiệp. Khí hậu của vùng cũng rất thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của các loại sâu bệnh phá hoại mùa màng làm ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng gieo trồng. Vì vậy trong sản xuất cần tận dụng các điều kiện thuận lợi và tìm các biện pháp hạn chế những khó khăn do đặc điểm khí hậu, thời tiết của vùng.

#### 3.1.1.3. Địa hình, địa mạo

Phú Xuyên là huyện thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, địa hình tương đối bằng phẳng, cao hơn mực nước biển từ 1,5 - 3,0 m và có hướng dốc dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam. Theo đặc điểm của địa hình, lãnh thổ của huyện được chia làm 2 vùng:

- Vùng phía Đông đường quốc lộ 1A gồm 14 xã, thị trấn có địa hình cao hơn mực nước biển 2,5-3,0m và cao hơn vùng phía Tây.

- Vùng phía Tây đường quốc lộ 1A gồm 14 xã: Phượng Dực, Đại Thắng, Văn Hoàng, Hồng Minh, Phú Túc, Chuyên Mỹ, Tri Trung, Hoàng Long, Quang Trung, Sơn Hà, Tân Dân, Vân Từ, Phú Yên, Châu Can thuộc địa hình thấp trũng, có độ cao so với mực nước biển từ 1,5-2,5m và không được phù sa bồi đắp hàng năm.

Căn cứ vào địa hình, thổ nhưỡng và thủy văn huyện Phú Xuyên có thể chia làm hai tiểu vùng sinh thái khác nhau. Tiểu vùng 1 gồm 10 xã nằm dọc theo sông Hồng có địa hình vùn cao, vùn là loại đất phù sa được bồi và không được bồi hàng năm nên thích hợp với gieo trồng 3 vụ (2 vụ lúa và các loại cây vụ đông hoặc cây công nghiệp ngắn ngày). Tiểu vùng 2 bao gồm 18 xã miền tây huyện, là vùng thấp trũng nên chủ yếu thích hợp với 2 vụ lúa, nuôi trồng thủy sản, nuôi trồng thủy sản kết hợp với nuôi thủy cầm. Bên cạnh đó ở một số diện tích đất cao có thể áp dụng 2 vụ lúa và 1 vụ đông. Đây cũng là vùng có nhiều lương thực nên có thể phát triển chăn nuôi lợn, gà...

#### 3.1.1.4. Giao thông, thủy lợi

- Giao thông:

- + Đường Quốc lộ có đường 1A cũ và đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ (tuyến Pháp Vân- Cầu Giẽ và Cầu Giẽ- Ninh Bình) với tổng chiều dài tuyến qua địa bàn huyện Phú Xuyên là 15,2km.

- + Đường tỉnh lộ: 429 (đường 73), đường tỉnh lộ 428 (đường 75) với tổng chiều dài đường tỉnh lộ qua địa bàn huyện là 35,2km.

- + Đường do huyện quản lý: Tổng số 48km, mặt rộng từ 5-6,5m, đa phần rộng 5,0m.

- + Đường thủy nội huyện có hệ thống sông Nhuệ được nối với hệ thống sông Đáy qua cửa Nhật Tựu, cùng với sông Hồng tạo lên hệ thống đường thủy nội huyện đi các tỉnh phía đông như Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh đảm bảo cho các tàu thuyền có tải trọng lớn đi lại thuận lợi để phát triển kinh tế.

- Thủy lợi: Phú Xuyên là huyện vùng trũng, diện tích canh tác lớn, có nhiều hệ thống kênh tưới, tiêu. Tổng chiều dài kênh tưới tiêu là 1.337,40km.

#### 3.1.1.5. Tài nguyên đất đai

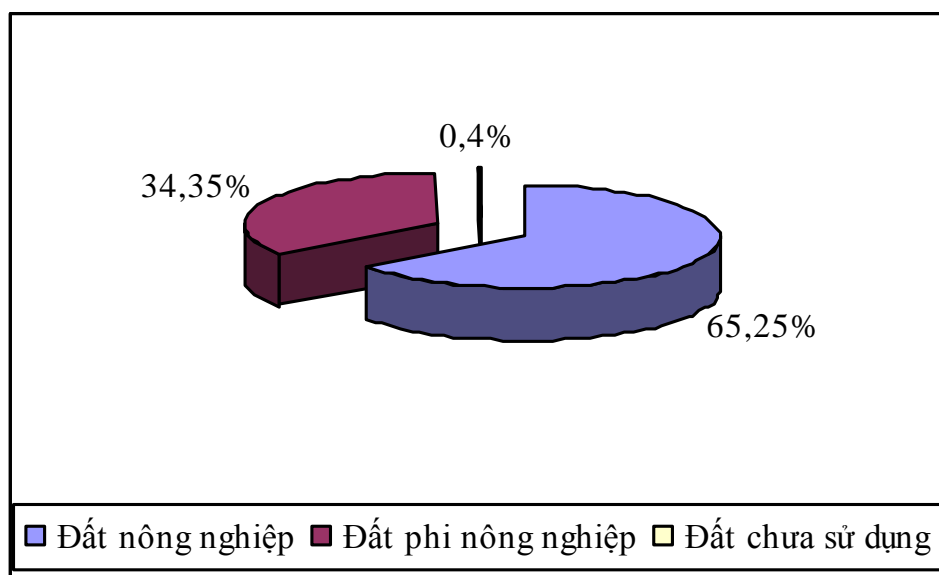
- Hiện trạng sử dụng đất: Theo số liệu kiểm kê năm 2010 thì tổng diện tích tự nhiên của huyện Phú Xuyên là 17.110,46ha, được chia thành các loại chính như sau:

+ Diện tích đất nông nghiệp (NNP): 11.165,90ha, chiếm 65,25%.

(diện tích đất nuôi trồng thủy sản: 789,35ha, chiếm 4,61%.

+ Diện tích nhóm đất phi nông nghiệp (PNN): 5.876,9 ha, chiếm 34,35%.

+ Diện tích đất chưa sử dụng (CSD): 67,65ha, chiếm 0,40%



**Hình 3.1. Cơ cấu sử dụng đất huyện Phú Xuyên năm 2010**

Và thể hiện chi tiết theo từng loại đất ở bảng 3.1

**Bảng 3.1. Hiện trạng sử dụng đất huyện Phú Xuyên năm 2010**

<b>TT</b>	<b>Loại đất</b>	<b>Mã</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Cơ cấu (%)</b>
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>17.110,46</b>	<b>100</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>11.165,90</b>	<b>65,25</b>
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	9.881,98	57,75
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	9.778,06	57,15
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.108,62	53,23
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	669,44	3,91
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	103,92	0,61
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	789,35	4,61
1.4	Đất nông nghiệp khác	NKH	494,57	2,89
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>5.876,90</b>	<b>34,35</b>
2.1	Đất ở	OTC	1.346,77	7,87
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.266,52	7,40
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	80,25	0,47
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	3.293,48	19,25
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, doanh nghiệp	CTS	68,36	0,40
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	10,99	0,06
2.2.3	Đất an ninh	CAN	1,00	0,01
2.2.4	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	113,88	0,67
2.2.5	Đất có mục đích công cộng	CCC	3.099,25	18,11
2.3	Đất tôn giáo tín ngưỡng	TTN	74,50	0,44
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	155,09	0,91
2.5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	SMN	963,25	5,63
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	43,81	0,26
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>67,65</b>	<b>0,40</b>
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	67,65	0,40

*Nguồn: Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Phú Xuyên*

### **\* Đặc điểm thổ nhưỡng đất đai huyện Phú Xuyên**

Phú Xuyên là huyện thuộc đồng bằng được phù sa bồi tụ được phân phối thành hai tiểu vùng trong và ngoài đê sông Hồng nên phân loại đất có các loại:

- Đất phù sa bồi hàng năm, phân bố chủ yếu ở các xã và thị trấn: Phú Minh, Thụy Phú, Hồng Thái, Khai Thái với tổng diện tích 426,44ha, chiếm 3,8% tổng diện tích đất nông nghiệp toàn huyện. Đây là các diện tích đất có PH ở mức độ từ 5-7, giàu lân, trung bình trên 20mg/100g đất, hàm lượng mùn trung bình đến nghèo. Ở các diện tích này, hiện tại các loại hình sử dụng đất như: chuyên rau màu (đỗ tương, lạc, ngô, rau các loại), trang trại tổng hợp (lợn, gà, vịt, ngan), cây ăn quả (hồng xiêm, nhãn...) đang được áp dụng.

- Đất phù sa không được bồi hàng năm trung tính ít chua không glây: phân bố chủ yếu ở các xã và thị trấn phía Đông: Phú Minh, Tân Dân, Đại Xuyên, Văn Nhân, Nam Phong, Hồng Thái, Thụy Phú, Tri Thủy, Quang Lãng, Bạch Hạ, Minh Tân với tổng diện tích 2.977,59ha chiếm tỷ lệ 26,7% trong tổng diện tích đất nông nghiệp của huyện. Đây là các diện tích đất có pH ở mức độ từ 5-7, giàu lân, trung bình trên 20mg/100g đất, độ mùn chủ yếu ở mức dưới 1%, phù hợp với các cây lương thực: lúa, ngô, đậu tương. Ở các diện tích này, hiện tại các loại hình sử dụng đất như: chuyên lúa, chuyên rau màu (đỗ tương, lạc, ngô), trang trại tổng hợp (lợn, gà, vịt, trâu, bò), cây ăn quả (chuối, bưởi, hồng xiêm, nhãn...) đang được áp dụng.

- Đất phù sa không được bồi hàng năm chua glây yếu: phân phối chủ yếu ở các xã phía tây, gồm các xã Thị trấn Phú Xuyên, Hồng Minh, Phượng Dực, Tri Trung, Văn Hoàng, Hoàng Long, Quang Trung, Sơn Hà, Vân Từ, Hoàng Long, Châu Can với tổng diện tích 2.502,63ha, chiếm 22,4% tổng diện tích đất nông nghiệp toàn huyện. Đây là các diện tích có địa hình vùn, vùn thấp, thành phần cơ giới nặng đất chua (pH 4.7-6), giàu mùn, đạm, tổng số kali ở mức trung bình, nghèo lân tổng số, dưới 10mg/100g đất và dễ tiêu. Hiện tại các loại hình sử dụng đất đang được áp dụng ở đất này khá đa dạng gồm có các loại cây trồng như lúa, màu (khoai lang, ngô, khoai tây, đậu tương...) và các loại rau (bắp cải, cải xanh, cà chua, dưa chuột...)

- Đất phù sa không được bồi hàng năm trung tính ít chua glây trung bình hoặc mạnh: phân bố chủ yếu ở các xã Nam Triều, Tân Dân, Phúc Tiến, Hồng Thái, Khai

Thái có diện tích 1.365,28ha, chiếm 12,2% diện tích đất nông nghiệp toàn huyện. Đây là các diện tích đất giàu lân, độ mùn thấp, ít chua phù hợp cho canh tác lúa và cây lương thực, các loại rau màu.

- Đất phù sa không được bồi hàng năm chua gây trung bình hoặc mạnh: phân bố ở những vùng địa hình thấp trũng vùng phía Tây trong địa bàn huyện tập trung ở các xã: Đại Thắng, Văn Hoàng, Phú Túc, Sơn Hà, Chuyên Mỹ, Văn Từ, Phú Yên, Phượng Dực, Hoàng Long, Quang Trung, Châu Can, Đại Xuyên với diện tích 3.893,96ha chiếm 34,9% diện tích đất nông nghiệp toàn huyện. Do nằm ở địa hình thấp trũng nên hàng năm thường bị ngập nước trong mùa mưa (thời gian ngập nước từ 1 đến 3 tháng), đất ở những nơi này thường xuyên bão hòa nước nên có quá trình gây mạnh. Tính chất đất có hàm lượng mùn từ trung bình đến giàu, đất hơi chua (pH từ 4,8 - 5,5), nghèo lân tổng số và dễ tiêu. Phần lớn diện tích của những loại đất này được sử dụng để trồng lúa (1 vụ hoặc 2 vụ), một số diện tích nhỏ xen kẽ có địa hình vằn có thể trồng 3 vụ (2 lúa - 1 màu). Những loại hình sử dụng đất hỗn hợp thường được áp dụng như lúa - cá - vịt, lúa - cá và nuôi trồng thủy sản.

#### *3.1.1.6. Tài nguyên nước*

Hệ thống sông ngòi huyện Phú Xuyên rất đa dạng và phong phú bao gồm các nhánh sông chính như sau:

+ Sông Hồng chạy dọc ranh giới giữa huyện Phú Xuyên với huyện Khoái Châu - tỉnh Hưng Yên, đây là con sông lớn có ảnh hưởng trực tiếp đến chế độ thủy văn của huyện.

+ Sông Nhuệ chạy dọc qua các xã phía Tây của huyện.

+ Sông Lương chạy dọc các xã Phú Yên, Châu Can và Đại Xuyên nối sông Nhuệ với sông Đáy.



### 3.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

#### 3.1.2.1. Dân số và lao động

**Bảng 3.2. Một số chỉ tiêu về dân số huyện Phú Xuyên giai đoạn 2000-2010**

TT	Hạng mục	ĐVT	2000	2006	2008	2010
1	Dân số	người	181.800	181.100	181.300	181.599
2	Mật độ dân số	người/km <sup>2</sup>	1.058	1.058	1.059	1.061
3	Tỷ suất sinh	%	1,52	13,8	1,51	1,50
4	Tỷ lệ tăng tự nhiên	%	1,07	0,89	0,97	0,99
5	Dân số đô thị	1000 người	14,56	15,20	15,35	14,51
6	Dân số nông thôn	1000 người	167,49	172,86	175,31	167,09

*Nguồn: Phòng Thống kê huyện Phú Xuyên*

Dân số năm 2010 của huyện Phú Xuyên là 181,59 nghìn người, trong đó số dân sống tại khu vực trung tâm và thị trấn là 14,5 nghìn người, tại vùng nông thôn là 167,09 nghìn người, mật độ dân số trung bình khoảng 1.061 người/km. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên có xu hướng giảm xuống do công tác dân số kế hoạch hóa gia đình được toàn dân hưởng ứng, với tỷ lệ tăng dân số năm 2000 là 1,07% và từ năm 2008 giảm xuống còn 0,97% và giữ tương đối ổn định đến năm 2010 đạt 0,99%.

**Bảng 3.3. Phân bố lao động trong huyện giai đoạn 2005- 2010**

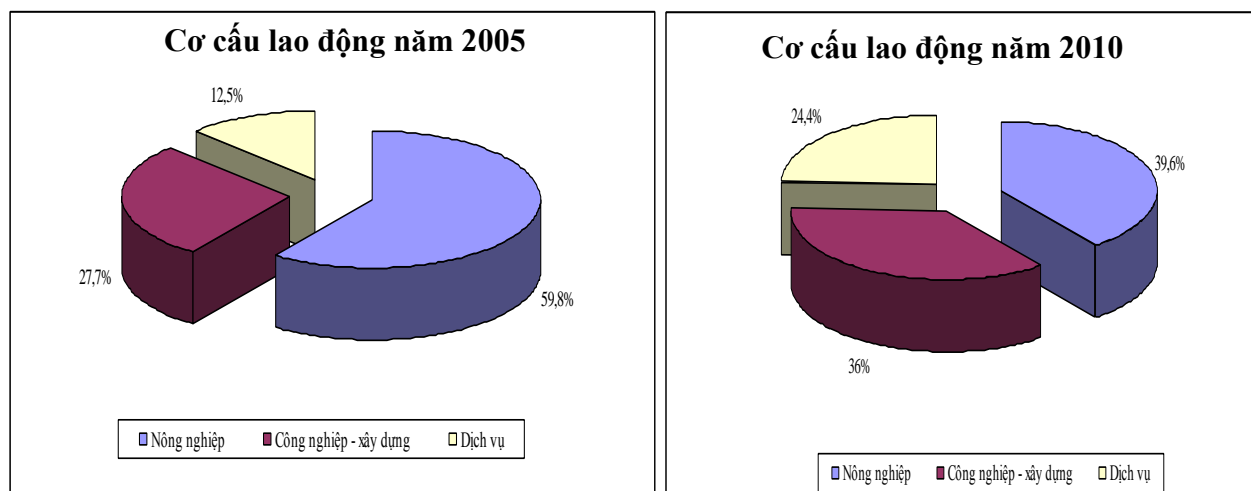
TT	Hạng mục	ĐVT	2005	2008	2010
<b>I</b>	<b>Tổng số lao động</b>	<b>người</b>	<b>93.991,0</b>	<b>97.072,0</b>	<b>94.145,0</b>
1	Nông nghiệp	người	56.206,0	41.468,0	37.340,0
2	Công nghiệp - xây dựng	người	26.035,0	32.750,0	33.850,0
3	Dịch vụ	người	11.750,0	22.854,0	22.955,0
<b>II</b>	<b>Cơ cấu lao động</b>	<b>%</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
1	Nông nghiệp	%	59,8	42,7	39,7
2	Công nghiệp - xây dựng	%	27,7	33,7	36,0
3	Dịch vụ	%	12,5	23,5	24,4
	Tỷ lệ thất nghiệp chung	%	1,0	1,0	1,4

*Nguồn: Phòng Thống kê huyện Phú Xuyên*

Lao động: Theo thống kê đến năm 2010, tổng số lao động toàn huyện khoảng 94,14 nghìn lao động. Trong đó: Lao động nông nghiệp: 37.340 người, chiếm 39,66%.

Lao động công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và xây dựng: 33.850 người chiếm 35,96%. Lao động thương nghiệp dịch vụ: 22.955 người, chiếm 24,38% tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế.

Như vậy xét theo giai đoạn 2005- 2010, tỷ lệ lao động nông nghiệp của huyện Phú Xuyên có xu hướng giảm nhanh đồng thời cơ cấu lao động công nghiệp - xây dựng - thương mại có xu hướng tăng mạnh.



**Hình 3.2. Cơ cấu lao động huyện Phú Xuyên 2005, 2010**

Về chất lượng lao động: Trình độ lao động của huyện ngày càng được nâng cao, đến năm 2009 toàn huyện có khoảng 15.757 lao động qua đào tạo. So với năm 2000 tăng 103,7%. Chất lượng lao động ngày càng được phát triển trong đó số lượng lao động nông nghiệp được đào tạo và hướng dẫn về kỹ thuật công nghệ cũng gia tăng nhanh qua các năm. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp hàng hóa với yêu cầu về kỹ thuật sản xuất và nuôi trồng thủy sản ngày càng cao. Cụ thể được thể hiện ở bảng 3.4.

**Bảng 3.4. Tình hình nguồn lao động, chất lượng nguồn lao động 2005-2010**

TT	Nguồn lao động	ĐVT	Năm 2005		Năm 2010		So sánh 2010-2005
			Tổng số	%	Tổng số	%	%
	Tổng số lao động qua đào tạo	lao động	7.733	100	15.757	100	203,76
1	Sơ cấp nghề	lao động	3,026	39,00	3.240	20,50	107,07
2	Trung cấp nghề	lao động	0	0,00	4.240	25,70	
3	Trung cấp chuyên nghiệp	lao động	2.459	31,80	3.428	21,70	139,41
4	Cao đẳng Nghề	lao động	0	0,00	444	2,80	
5	Cao đẳng chuyên nghiệp	lao động	1.475	19,30	1.869	11,90	126,71
6	Đại học	lao động	763	9,80	2.649	16,80	347,18
7	Trên đại học	lao động	10	0,10	53,000	0,30	530,00

*Nguồn: Phòng Lao động huyện Phú Xuyên*

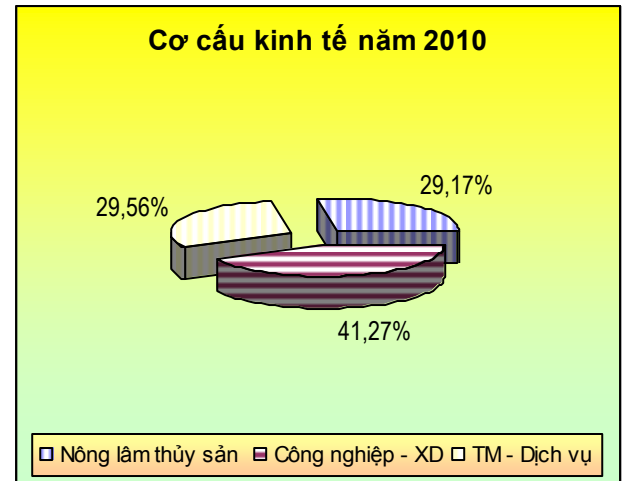
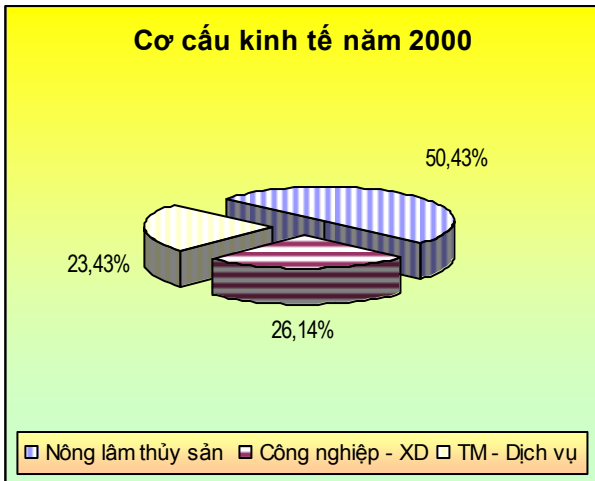
### 3.1.2.2. Tình hình tăng trưởng kinh tế

Trong những năm qua, nền kinh tế - xã hội của huyện Phú Xuyên đã đạt được nhiều thành quả quan trọng trên nhiều lĩnh vực, và được thể hiện qua các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Giai đoạn 2000- 2010, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của huyện Phú Xuyên đạt 11,07%. Trong đó:
- Giai đoạn 2000- 2005 tăng bình quân 12,62%; giai đoạn 2006-2010 tăng bình quân 9,54%: Nhóm ngành Công nghiệp- xây dựng tăng 12,66%/năm; Dịch vụ- thương mại tăng 13,36% và ngành nông nghiệp tăng trưởng thấp (1,63%).

Trong giai đoạn 2000-2010, huyện Phú Xuyên đã có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế tích cực, đến thời điểm năm 2010 cơ cấu kinh tế của huyện cụ thể như sau:

- + Nông nghiệp chiếm 29,17%, giảm so với năm 2000 là 21,26%.
- + Công nghiệp-xây dựng chiếm 41,27%, tăng so với năm 2000 là 15,13%.
- + Thương mại dịch vụ chiếm 29,56%, tăng so với năm 2000 là 6,13%.



**Hình 3.3. Cơ cấu kinh tế huyện Phú Xuyên 2000, 2010**

**\* Thu nhập bình quân:**

Thu nhập bình quân đầu người năm 2010 của huyện theo giá hiện hành đạt trên 9,9 triệu đồng/người/năm (chỉ tiêu này năm 2000 mới đạt 3,35 triệu đồng/người/năm). Dự kiến thu nhập bình quân đầu người năm 2011 ước đạt 12,15 triệu đồng/người/năm. Đây là kết quả của quá trình phát triển kinh tế của toàn huyện trong xu thế phát triển nói chung của kinh tế thị trường ở Việt Nam.

**3.1.2.3. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế giai đoạn 2000 - 2010**

**\* Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng**

Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng năm 2009 đạt 1.051,3 tỷ đồng, năm 2010 đạt 1.211,8 tỷ đồng; đạt tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2006- 2010 là 12,02%. Trong đó:

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 7,65%/năm giai đoạn 2006 - 2010.
- Xây dựng - cơ bản tăng bình quân 29,3%/năm giai đoạn 2006 - 2010.

**Bảng 3.5. Kết quả sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng  
(tính theo giá cố định năm 1994)**

*ĐVT: tỷ đồng; %*

TT	Chỉ tiêu	2000	2005	2008	2009	2010	Tốc độ tăng bình quân (%)	
							2000-	2006
							2005	2010
1	Giá trị sản xuất (giá CĐ 94)	282,0	667,6	904,1	1.051,4	1.211,9	18,8	12,0
1.1	Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	229,3	561,0	697,1	753,4	851,3	19,6	7,7
	- Công nghiệp Trung ương	52,8	229,9	138,4	166,7	188,6		
	Cơ cấu trong công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	19,2	41,0	19,9	22,1	22,2		
	- Công nghiệp địa phương	176,5	331,1	558,7	586,9	662,7		
	Cơ cấu trong công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp	80,8	59,0	80,1	77,9	77,8		
1.2	Giá trị sản xuất xây dựng cơ bản	52,8	106,6	207,0	298,0	360,6	15,1	29,3
1.3	Giá trị hàng công nghiệp - thủ công nghiệp xuất khẩu	15,0	45,0	68,5	73,4	79,0		
2	Giá trị tăng thêm công nghiệp - xây dựng (giá 94)	111,7	274,4	366,6	428,9	493,9	19,7	11,8

*Nguồn: Phòng Thống kê huyện Phú Xuyên*

Tính đến nay trên địa bàn huyện Phú Xuyên có 02 cụm công nghiệp được phê duyệt và đang triển khai xây dựng: Cụm công nghiệp Đại Xuyên và Cụm công nghiệp Phú Xuyên. Ngoài ra còn có 02 cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề (làng nghề thôn Thượng xã Chuyên Mỹ và làng nghề thôn Lưu Thượng xã Phú Túc). Đối với các cụm công nghiệp này các cơ quan hữu quan đã và đang có chính sách kiểm tra, kiểm soát vấn đề an toàn vệ sinh môi trường, vấn đề kiểm soát chất thải rắn, khí,... ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sinh hoạt của người dân và sản xuất nông nghiệp ở các khu vực lân cận.

**\* Ngành nông nghiệp, thủy sản**

Sản xuất nông nghiệp những năm vừa qua vẫn là định hướng cơ bản phát triển

kinh tế chủ yếu của huyện. Năm 2010, giá trị sản xuất nông nghiệp (giá CĐ94) đạt 438,14 tỷ đồng, giảm 14,82% so với năm 2009, đạt khoảng 89% kế hoạch (nguyên nhân do tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; đợt mưa úng cuối tháng 10/2008 kéo dài làm mất trắng cây vụ đông và một số diện tích nuôi trồng thủy sản,...). Tuy vậy, cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp thể hiện sự tiến bộ, tỷ trọng trồng trọt giảm dần, nâng cao tỷ trọng chăn nuôi (trồng trọt 50,53%, chăn nuôi 30,51%, thủy sản 13,87%, dịch vụ nông - lâm - thủy sản 5,08%). Giá trị sản xuất nông nghiệp - thủy sản năm 2010 đạt 517,45 tỷ đồng, tăng bình quân 1,63% giai đoạn 2006- 2010 và 4,17% cho cả giai đoạn 2000- 2010.

**Bảng 3.6. Một số chỉ tiêu kinh tế ngành nông nghiệp**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2000	2005	2009	2010	Tốc độ tăng trưởng (%)	
							2000 - 2005	2006 - 2010
	Giá trị sản xuất (giá cố định 94)	Tỷ đồng	343,82	477,27	438,14	517,45	6,78	1,63
1	Trồng trọt	Tỷ đồng	182,23	259,69	221,37	277,20	7,34	1,31
2	Chăn nuôi	Tỷ đồng	128,75	168,11	133,66	147,02	5,48	-2,65
3	Thủy sản	Tỷ đồng	14,40	32,01	60,79	68,65	17,32	16,48
4	Dịch vụ Nông nghiệp-Thủy sản	Tỷ đồng	10,24	17,26	22,24	24,50	11,01	7,25

*Nguồn: Phòng Thống kê huyện Phú Xuyên*

**\* Trồng trọt**

Tổng diện tích gieo trồng năm 2008 là 27.300,60ha, tăng so với năm 2000 là 3,1 nghìn ha; năm 2010 diện tích gieo trồng chỉ có 19.100,90ha, giảm 8,8 nghìn ha so năm 2005 và 5,0 nghìn ha so năm 2000 do diện tích gieo trồng cây vụ đông giảm do ảnh hưởng của thiên tai dẫn tới tình trạng ngập úng cục bộ.

**\* Chăn nuôi**

Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản là một trong các thế mạnh của huyện. Các chỉ tiêu phát triển về đàn trâu, bò, lợn, gia cầm, thủy cầm được duy trì và tăng về số lượng, đặc biệt việc áp nử con giống ở Phú Yên, Đại Xuyên,... hàng năm đã cung cấp cho thị trường từ 18 đến 20 triệu con/năm. Tỷ trọng chăn nuôi (gồm cả thủy sản) trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp đạt mức 44,38% (năm 2000 chỉ tiêu này đạt 41,65%).

**Bảng 3.7. Một số chỉ tiêu chủ yếu ngành chăn nuôi và thủy sản huyện Phú Xuyên**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2005	2007	2010
<b>1</b>	<b>Ngành chăn nuôi</b>				
1.1	Tổng đàn trâu	Con	539	398	362
1.1.1	Trong đó: Trâu cày kéo	Con	223	132	102
1.1.2	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	22,70	24,00	24,50
1.2	Tổng đàn bò	Con	5.603	5.242	3,488
1.2.1	Trong đó: Bò cày kéo	Con	229	212	219
1.2.2	Bò lai sin	Con	3.504	4.173	3,344
1.2.3	Bò sữa	Con	25	14	4
	Sản lượng sữa tươi	Tấn	46	34,00	10,80
1.2.4	Thịt bò hơi xuất chuồng	Tấn	157,00	172,00	186,00
1.3	Tổng đàn lợn (không kể lợn sữa)	Con	64.841	73.529	64.022
1.3.1	Lợn nái	Con	8.006	8.180	6.844
1.3.2	Lợn thịt	Con	86.732	65.335	57.068
1.3.3	Lợn xuất chuồng	Con	231.742	212.243	173.736
1.3.4	Trọng lượng lợn xuất chuồng	Tấn	13.903,00	12.730,00	11.127,00
1.5	Tổng đàn gia cầm	1000 con	1.109,60	802,00	829,00
1.5.1	Trong đó: +đàn gà	1000 con	331,80	221,80	227,10
1.5.2	+ vịt, ngan, ngỗng	1000 con	777,80	580,20	601,20
1.5.3	Trọng lượng thịt xuất chuồng	Tấn	2.058,60	2.103,80	226,00
1.5.4	Sản lượng trứng các loại	1000 quả	27.181,00	21.234,00	26.884,00
<b>2</b>	<b>Thủy sản</b>				
2.1	Diện tích nuôi cá	ha	1.265,80	1,352.10	1.361,00
2.2	Sản lượng thu hoạch	Tấn	3.814,00	4,553.00	6.927,00

*Nguồn: Phòng thống kê huyện Phú Xuyên*

Năm 2010, đàn lợn đạt 64.022 con, tổng sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 11.126,70 tấn. Chăn nuôi lợn đã có định hướng chuyển sang chăn nuôi theo phương pháp hiện đại, sản xuất hàng hoá vùng tập trung.

Tổng đàn gia cầm năm 2010 có 829 nghìn con các loại, sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng 2.267 tấn, đã và đang phát triển theo hướng siêu thịt, siêu trứng, sản xuất công nghiệp. Giá trị sản xuất chăn nuôi năm 2010 đạt 429,50 tỷ đồng, chiếm 30,51% trong cơ cấu ngành nông nghiệp

### **\* Nuôi trồng thủy sản**

Tiềm năng nuôi trồng thủy sản: Phú Xuyên là vùng có tiềm năng nuôi trồng thủy sản lớn, với tổng diện tích có khả năng nuôi trồng thủy sản và thủy sản kết hợp khoảng 3.600 ha. Tổng diện tích nuôi thủy sản năm 2005 toàn huyện chỉ đạt 1.265,8ha, song đến năm 2010 tăng lên đạt 1.361ha, diện tích nuôi trồng thủy sản tăng thêm chủ yếu là do chuyển đổi ruộng trũng sang nuôi trồng thủy sản và nuôi thủy sản kết hợp với trồng lúa hoặc nuôi thủy cầm.

Về sản lượng: năm 2005 đạt 3.814 tấn thủy sản các loại, đến năm 2010 đạt 3.266,0 tấn (tăng bình quân 10,6%/năm).

Trong những năm gần đây, một số xã đã chuyển đổi diện tích đất trồng lúa vùng trũng (vụ mùa ngập nước) sang canh tác theo phương thức lúa - cá, thủy cầm mang lại hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, việc chuyển đổi đất đai từ sản xuất chuyên lúa sang lúa - cá còn mang nặng tính tự phát và chưa tạo ra những vùng sản xuất có tính tập trung.

Các sản phẩm thủy sản được tiêu thụ chủ yếu trong nội huyện và một số thị trường lân cận: Thành phố Hà Nội, tỉnh Hưng Yên, tỉnh Hà Nam...

- Tình hình phát triển kinh tế trang trại.

Trong những năm gần đây, kinh tế trang trại trên địa bàn huyện đã có những bước phát triển mạnh mẽ góp phần không nhỏ vào quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi của huyện. Theo thống kê năm 2010, toàn huyện có 361 trang trại gồm có các loại sau:

+ Trang trại trồng trọt: 27 trang trại, chuyên trồng lúa, cây ăn quả như: bưởi, chuối, đu đủ, ...

+ Trang trại chăn nuôi: 84 trang trại. Chủ yếu là trang trại lợn, gia cầm, ...

+ Trang trại nuôi trồng thủy sản: 162 trang trại, với các loại như cá trắm, cá chim trắng, chép, trôi, mè, cá sấu, tôm càng xanh, cá rô phi, rô đồng, ba ba...

+ Trang trại sản xuất nông nghiệp tổng hợp: 88 trang trại, bao gồm các trang trại lúa - cá - vịt, lúa - sen - cá, sen - cá, lợn - bò - gia cầm, cây ăn quả - gia cầm - lợn,...

Trong tổng số trang trại toàn huyện, loại hình trang trại thủy sản chiếm tỷ lệ lớn với 53,15% tổng số trang trại do đặc trưng địa hình úng trũng của huyện.

### **\* Đánh giá chung về sản xuất nông nghiệp huyện Phú Xuyên:**

- Một số thành tựu đạt được

Việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã có kết quả tích cực. Sản xuất nông nghiệp của huyện trong thời gian qua đã có những bước chuyển biến lớn, đặc biệt là trong phát triển cây vụ đông, đưa vụ đông thành vụ sản xuất chính trong năm. Đã hình thành nhiều trang trại trong sản xuất nông nghiệp,



bước đầu cho thấy hiệu quả kinh tế cao.

Giá trị sản xuất trồng trọt trên 1 ha canh tác năm 2010 đạt trung bình 62,2 triệu đồng/ha tăng 24,9 triệu đồng so với năm 2005.

*- Những hạn chế*

Sản lượng lương thực chưa đạt so với mục tiêu quy hoạch do: việc chuyển đổi diện tích đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp, diện tích đất trồng lúa năm 2010 giảm 995,66ha so với năm 2005) do đó mục tiêu bình quân lương thực không đạt.

Đàn gia cầm giảm về tổng đàn tại thời điểm, song tổng đàn xuất chuồng cũng như sản lượng thịt xuất chuồng vẫn tăng nhanh do tăng cường đầu tư cũng như phát triển chăn nuôi trang trại, chăn nuôi tập trung xa khu dân cư.

### **3.2 Tình hình thực hiện chính sách tập trung tích tụ ruộng đất trên địa bàn huyện Phú Xuyên**

#### **3.2.1 Cơ sở pháp lý của việc tập trung tích tụ ruộng đất**

- Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ quy định về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

- Chỉ thị số 10/1998/CT-TTg ngày 20 tháng 2 năm 1998 và Chỉ thị số 18/1999/CT-TTg ngày 1 tháng 7 năm 1999, nhằm khuyến khích nông dân và chính quyền địa các cấp chuyển đổi ruộng đất từ các ô thửa nhỏ thành các ô thửa lớn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho canh tác.

- Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ 7, văn kiện Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 2 (khoá VII), Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương lần thứ 4 (khoá VIII) và Nghị quyết số 06 của Bộ Chính trị năm 1999.

- Đại hội IX của Đảng đã quyết định đường lối, chiến lược phát triển kinh tế – xã hội nước ta 10 năm (2001 – 2010) trong đó nông nghiệp nông thôn được quan tâm đặc biệt. Tuy nhiên, một trong những vấn đề đặt ra trong quá trình Công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn hiện nay là tình trạng đất đai manh mún, phân tán đã gây trở ngại cho quá trình hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

- Quyết định số 68/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng IX: “...Về đất đai: Điều chỉnh các cơ chế, chính sách để tạo điều kiện cho nông dân thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đối với đất đai như: Khuyến khích nông dân "dồn điền, đổi thửa"; cho phép nông dân sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn, liên doanh, liên kết sản xuất kinh doanh..”.

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ 7, Ban chấp hành Trung ương Đảng Khoá IX về việc tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời

kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước: “...Khuyến khích tích tụ đất đai, sớm khắc phục tình trạng đất sản xuất nông nghiệp manh mún. Quá trình tích tụ đất đai cần có sự chỉ đạo và quản lý của Nhà nước, có quy hoạch, kế hoạch, có bước đi vững chắc trên từng địa bàn, lĩnh vực, gắn với chương trình phát triển ngành nghề, tạo việc làm. Tích tụ đất đai thông qua việc nhận chuyển nhượng và nhiều biện pháp khác phù hợp với từng thời kỳ, từng vùng”.

- Chỉ thị số 22/2003/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết Trung ương (khoá IX) về kinh tế tập thể: “...Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn việc "dồn điền, đổi thửa" trên nguyên tắc tự nguyện, tự thoả thuận và các bên cùng có lợi, kết hợp tổ chức quy hoạch lại đồng ruộng, sử dụng đất đai có hiệu quả..”.

- Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 12/2/1997 của Ban thường vụ Tỉnh uỷ Hà Tây về việc đẩy mạnh phát triển sản xuất cơ sở đổi ruộng từ ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn gắn với quy hoạch sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ nông dân.

- Quyết định số 1261/QĐ-UB của UBND huyện Phú Xuyên, ngày 10 tháng 9 năm 2004 về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cuộc vận động chuyển đổi đất nông nghiệp.

### ***3.2.2. Tổ chức thực hiện công tác tập trung tích tụ ruộng đất***

Phú Xuyên là một huyện có diện tích đất sản xuất nông nghiệp lớn của tỉnh Hà Tây (cũ). Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ quy định về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Với tinh thần đoàn kết và thực hiện công bằng, dân chủ nên mỗi hộ gia đình đều được chia ruộng có xấu, có tốt, có xa, có gần, có cao, có trũng. Chính vì thế mà ruộng đất của huyện rất manh mún, tản mạn, hộ ít nhất cũng có từ 5 đến 7 thửa, hộ nhiều có từ 15 đến 17 thửa. Cá biệt có những hộ 20 thửa, sản xuất trên nhiều xứ đồng, trong khi cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp thì còn rất yếu kém.

Thấy được những khó khăn trong sản xuất nông nghiệp sau khi được chia ruộng đất người dân trong huyện cũng đã thực hiện tập trung ruộng đất để tạo thành các ô thửa lớn nhưng chủ yếu đều là tự phát, không có sự giám sát của chính quyền. Việc làm này đã dẫn đến những khó khăn trong quản lý đất đai của huyện. Nên ngày 10 tháng 9 năm 2004 UBND huyện đã ra Quyết định 1261/Đ-UB của UBND huyện Phú Xuyên, về tập trung lãnh đạo chỉ đạo thực hiện cuộc vận động chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp; Hội đồng nhân dân huyện khóa 18 (kỳ họp lần thứ 8) đã thông qua “Đề án chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp”. UBND huyện và các phòng chức năng đều có văn bản hướng dẫn, chỉ đạo về công tác chuyển đổi ruộng đất. UBND các xã đã thành

lập Ban chuyên đổi ruộng đất, xây dựng các phương án tổ chức thực hiện công tác chuyển đổi ruộng đất. Chỉ sau hai năm đến năm 2006 cơ bản các xã trong huyện đã thực hiện xong chuyển đổi đất nông nghiệp và hoàn thành xuất sắc mục tiêu đã đề ra.

Như vậy có thể thấy việc tích tụ đất nông nghiệp trên địa bàn huyện trong thời gian qua phần lớn đều áp dụng theo mô hình chuyển đổi từ ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn để tích tụ ruộng đất, kết hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi. Tạo thành các vùng sản xuất chuyên canh và hình thành các trang trại, gia trại, vườn trại.

### **\* Quy trình tiến hành công tác chuyển đổi**

Triển khai quyết định 1261/Đ-UB của UBND huyện Phú Xuyên, về tập trung lãnh đạo chỉ đạo thực hiện cuộc vận động chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp; Hội đồng nhân dân huyện khóa 18 (kỳ họp lần thứ 8) đã thông qua “Đề án chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp”. Đề án đã đưa ra 2 phương pháp chuyển đổi cụ thể và tùy vào tình hình thực tế cụ thể của từng địa phương, có thể chọn 1 trong 2 phương pháp:

**\* Phương pháp 1:** Vận động, hướng dẫn các hộ nông dân tự chuyển đổi ruộng đất cho nhau. Phương pháp này áp dụng đối với các xã ruộng đất ít manh mún và quy hoạch thủy lợi, giao thông đồng ruộng đã cơ bản hoàn thành, hợp lý. Các hộ tự chuyển đổi thửa ruộng liền nhau thành thửa ruộng lớn. Trong quá trình chuyển đổi các hộ tự nguyện thỏa thuận với nhau về diện tích, hạng đất, hệ số đổi nhất định và các loại hoa lợi khác nếu có. Xã có thể xây dựng hệ số trao đổi giữa các loại đất để dân tham khảo khi trao đổi "*Phương pháp này còn gọi là phương pháp "Rút bù"*". Các bước thực hiện dồn điền đổi thửa theo phương pháp này gồm:

+ **Bước 1. Nông dân tự nguyện viết đơn xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp:** Để nâng cao giá trị thu nhập của đất, bằng kinh nghiệm và học hỏi một số mô hình về chuyển đổi hệ thống cây trồng vật nuôi trong vùng, nông dân đã đề xuất với chính quyền địa phương xin được chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp. Các hộ nông dân trong vùng đã làm đơn đề nghị chính quyền các cấp nghiên cứu và giải quyết nhu cầu của hộ về chuyển hướng sản xuất.

+ **Bước 2. Chính quyền xã tập hợp để xây dựng phương án chuyển đổi**  
UBND xã tập hợp số liệu về địa hình, diện tích, hiệu quả sử dụng đất trong nhiều năm trên những khu đất xin chuyển đổi để xây dựng phương án chuyển đổi của xã. Các ý tưởng của phương án phải được thể hiện trên bản đồ, thuyết minh và đưa ra những giải pháp để thực hiện v.v...

### + **Bước 3. Duyệt phương án**

Phương án xã xây dựng được trình lên UBND huyện duyệt.

Phương án được duyệt là phương án thể hiện được các yêu cầu nguyện vọng tự

nguyện của dân, phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương.

#### + **Bước 4. Thực thi phương án**

Khi dự án đã được duyệt, chính quyền địa phương có trách nhiệm thông báo cho các hộ có đất trong khu vực được chuyển đổi tự thực thi phương án. Sau đó các hộ có thể tự trao đổi, chuyển nhượng, thậm chí có thể mua hoặc bán cho nhau trên cơ sở thoả thuận giữa các bên. Chính quyền không đứng ra làm trọng tài.

\* **Phương pháp 2:** Chuyển đổi ruộng đất gắn với quy hoạch kiến thiết lại đồng ruộng, phương pháp này áp dụng với các xã ruộng đất manh mún, quy hoạch giao thông thủy lợi đồng ruộng chưa được khoa học, hoàn chỉnh, việc chuyển đổi ruộng đất gắn với quy hoạch lại đồng ruộng thực tế là điều chỉnh, bổ sung, quy hoạch giao thông thủy lợi nội đồng, quy hoạch đất công điền tập trung vào một vùng, quy hoạch các vùng chuyển đổi cơ cấu cây trồng và định hướng chuyển đổi ruộng đất cho các thôn, gọi là phương pháp "*Rũ rới chia lại*". Dồn điền đổi thửa theo phương pháp này gồm các bước:

+ **Bước 1. Thành lập Ban chỉ đạo, tổ công tác ĐĐĐT:** Ban chỉ đạo và tổ công tác có trách nhiệm:

- Chỉ đạo, tập huấn, kiểm tra, đôn đốc các xã thực hiện ĐĐĐT theo Nghị quyết của Tỉnh uỷ và các văn bản của cấp huyện.

- Trình UBND huyện phê duyệt phương án của cấp xã, giải quyết các vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền cấp huyện, trực tiếp điều hành tổ công tác thực hiện các công việc được giao.

+ **Bước 2. Tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ:** Mục đích là đạt được sự thống nhất cao trong Đảng, chính quyền về chủ trương ĐĐĐT của tỉnh, huyện; xác định những thuận lợi, khó khăn khi tổ chức triển khai tới nông dân; xác định trách nhiệm, nhiệm vụ của cán bộ Đảng và chính quyền trong việc giúp nông dân trong công cuộc đổi mới trong nông nghiệp ở nông thôn.

+ **Bước 3. Điều tra hiện trạng:** Đây thực chất là bước tổng kiểm kê lại quỹ đất. Trên cơ sở tư liệu bản đồ, sổ sách thu nhập được, tổ chức điều tra thống kê diện tích đất nông nghiệp của xã, thôn (kể cả diện tích đất canh tác của xã khác), xác định hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp của từng hộ gồm: số lượng thửa, diện tích, loại đất, diện tích đất được giao ổn định lâu dài, diện tích đất thuê, đấu thầu hoặc quỹ đất công ích hoặc đất nông nghiệp giao khó, chót lại số hộ, số khẩu của từng thôn và trong toàn xã được giao đất nông nghiệp ổn định lâu dài theo Nghị định 64/CP. Nội dung này do tổ chuyên môn của Ban chỉ đạo xã kết hợp với tiểu ban chỉ đạo của thôn cùng làm.

+ **Bước 4. Xây dựng kế hoạch tổng thể:** Xác định đất thực hiện ĐĐĐT trong đó khoanh vẽ chi tiết từng nhóm đất được phân theo phương án của xã đã được người dân trong từng thôn bàn bạc. Sau đó xã tổ chức họp nông dân lấy ý kiến thống nhất phương

án của xã. Tổng hợp diện tích từng vùng, nhóm đất của thôn cân đối với diện tích đất giao cho các hộ. Tài liệu cần dùng cho bước này bao gồm: bản đồ giải thửa, sổ mục kê, sổ địa chính, sổ cấp giấy chứng nhận QSDRĐ, phương án giao đất của xã, hệ thống bổ sung quy hoạch giao thông thuỷ lợi...

+ **Bước 5. Duyệt phương án và chia lại ruộng:** Tất cả các phương án DĐĐT của xã cũng phải thể hiện trên bản đồ, có văn bản kèm theo trình cấp huyện duyệt. Huyện đồng ý, phương án mới có giá trị thực thi.

+ **Bước 6. Hoàn thiện hồ sơ địa chính và cấp giấy quyền sử dụng đất:** Sau khi giao đất ngoài thực địa cho dân xong các Ban chỉ đạo xã cùng với các tiểu ban chỉ đạo thôn tiến hành:

- Tu chỉnh bản đồ, lập sổ giao nhận diện tích tới từng hộ phù hợp với hiện trạng sử dụng đất.

- Thông báo số thửa, diện tích, loại đất, hạng đất của từng hộ, phát đơn đăng ký quyền sử dụng đất cho hộ kê khai diện tích sau dồn đổi để xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất và lập bộ thuế sử dụng đất nông nghiệp.

- Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trình UBND huyện quyết định và hoàn thành hồ sơ địa chính của xã.

Căn cứ vào các điều kiện cụ thể, các địa phương có thể chọn 1 trong 2 phương pháp trên.

### 3.2.3. Kết quả thực hiện công tác chuyển đổi ruộng đất của huyện Phú Xuyên

Sau nhiều năm thực hiện chính sách tích tụ ruộng đất với phương thức thực hiện là chuyển đổi ruộng đất kết hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi. Trên địa bàn huyện đa số các thôn đã thực hiện và đạt kết quả rất cao. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu trước và sau chuyển đổi ruộng đất được thể hiện chi tiết qua bảng 3.8

**Bảng 3.8: Một số chỉ tiêu trước và sau chuyển đổi ruộng đất**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Trước CĐ (2004)	Sau CĐ (2010)
1	Tổng số hộ sử dụng đất NN	Hộ	28.577	28.100
2	Tổng số thửa đất NN	Thửa	183.988	62.016
3	Bình quân thửa/hộ	Thửa/hộ	6,44	2,21
4	Số hộ sử dụng 1 thửa	Hộ	0	6.274
5	Số hộ sử dụng 2 thửa	Hộ	0	11.534
6	Số hộ sử dụng 3 thửa	Hộ	4.215	8.494
7	Số hộ sử dụng 4 thửa trở lên	Hộ	24.362	1.798
8	Bình quân diện tích trên thửa	m <sup>2</sup> /thửa	567	1800

Nguồn: UBND huyện Phú Xuyên (2004), [17], [18]

Năm 2004 thực hiện chủ trương của huyện về chuyển đổi đất nông nghiệp toàn huyện đã tiến hành thực hiện đồng loạt và đã đạt được những kết quả rất cao.

Năm 2004 toàn huyện có 28.577 hộ sử dụng đất nông nghiệp với 183.988 thửa đất, bình quân 6,44 thửa/hộ, không có hộ nào chỉ có một hoặc hai thửa đất, các hộ chủ yếu có từ 3 thửa đất trở lên. Trong đó số hộ có 4 thửa trở lên là 24.362 hộ chiếm 85% tổng số hộ sử dụng đất nông nghiệp [17].

Đến cuối năm 2007 trên toàn huyện Phú Xuyên đã có 122/143 thôn đã hoàn thành việc chuyển đổi 164.882 thửa ruộng còn 64.106 thửa; bình quân 1 hộ sản xuất nông nghiệp từ chỗ có 5 đến 7 mảnh ruộng nay chỉ còn 2,8 "cánh đồng". Chỉ riêng việc giảm bờ thửa, Phú Xuyên cũng tiết kiệm được 48 mẫu đất canh tác. Việc biến ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn gắn với các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trong đó có việc hình thành 226 trang trại giúp huyện tăng giá trị sản xuất từ 28 triệu đồng/ha năm 2002 lên 36 triệu đồng năm 2006 và dự kiến đạt 45 triệu đồng năm 2007. Việc "dồn điền, đổi thửa" đạt kết quả trong đó tính đến tháng 9 năm 2007, toàn huyện có 157 dự án chuyển đổi trên diện tích 77,75 ha là một trong những nguyên nhân chính giúp Phú Xuyên trở thành huyện có diện tích nuôi trồng thủy sản giàu nhất tỉnh với 1500 ha [18].

Đến cuối năm 2010 hầu hết các xã trong huyện đều đã hoàn thành việc chuyển đổi ruộng đất và đi vào sản xuất ổn định. Từ chỗ mỗi hộ sử dụng trung bình 6,44 thửa đất đã giảm xuống còn 2,21 thửa/hộ. Số hộ sử dụng từ 4 thửa trở lên đã giảm mạnh, chỉ còn 6,4% tổng số hộ sử dụng đất nông nghiệp. Bình quân diện tích đất trên một thửa đã tăng gấp hơn 3 lần. Số trang trại trên địa bàn huyện đã tăng lên đáng kể có 361 trang trại, chủ yếu là các trang trại trồng trọt (27 trang trại); trang trại chăn nuôi (84 trang trại); trang trại nuôi trồng thủy sản (162 trang trại); và các trang trại sản xuất nông nghiệp tổng hợp (88 trang trại). Đưa giá trị sản xuất của các diện tích đất nông nghiệp lên rất cao đạt trên 40 triệu đồng/ha, đối với các trang trại cá biệt có những trang trại cho giá trị sản xuất đạt trên 1 tỷ đồng/ha [18].

#### ***3.2.4. Kết quả thực hiện công tác chuyển đổi ruộng đất ở các xã điều tra***

Sau nhiều năm thực hiện chủ trương tích tụ đất nông nghiệp để sản xuất lớn, tiến đến sản xuất hàng hóa quy mô lớn, mỗi xã trong huyện đã có những sự chỉ đạo và tiến hành công cuộc "dồn điền đổi thửa" và đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, tạo bộ mặt mới cho nông thôn, cải thiện rất lớn đời sống của người dân.

Thực trạng đất nông nghiệp tại các xã nghiên cứu trước và sau khi thực hiện dồn điền đổi thửa được thể hiện tại bảng 3.9

**Bảng 3.9. Thực trạng ruộng đất trước và sau CĐRD tại các xã nghiên cứu đại diện**

Chỉ tiêu	ĐVT	Thụy Phú			Văn Hoàng			Chuyên Mỹ		
		Trước CĐ	Sau CĐ	So sánh	Trước CĐ	Sau CĐ	So sánh	Trước CĐ	Sau CĐ	So sánh
<b>1. Đất nông nghiệp</b>	ha	143,44	142,04	-0,98%	427,36	417,21	-2,37%	517,35	503,66	-2,65%
<b>2. Tổng số hộ được chia ruộng</b>	hộ	1998	1998	0	1574	1574	0	2526	2526	0
<b>3. Tổng số thửa đất</b>	thửa	13.900	3446	-75%	18.569	3305	-82,2%	22.230	4658	-79,1%
<b>4. Số thửa bình quân/ hộ</b>	thửa	7	1,72	-4,1lần	11,80	2,10	-5,6lần	8,80	1,84	-4,8lần
<b>5. Diện tích bình quân/thửa</b>	m <sup>2</sup>	102,53	412,19	+4 lần	230,15	1262,36	+5,4lần	232,73	1081,28	+4,7lần

(Nguồn: Phòng thống kê huyện Phú Xuyên)

Qua số liệu thống kê của các xã nghiên cứu cho thấy mức độ manh mún ruộng đất ở các xã là khác nhau. Sau khi chia ruộng đất theo nghị định 64CP, có những xã như Thụy Phú số thửa đất bình quân trên hộ là 7 thửa nhưng cũng có những xã như Văn Hoàng số thửa bình quân trên một hộ lên đến 11,8 thửa và diện tích bình quân trên một thửa cũng rất nhỏ, chỉ từ 100m<sup>2</sup>/thửa đến 200m<sup>2</sup>/thửa. Xã Thụy Phú bình quân diện tích trên một thửa chỉ có 102,53m<sup>2</sup>/thửa. Xã Văn Hoàng là 230,15m<sup>2</sup>/thửa và xã Chuyên Mỹ là 232,73m<sup>2</sup>/thửa, cá biệt có những thửa đất chỉ có diện tích từ 30m<sup>2</sup> – 50m<sup>2</sup>. Điều này đã gây khó khăn rất lớn cho sản xuất nông nghiệp đặc biệt là sản xuất hàng hóa, đưa khoa học kỹ thuật là phương tiện, máy móc vào sản xuất. Sau khi thực hiện chuyển đổi ruộng đất, các chỉ tiêu sử dụng đất đã thay đổi rất đáng kể. Tổng số thửa đã giảm trên 70% ở tất cả các xã điều tra. Số thửa trung bình của xã Thụy Phú đã giảm từ 7 thửa/hộ xuống 1,72 thửa/hộ, xã Văn Hoàng giảm từ 11,8 thửa/hộ xuống còn 2,1 thửa/hộ và xã Chuyên Mỹ cũng đã giảm từ 8,8 thửa/hộ xuống chỉ còn 1,84 thửa/hộ. Diện tích bình quân trên một thửa cũng đã tăng lên nhiều, trung bình ở các xã điều tra đều tăng từ 4 lần đến 5 lần. Trong đó xã Thụy phú diện tích một thửa tăng trung bình 4 lần, xã Văn Hoàng diện tích thửa trung bình tăng 5,4 lần và xã Chuyên Mỹ diện tích thửa trung bình tăng 4,7 lần. Kết quả này đã tạo đà cho sản xuất nông nghiệp của huyện Phú Xuyên phát triển rất mạnh, đặc biệt là ứng dụng khoa học kỹ thuật, sản xuất hàng hóa. Hình thành các trang trại kinh doanh lớn, cho hiệu quả kinh tế cao.

### 3.3. Ảnh hưởng của tập trung tích tụ ruộng đất đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

#### 3.3.1. Ảnh hưởng đến quy mô sử dụng đất

Sau khi dồn đổi ruộng đất, quy mô, diện tích các loại đất sản xuất nông nghiệp đã có sự thay đổi. Do nhu cầu về sử dụng đất vào mục đích chuyên dùng ngày một lớn nên diện tích đất nông nghiệp của cả huyện đều có sự sụt giảm. Đặc biệt chú ý là sự tăng lên rất lớn của diện tích đất trồng lúa nước còn lại và đất nông nghiệp khác, do sau ĐDDT quy mô thửa ruộng lớn hơn, số thửa ít hơn và tập trung hơn nên một số chân ruộng thấp trũng trước đây trồng một vụ lúa bắp bênh, kém hiệu quả nay bà con đã chuyển sang thâm canh các mô hình có hiệu quả kinh tế cao như các mô hình lúa – cá, lúa – cá – vịt hoặc lúa – cá - sen cho hiệu quả kinh tế cao và sự hình thành các trang trại chăn nuôi với quy mô lớn.

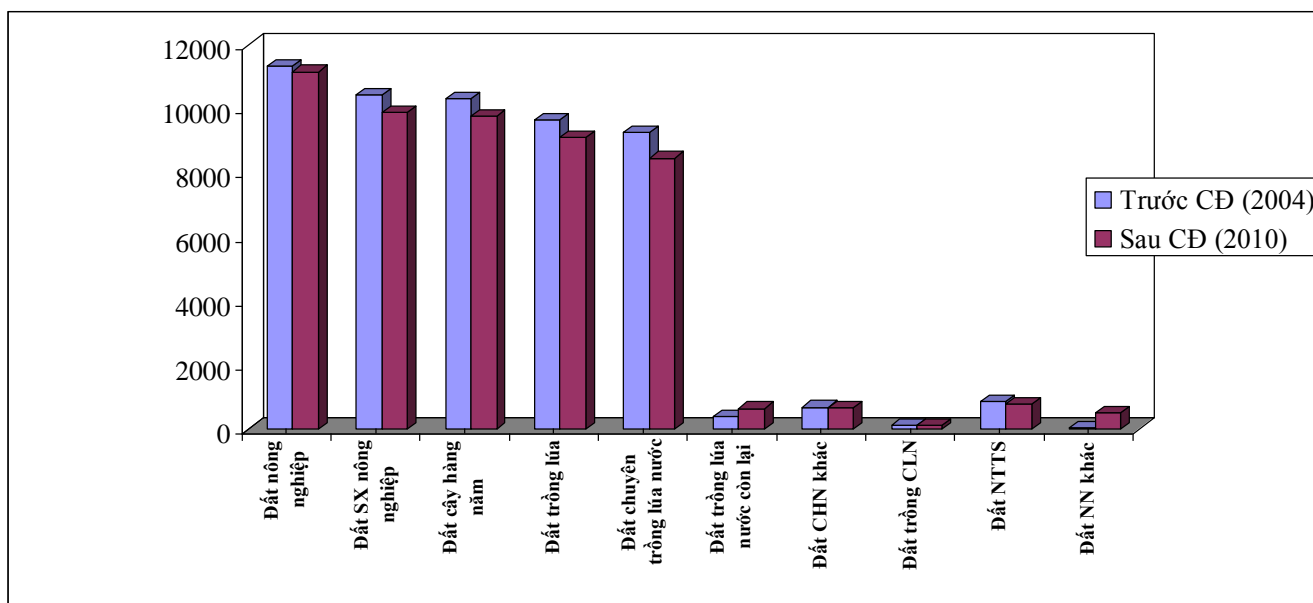
Sự thay đổi quy mô diện tích các loại đất nông nghiệp trước và sau chuyển đổi ruộng đất thể hiện qua bảng 3.10 và hình 3.4

**Bảng 3.10. Quy mô, diện tích đất sản xuất nông nghiệp của huyện Phú Xuyên trước và sau chuyển đổi ruộng đất**

(ĐVT: ha)

STT	Loại đất	Trước CĐ (2004) ha	Sau CĐ (2010) ha	SS tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ %
1	Đất nông nghiệp	11329,93	11160,79	-169,14	98,51
1.1	Đất SX nông nghiệp	10438,87	9882,74	-556,13	94,67
1.1.1	Đất cây hàng năm	10325,67	9778,82	-546,85	94,70
1.1.1.1	Đất trồng lúa	9646,18	9107,64	-538,54	94,42
1.1.1.1.1	Đất chuyên trồng lúa nước	9265,57	8464,56	-801,01	91,35
1.1.1.1.2	Đất trồng lúa nước còn lại	380,61	643,08	+ 262,47	168,96
1.1.1.2	Đất CHN khác	679,49	671,18	-8,31	98,78
1.1.2	Đất trồng CLN	113,2	103,92	-9,28	91,80
1.2	Đất NTTS	850,25	783,62	-66,63	92,16
1.3	Đất NN khác	40,81	494,43	+ 453,62	1211,54





**Hình 3.4. Quy mô diện tích đất nông nghiệp trước và sau chuyển đổi**

### 3.3.2. Ảnh hưởng đến việc cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp

Sau khi thực hiện DĐĐT, do quy mô thửa đất tăng lên đã góp phần thúc đẩy quá trình áp dụng cơ giới hoá vào đồng ruộng được nhanh chóng, mạnh mẽ hơn. Người nông dân đã mạnh dạn trang bị các phương tiện sản xuất hiện đại phù hợp với sản xuất và cho hiệu quả kinh tế cao như: máy cày, máy bừa, máy tuốt lúa có động cơ... để phục vụ khâu làm đất và thu hoạch góp phần làm giảm ngày công lao động, chi phí trong sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.

**Bảng 3.11. Sự thay đổi vật tư và các thiết bị phục vụ sản xuất sau khi dồn điền đổi thửa ở các xã điều tra**

Hạng mục tư liệu phục vụ sản xuất	Xã Thụy Phú		Xã Văn Hoàng		Xã Chuyên Mỹ	
	Trước CĐ (2004)	Sau CĐ (2010)	Trước CĐ (2004)	Sau CĐ (2010)	Trước CĐ (2004)	Sau CĐ (2010)
1. Trâu bò cày kéo (con)	258	198	215	160	185	154
2. Máy cày, máy bừa (cái)	2	12	1	11	3	15
3. Máy tuốt lúa động cơ (cái)	0	9	1	13	0	15
4. Số máy phun thuốc trừ sâu (cái)	0	9	2	12	1	15
5. Tỷ lệ cơ giới hoá khâu làm đất (%)	15	60	12	65	25	76

Nguồn: Số liệu điều tra

Qua số liệu bảng 3.11 cho thấy sự mạnh dạn đầu tư máy móc trong sản xuất của các hộ nông dân đã có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực. Số lượng trâu, bò cày kéo giảm đi, số lượng các máy móc phục vụ sản xuất tăng lên đã làm cho tỷ lệ cơ giới hoá trong khâu làm đất của các xã đều tăng: xã Thụy Phú đạt 60%, tăng 45% so với trước chuyển đổi; xã Văn Hoàng đạt 65%, tăng 53%; xã Chuyên Mỹ đạt 76%, tăng 51% so với trước chuyển đổi. Điều đó đã chứng tỏ việc chuyển đổi ruộng đất từ nhiều ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn đã giúp cho bà con nông dân có cơ hội đầu tư máy móc áp dụng vào sản xuất để giải phóng sức lao động và nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích.

### **3.4.3. Ảnh hưởng của chuyển đổi ruộng đất đến hệ thống giao thông và thủy lợi nội đồng**

Đồn đổi ruộng đất góp phần quy hoạch lại hệ thống giao thông nội đồng và mạng lưới thủy lợi tạo điều kiện thúc đẩy quá trình hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Trong quá trình chuyển đổi ruộng đất các địa phương đều thực hiện việc quy hoạch lại hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng. Theo số liệu tổng hợp toàn huyện Phú Xuyên đã làm mới và nâng cấp 3180 tuyến giao thông, đã đào đắp 988.156 m<sup>3</sup> đất đá; tập trung thi công 1293 tuyến thủy lợi và khối lượng đào đắp 213.337 m<sup>3</sup> đất đá, đúc trên 1 vạn công lớn nhỏ đầu tư cho các xã sau công tác chuyển đổi.

Kết quả điều tra về diện tích giao thông, thủy lợi ở các xã nghiên cứu đại diện được thể hiện ở Bảng 3.12

**Bảng 3.12. Diện tích giao thông thủy lợi sau chuyển đổi ruộng đất**

Loại đất	Tên xã	Trước chuyển đổi (ha)	Sau chuyển đổi (ha)	Diện tích Tăng	Tỷ lệ tăng (%)
Giao thông	Thụy Phú	9,4	11,5	2,1	18,26
	Văn Hoàng	15,3	18,7	3,4	18,18
	Chương Mỹ	17,6	19,4	1,8	9,28
Thủy lợi	Thụy Phú	10,3	11,7	1,4	11,97
	Văn Hoàng	16,2	20,7	4,5	21,74
	Chương Mỹ	14,3	16,5	2,2	13,33

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

Kết quả ở bảng 3.12 cho thấy: ở cả 3 xã nghiên cứu diện tích đất giao thông đều

tăng so với trước chuyển đổi ruộng đất thấp nhất là Chương Mỹ tăng 9,28% và cao nhất là Thụy Phú tăng 18,26%. Đối với đất thủy lợi diện tích sau chuyển đổi cũng tăng nhiều so với trước chuyển đổi thấp nhất là Thụy Phú tăng 11,74%, cao nhất là Văn Hoàng tăng 21,74%.

Nguyên nhân tăng diện tích đường giao thông, thủy lợi nội đồng của các xã điều tra khác nhau là do trong quá trình chuyển đổi ruộng đất xã đã kết hợp quy hoạch lại hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, khi tính toán để dồn đổi ruộng đất đã trừ đất cho nhu cầu trong tương lai.

Việc quy hoạch lại hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng đã góp phần tích cực trong cải tạo đất, nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích của nông hộ. Với việc tu bổ, mở rộng các tuyến kênh, mương tưới, tiêu góp phần chủ động tưới trong mùa khô hạn, tiêu trong mùa lũ lụt đã làm cho diện tích canh tác được tưới tiêu chủ động tăng lên, nhiều cánh đồng trước kia chỉ cấy một vụ hay trồng màu nay nhờ có hệ thống tưới tiêu tương đối hoàn thiện đã được cải tạo tăng vụ hoặc chuyển đổi sang trồng lúa. Đối với việc mở rộng đất giao thông nội đồng góp phần giảm công lao động khi thu hoạch cũng như công chăm sóc, thăm đồng của nông hộ cũng góp phần làm giảm chi phí trong sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích.

#### ***3.3.4. Ảnh hưởng của chuyển đổi ruộng đất đến diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính***

Diện tích đất nông nghiệp của cả huyện từ năm 2004 đến năm 2010 đã giảm đáng kể, giảm 169,14ha do chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp. Nhưng diện tích gieo trồng của toàn huyện không những không giảm mà còn có chiều hướng tăng lên. Đặc biệt là diện tích các loại cây như đậu đỗ, diện tích cây Đậu tương đã tăng lên rất nhiều năm 2000 chỉ có 2.219,9 ha nhưng sau chuyển đổi ruộng đất năm 2004 đã tăng lên 7.719,9ha và đến năm 2010 đã đạt 8,591,6ha. Trước năm 2004 diện tích các loại đậu đỗ (Đỗ Xanh, Đỗ đen....) là rất ít nhưng đến năm 2008 diện tích các loại đậu đỗ đã tăng nhanh đạt 204,1ha. Sự tăng lên nhanh chóng của diện tích các loại cây trồng này là do sau chuyển đổi ruộng đất, hệ thống giao thông, thủy lợi đã được cải tạo, nâng cấp nên chủ động được tưới tiêu, tạo điều kiện để thâm canh, tăng vụ (nhất là diện tích cây vụ đông). Đối với các loại cây trồng khác, tuy diện tích có giảm do chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp nhưng sản lượng các loại cây đều không ngừng tăng do sau dồn điền đổi thửa từ ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn tạo điều kiện thuận lợi để người dân áp dụng khoa học kỹ thuật trong việc chăm sóc, nên năng suất các loại cây trồng đều tăng so với trước chuyển đổi. Góp phần nâng cao hệ số sử dụng đất và hiệu quả sử dụng đất trên một đơn vị diện tích.

Diện tích, năng suất và sản lượng một số cây trồng chính của huyện qua một số năm được thể hiện chi tiết qua bảng 3.13

**Bảng 3.13. Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính của huyện Phú Xuyên giai đoạn 2000 - 2010**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2000	2004	2008	2010
<b>Tổng diện tích gieo trồng</b>		<b>ha</b>	<b>23958,5</b>	<b>27378,8</b>	<b>27177,1</b>	<b>27.351,70</b>
<b>I</b>	<b>Cây lương thực</b>					
<i>1</i>	<i>Cây lúa</i>					
	- Diện tích	ha	18.512,40	17.520,30	16.672,20	16.814,00
	- Năng suất	tạ/ha	60,90	62,10	64,80	64,00
	- Sản lượng	tấn	112.740,52	108.801,06	108.035,86	107.609,60
<i>2</i>	<i>Cây Ngô</i>					
	- Diện tích	ha	1.242,30	694,80	1.082,30	789,00
	- Năng suất	tạ/ha	31,90	49,50	57,60	53,30
	- Sản lượng	tấn	3.962,94	3.439,26	6.234,05	4.205,37
<b>II</b>	<b>Cây công nghiệp</b>					
<i>1</i>	<i>Cây lạc</i>					
	- Diện tích	ha	249,20	321,80	108,00	112,30
	- Năng suất	tạ/ha	31,70	29,40	27,90	29,00
	- Sản lượng	tấn	789,96	946,09	301,32	325,67
<i>2</i>	<i>Cây đậu tương</i>					
	- Diện tích	ha	2.219,90	7.719,90	8.261,20	8.591,60
	- Năng suất	tạ/ha	12,30	14,60	10,90	15,00
	- Sản lượng	tấn	2.730,48	11.271,05	9.004,71	12.887,40
<b>III</b>	<b>Cây có củ</b>					
	<i>Khoai lang</i>					
	- Diện tích	ha	492,10	91,30	46,30	64,00
	- Năng suất	tạ/ha	86,00	109,30	110,20	111,00
	- Sản lượng	tấn	4.232,06	997,91	510,23	710,40
<b>IV</b>	<b>Cây thực phẩm</b>					
<i>1</i>	<i>Rau các loại</i>					
	- Diện tích	ha	1.084,30	1.030,70	803,00	835,00
	- Năng suất	tạ/ha	97,70	107,20	101,00	105,00
	- Sản lượng	tấn	10.593,61	11.049,10	8.110,30	8.767,50
<i>2</i>	<i>Đỗ (xanh đen)</i>					
	- Diện tích	ha			204,10	145,80
	- Năng suất	tạ/ha			15,80	17,00
	- Sản lượng	tấn			322,48	247,86

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Phú Xuyên.

### 3.3.5. Ảnh hưởng đến việc hình thành các trang trại sản xuất nông nghiệp

Việc thực hiện chuyển đổi ruộng đất từ ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn đã là một bước đột phá giúp cho việc hình thành nhanh chóng hệ thống trang trại nông nghiệp trên địa bàn huyện.

Số lượng trang trại trên địa bàn huyện sau chuyển đổi ruộng đất đã tăng lên nhanh chóng thể hiện qua bảng 3.14

**Bảng 3.14. Số lượng trang trại toàn huyện Phú Xuyên giai đoạn từ 2004 - 2010**

TT	Tên đơn vị	Năm 2004	Năm 2007	Năm 2010
1	TT Phú Xuyên	5	10	12
2	TT Phú Minh	5	15	15
3	Hồng Minh	10	15	16
4	Phượng Dực	8	10	11
5	Đại Thắng	2	4	4
6	Tri Trung	2	18	18
7	Văn Hoàng	13	15	25
8	Phú Túc	1	2	5
9	Hoàng Long	1	6	6
10	Quang Trung	3	8	10
11	Nam Triều	7	7	7
12	Tân Dân	5	10	13
13	Sơn Hà	10	18	18
14	Chuyên Mỹ	15	27	45
15	Phúc Tiên	1	6	6
16	Vân Từ	6	10	10
17	Đại Xuyên	7	9	12
18	Phú Yên	3	8	10
19	Châu Can	2	3	5
20	Văn Nhân	3	9	9
21	Thụy Phú	1	10	10
22	Hồng Thái	2	20	21
23	Nam Phong	2	12	12
24	Khai Thái	4	8	8
25	Tri Thủy	4	14	14
26	Quang Lãng	4	18	19
27	Bạch Hạ	1	1	9
28	Minh Tân	2	10	11
	<b>Toàn huyện</b>	<b>129</b>	<b>303</b>	<b>361</b>

Nguồn: Phòng thống kê huyện Phú Xuyên

Qua bảng 3.13 chúng ta thấy số lượng trang trại sau chuyển đổi ruộng đất đã tăng rất nhiều, từ chỗ năm 2004 toàn huyện chỉ có 129 trang trại đến năm 2007 đã tăng

174 trang trại so với năm 2004 đạt 303 trang trại, đến năm 2010 đã tăng lên 232 trang trại so với năm 2004 đạt 361 trang trại. Các trang trại tại các xã trong huyện đều là các trang trại chăn nuôi tổng hợp hoặc chuyên canh với các mô hình: Lúa – Cá – Vịt, Lúa - Cá, Chuyên chăn nuôi lợn, gà, vịt, cá. Đặc biệt có những trang trại chuyên canh một loại cây, con đi vào sản xuất hàng hóa như chuyên trồng rau, chuyên trồng hoa, chuyên nuôi Lợn thịt, chuyên nuôi Lợn nái, chuyên nuôi gà đẻ, chuyên nuôi vịt, hay chuyên nuôi cá Sấu, chuyên nuôi Trắm đen... cho hiệu quả kinh tế rất cao.

### ***3.3.6. Ảnh hưởng của chuyển đổi ruộng đất đến một số kiểu sử dụng đất của huyện***

Với lợi thế là vùng có truyền thống sản xuất nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp hàng hoá đã hình thành và phát triển, đặc biệt là sau chuyển đổi ruộng đất, hình thành các ô thửa lớn, các trang trại tập trung cho nên tại đây các kiểu sử dụng đất bước đầu mang những đặc điểm của vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá gồm: 6 loại hình sử dụng đất chính. Trong đó có các loại hình sử dụng đất đặc trưng vùng như đất chuyên lúa, chuyên màu, đất nuôi trồng thủy sản, đất chăn nuôi và trang trại tổng hợp.

Các loại hình sử dụng đất trên địa bàn huyện sau chuyển đổi ruộng đất đã có những thay đổi đáng kể, theo chiều hướng thiên về sản xuất hàng hóa và chuyên canh, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Các loại hình sử dụng đất chính trên địa bàn huyện trước và sau chuyển đổi ruộng đất được thể hiện chi tiết qua bảng 3.15

**Bảng 3.15. Một số kiểu sử dụng đất chính trước và sau chuyển đổi ruộng đất**

TT	LUT	Kiểu sử dụng đất	
		Trước CĐ	Sau CĐ
1	2 Lúa - cây vụ đông	Lúa xuân - lúa mùa - Ngô	Lúa xuân - lúa mùa - Ngô
		Lúa xuân - lúa mùa - Đậu tương	Lúa xuân - lúa mùa - Đậu tương
2	2 Lúa	Lúa xuân - lúa mùa	Lúa xuân - lúa mùa
3	Chuyên màu	Rau muống	Dưa chuột xuân – Rau cải – Xu hào
		Cà pháo – Rau cải	Dưa chuột xuân – Rau cải - Cà chua
4	Nuôi trồng thủy sản	Cá hỗn hợp	Cá hỗn hợp
			Ba ba
			Rô đồng
			Cá Sấu
			Trắm đen
			Cá vịt
5	Chăn nuôi		Gà
			Vịt
			Lợn
			Gà - Vịt - Lợn
6	Trang trại tổng hợp	Lúa – Cá	Lúa - Cá - Vịt
			Lúa - Cá – Sen
		Lúa - Cá - Vịt	Lúa - Cá - Sen - Vịt
			Lúa - Cá

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra*

- LUT chuyên lúa (lúa xuân, lúa mùa) phân bố ở tất cả các xã trong huyện. Sau chuyển đổi ruộng đất, thực hiện chương trình xây dựng, phát triển các vùng sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao giai đoạn 2005-2015, trung tâm giống cây trồng Phú Xuyên đã triển khai xây dựng các vùng sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao tại xã Phượng Dực, Hoàng Long với tổng diện tích 332,0 ha. Hợp tác xã được cung ứng giống, được hỗ trợ mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư phục vụ sản xuất. Bên cạnh đó, hộ nông dân được tập huấn, huấn luyện, chỉ đạo các kỹ thuật gieo mạ, cấy, chăm sóc lúa chất

lượng cao theo đúng quy trình kỹ thuật. Với các giống lúa chất lượng cao như: Bắc thơm số 7, SH2, Nàng Xuân, Tám Xoan, T10, LT2,... đều cho thấy các giống lúa chất lượng cao đã khá phù hợp với đồng đất, điều kiện tự nhiên và tập quán canh tác của nông dân, thích ứng rộng phù hợp với cơ cấu 2 vụ/năm (LUT 2 lúa) của Phú Xuyên và cho chất lượng cao.

- LUT 2 lúa - cây vụ đông với hai kiểu sử dụng đất: Lúa xuân - Lúa mùa - Đậu tương và kiểu sử dụng đất Lúa xuân - Lúa mùa - Ngô đông. Các kiểu sử dụng đất này tập trung chủ yếu ở các chân đất vàn, vàn cao thuộc các xã phía đông huyện và các xã Quang Trung, Vân Từ, Phú Yên. Đặc biệt sau chuyển đổi ruộng đất hệ thống giao thông thủy lợi được cải tạo, chủ động được tưới tiêu nên diện tích trồng cây vụ đông đã tăng lên rất nhanh, hầu hết tất cả các xã trong huyện đều có trồng cây vụ đông và phát triển nhất là cây Đậu tương.

- LUT chuyên màu: Với các cây trồng chính là Dưa chuột, rau cải, cà pháo, rau muống, cà chua. Trước chuyển đổi diện tích trồng rau màu cũng chỉ đủ để đáp ứng nhu cầu trong các hộ gia đình mà không có sản phẩm hàng hóa cung cấp cho các thị trường khác. Nhưng sau chuyển đổi diện tích này đã được người dân đầu tư và thay đổi theo kiểu sản xuất hàng hóa cung cấp cho thị trường các vùng lân cận nhất là thị trường Hà Nội đem lại hiệu quả kinh tế rất cao.

- LUT nuôi trồng thủy sản: Trước chuyển đổi ruộng đất, diện tích nuôi trồng thủy sản trong tất cả các xã trong huyện đều nhỏ lẻ, chủ yếu là các ao nhỏ, các hộ gia đình nuôi theo kiểu tự cung tự cấp. Sau chuyển đổi ruộng đất, diện tích nuôi trồng thủy sản đã tăng nhanh chóng là chủ yếu tập trung nuôi theo kiểu sản xuất hàng hóa. Tồn tại 7 kiểu sử dụng đất chính là nuôi cá hỗn hợp (Chép- Trôi), lúa - cá, ba ba, cá sấu, cá rô đồng. Kiểu sử dụng đất này tập trung ở các chân đất trũng nhất thuộc các xã Thụy Phú, Khai Thái, Đại Thắng, Quang Trung, Chuyên Mỹ, Tân Dân.

Huyện Phú Xuyên là huyện nằm ở phía nam thành phố Hà Nội là vùng đất thấp trũng, có nhiều sông chảy qua (sông Hồng, sông Nhuệ, sông Duy Tiên, sông Lương). Các con sông này không chỉ mang phù sa bồi đắp cho những vùng bãi ven sông mà còn mang lại nguồn nước dồi dào và là điều kiện lý tưởng để phát triển nghề nuôi cá ở đây. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có rất nhiều hệ thống kênh cấp, tiêu nước (Kênh cấp I2-4, I2-5, I2-9... Kênh tiêu Bìm, A2-3, A2-5, A2-7...) các hệ thống kênh mương này được nối với những con sông chảy qua địa bàn của huyện phục vụ tưới tiêu, bảo vệ và phòng chống úng lụt cho sản xuất nông nghiệp song cũng là điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa. Chính vì điều kiện tự nhiên thuận lợi cho tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản nên ở Phú Xuyên có diện tích nuôi thủy



sản khá rộng, có 162 trang trại với trên 600ha mặt nước nuôi trồng thủy sản, có các địa phương có truyền thống nuôi cá lâu năm như xã Đại Thắng, Quang Trung, Chuyên Mỹ, Hoàng Long ... Các sản phẩm cá tương đối đa dạng đồng thời có chất lượng cao như cá sấu, ba ba, cá trắm đen, rô đồng,...

Hiện tại, xã Văn Hoàng có trên 18 hộ phát triển nuôi cá rô đồng công nghiệp. Do thời gian nuôi cá này ngắn chỉ 3-4 tháng là cho thu hoạch, một năm có thể nuôi 2 vụ, thời gian quay vòng vốn nhanh nên hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích được nâng cao. Có một số hộ khác lại phát triển nuôi cá trắm đen, là một loại cá có chất lượng cao, ngày càng được thị trường ưa chuộng và được tiêu thụ tại các thị trường có tính lựa chọn. Ngoài ra, tại một số địa hình thấp trũng, tại xã Chuyên Mỹ có 5 hộ hình thành trang trại nuôi cá sấu. Đây là đối tượng nuôi đem lại hiệu quả kinh tế rất cao, các sản phẩm là thịt và da cá sấu được chế biến thành các loại sản phẩm tiêu dùng như: ví, túi xách, giày, dây lưng,... có giá bán cao được phân phối tại thị trường trong nước và phục vụ xuất khẩu. Ngoài ra một số xã có mô hình nuôi ba ba cho giá trị kinh tế rất cao như Khai Thái, Đại Thắng, Tân Dân.

- LUT chăn nuôi bao gồm 5 công thức luân canh là Gà, Vịt, Lợn, Gà - Vịt - Lợn, Trâu bò. Đây là loại hình phổ biến trên địa bàn huyện. Trước chuyển đổi ruộng đất, việc chăn nuôi đều phát triển trong các hộ gia đình nhưng chỉ đủ tự cung, tự cấp mà rất ít sản phẩm hàng hóa. Nhưng sau chuyển đổi, mô hình chăn nuôi đã phát triển rất mạnh hình thành các trang trại chăn nuôi lớn, tập trung mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo công ăn việc làm và hạn chế ô nhiễm môi trường. Những trang trại nhỏ với quy mô gia đình cũng hình thành nhanh chóng, đem lại nguồn thu lớn cho các hộ gia đình.

- LUT trang trại tổng hợp có 4 kiểu sử dụng đất, bao gồm: Lúa - Cá - Vịt; Lúa - Cá - Sen; Lúa - Cá; Lúa - Cá - Sen - Vịt. Trước chuyển đổi ruộng đất số trang trại tổng hợp rất ít và chưa đem lại hiệu quả nhưng sau chuyển đổi, các trang trại tổng hợp đã hình thành nhanh chóng do tăng được quy mô diện tích đất đai, người dân có quỹ đất để nuôi trồng và đặc biệt là nó đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội rất cao nên được nhân rộng rất nhanh.

### **3.4. Đánh giá hiệu quả của một số loại hình sử dụng đất nông nghiệp trước và sau chuyển đổi**

#### **3.4.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế**

Để đánh giá hiệu quả kinh tế hệ thống sử dụng đất chính, trước và sau chuyển đổi ruộng đất, chúng tôi tiến hành phân tích tài chính trong quá trình sản xuất đối với các cây trồng chính thông qua các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu sau:

- Chi phí trung gian (CPTG): gồm chi phí giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, làm

đất, vận chuyển, chi khác.... Chỉ tiêu này phản ánh mức đầu tư chi phí vật chất trên một đơn vị diện tích gieo trồng.

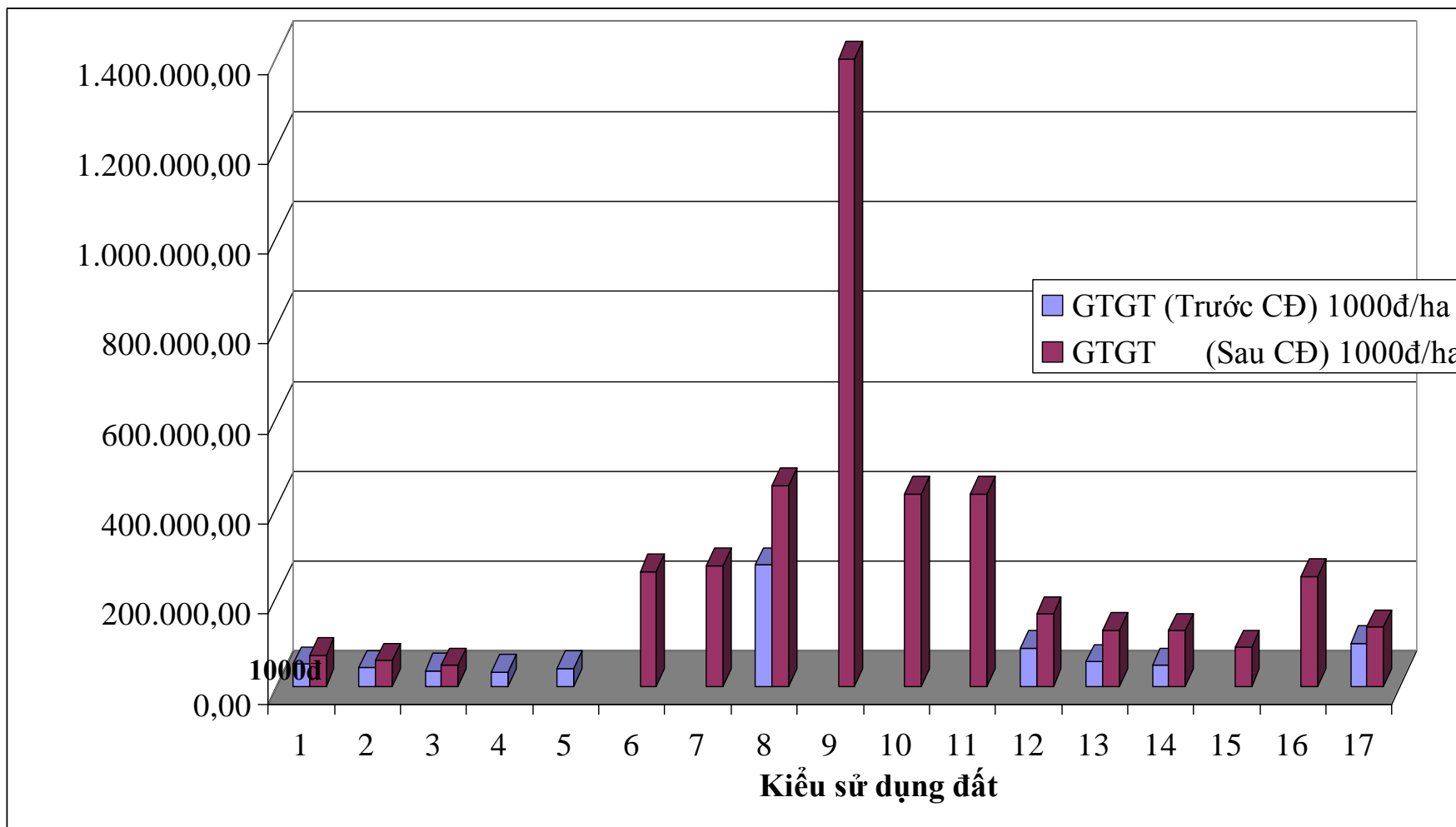
- Số công trên một đơn vị diện tích là cơ sở để tính toán năng suất lao động.
- Giá trị sản xuất (GTSX): Phản ánh năng suất đất đai trên khía cạnh lượng giá trị thu được trên đơn vị diện tích.
- Giá trị gia tăng (GTGT): phản ánh hiệu quả sử dụng đất ở khía cạnh giá trị sản phẩm mới tạo ra trên đơn vị diện tích.
- Giá trị gia tăng trên công lao động (GTGT/công LĐ): phản ánh giá trị ngày công trong sản xuất nông nghiệp.

Sau khi tổng hợp, phân tích các số liệu điều tra chúng tôi tổng hợp hiệu quả kinh tế của các kiểu sử dụng đất chính trên địa bàn huyện trước và sau chuyển đổi ruộng đất cụ thể trong bảng 3.16 và hình 3.5

**Bảng 3.16. Hiệu quả kinh tế của một số kiểu sử dụng đất chính trước và sau chuyển đổi ruộng đất**

LUT	Kiểu sử dụng đất		Trước CD			Sau CD			
			GTSX 1000đ/ha	CPTG 1000đ/ha	GTGT 1000đ/ha	GTSX 1000đ/ha	CPTG 1000đ/ha	GTGT 1000đ/ha	GTGTso với trước CD (Lần)
2 Lúa - Cây vụ đồng	1	Lúa xuân - lúa mùa - Ngô	131.352,10	81.852,08	49.500,03	138.850,00	70.383,07	68.466,94	1,38
	2	Lúa xuân - lúa mùa - Đậu tương	111.635,40	70.188,68	41.446,73	117.328,25	59.830,47	57.497,79	1,39
2 Lúa	3	Lúa xuân - lúa mùa	86.642,40	51.582,78	35.059,63	90.252,50	43.723,87	46.528,64	1,33
Chuyên màu	4	Rau muống	55.540,00	23.604,50	31.935,50				
	5	Cà pháo – Rau cải	84.976,20	44.779,13	40.197,08				
	6	Dưa chuột xuân – Rau cải – Xu hào				423.492,50	168.355,63	255.136,88	
	7	Dưa chuột xuân – Rau cải - Cà chua				437.377,50	168.355,63	269.021,88	
Nuôi trồng thủy sản	8	Cá hỗn hợp	333.240,00	63.871,00	269.369,00	555.400,00	108.303,00	447.097,00	1,66
	9	Cá Sấu				17.994.960,00	16.600.519,80	1.394.440,20	
	10	Trắm đen				1.166.340,00	738.182,14	428.157,86	
	11	Cá vệt				722.020,00	294.362,00	427.658,00	
Chăn nuôi	12	Gà	108.000,00	23.930,00	84.070,00	264.000,00	103.390,00	160.610,00	1,91
	13	Vịt	105.882,35	51.277,06	54.605,29	203.294,12	77.809,41	125.484,71	2,30
	14	Lợn	725.333,33	678.518,52	46.814,81	1.080.888,89	957.037,04	123.851,85	2,65
Trang trại tổng hợp	15	Lúa – Cá				183.976,25	97.597,67	86.378,59	
	16	Lúa - Cá - Vịt				406.136,25	161.468,67	244.667,59	
	17	Lúa - cá - Sen	211.329,70	116.425,73	94.903,98	246.458,75	114.842,84	131.615,92	1,39

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra*



**Hình 3.5. Hiệu quả kinh tế của một số cây trồng chính trước và sau CD ruộng đất**

Qua bảng 3.16 và qua hình 3.5 chúng ta thấy hiệu quả kinh tế của các kiểu sử dụng đất sau chuyển đổi có xu hướng cao hơn nhiều hiệu quả trước chuyển đổi.

- Giá trị sản xuất sau khi chuyển đổi ruộng đất tăng do năng suất các cây trồng chính tăng lên. Vì sau khi chuyển đổi ruộng đất phần lớn các diện tích đã chủ động được tưới, tiêu, hệ thống kênh tưới, tiêu được bê tông hóa đảm bảo chủ động phục vụ sản xuất; Các trạm bơm được đầu tư sửa chữa, xây dựng mới đảm bảo chủ động tưới, tiêu cho toàn bộ diện tích của huyện. Đồng ruộng được cải tạo, kiến thiết lại; quy mô thửa ruộng rộng lớn nên các hộ nông dân đầu tư khoa học kỹ thuật vào sản xuất; Việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp được tăng cường hơn nông dân có điều kiện thâm canh cao, các giống lúa mới đã được đưa vào sản xuất như: lai 3 dòng, nhị ưu 838, nhị ưu 63; lai 2 dòng, Nàng xuân, Tám xoan, SH2... Các trang trại được mở rộng, người nông dân yên tâm đầu tư lớn hơn, có điều kiện ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, đưa các giống vật nuôi mới vào nên năng suất đã tăng đáng kể.

- Chi phí sản xuất trên 1 ha gieo trồng sau chuyển đổi giảm so với trước chuyển đổi ruộng đất do: số lần phun thuốc bảo vệ thực vật giảm vì các hộ nông dân áp dụng chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM). Lượng giống đầu tư trên 1 ha gieo trồng cũng giảm vì đã sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi mới. Hệ thống tưới tiêu đảm bảo hơn nên các khoản chi phí về thủy lợi cũng giảm. Lượng phân hữu cơ và vô cơ, lượng thức ăn đầu tư vào 1 ha nuôi trồng giảm do thâm canh nên các loại cây, con có thể hỗ trợ nhau, giảm lượng thức ăn, phân bón và sâu bệnh. Bên cạnh đó do diện tích được mở rộng, khả năng cơ giới hóa cao nên giảm được rất nhiều công lao động kể cả công lao động thuê ngoài và công lao động gia đình, vì thế giảm được nhiều chi phí sản xuất.

- Đặc biệt sau chuyển đổi ruộng đất người dân đã yên tâm đầu tư, đi vào sản xuất mang tính hàng hóa. Đưa vào nuôi trồng các loại cây con đem lại lợi nhuận rất cao như chuyên canh nuôi Cá trắm đen GTGT đạt trên 400 triệu đồng/ha hay mô hình nuôi Cá Sấu cho GTGT đạt trên 1 tỷ đồng/ha, ngoài ra đã đưa vào nuôi trồng kết hợp các loại cây, con mà trước chuyển đổi do diện tích quá nhỏ lẻ không thể nuôi trồng được như mô hình Lúa – Cá hay mô hình Lúa – cá – Vịt đem lại hiệu quả kinh tế rất cao. Trước chuyển đổi với các diện tích nhỏ lẻ người nông dân chỉ nuôi trồng một loại cây, con chủ yếu là mang tính tự cấp, tự túc hiệu quả kinh tế không cao như gà, vịt, cá hỗn hợp cho GTGT chỉ đạt từ 50 triệu – 80 triệu đồng/ha, nhưng sau chuyển đổi do diện tích lớn, người dân yên tâm đầu tư sản xuất, xây dựng chuồng trại, áp dụng khoa học kỹ thuật nên đã đưa vào áp dụng các mô hình mang tính sản xuất hàng hóa cho giá trị kinh tế rất cao như mô hình Lúa – Cá cho GTGT đạt 86,38 triệu

đồng/ha/năm, hay mô hình Lúa – Cá – Vịt cho GTGT đạt 244,66 triệu đồng/ha/năm. Với các loại hình sử dụng đất truyền thống của huyện như 2 lúa, chuyên màu, hay 2 lúa – cây vụ đông thì sau chuyển đổi đều cho hiệu quả kinh tế cao hơn và diện tích đều mở rộng hơn. Như mô hình Lúa Xuân – Lúa mùa – Ngô đông GTGT sau chuyển đổi ruộng đất gấp 1,38 lần trước chuyển đổi ruộng đất. Mô hình Lúa xuân – Lúa mùa – Đậu tương GTGT sau chuyển đổi gấp 1,39 lần trước chuyển đổi. Đây là mô hình ngày càng được mở rộng vừa đem lại hiệu quả kinh tế cao vừa cải tạo đất. Đối với diện tích đất hai Lúa do chủ động được tưới tiêu và đưa các giống mới vào sản xuất nên GTGT sau chuyển đổi cũng tăng gấp 1,33 lần so với trước chuyển đổi. Đối với diện tích đất chuyên màu, trước đây do diện tích nhỏ lẻ nên chỉ chủ yếu trồng các loại cây phục vụ cho nhu cầu gia đình như rau muống, cà pháo, rau cải thì hiện nay diện tích này đã trở thành thế mạnh của vùng, với việc chuyên trồng các cây rau màu thế mạnh, tạo ra vùng sản xuất hàng hóa phục vụ cho các thị trường lân cận nhất là thị trường Hà Nội. Trong đó có 2 kiểu sử dụng đất chủ yếu và đem lại hiệu quả kinh tế cao và tạo rất nhiều việc làm, giải quyết một phần số lao động dư thừa là Dưa chuột xuân – Rau cải – Xu hào cho GTGT đạt 255 triệu đồng/ha/năm, kiểu sử dụng đất Dưa chuột xuân – Rau cải – Cà chua cho GTGT đạt 269 triệu đồng/ha/năm.

### **3.4.2. Đánh giá hiệu quả xã hội**

Sau chuyển đổi ruộng đất đồng ruộng được kiến thiết và cải tạo lại, thuận lợi cho công tác áp dụng cơ giới hoá, khoa học kỹ thuật hiện đại vào đồng ruộng góp phần giải phóng sức lao động. Hầu hết các kiểu sử dụng đất sau chuyển đổi đều sử dụng ít lao động hơn so với trước chuyển đổi, bên cạnh đó việc đồn điền, đổi thửa thành các ô thửa lớn đã hình thành các kiểu sử dụng đất mới, hình thành các trang trại với quy mô lớn tạo ra rất nhiều lao động, giải quyết tình trạng dư thừa lao động do cơ giới hoá, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và giải quyết thêm nhiều công ăn việc làm cho người dân đồng thời cho GTGT trên ngày công lao động cao hơn nhiều so với trước chuyển đổi. Để đánh giá hiệu quả xã hội của việc sử dụng đất trước và sau chuyển đổi chúng tôi tiến hành đánh giá và so sánh trên các tiêu chí:

- Đối với các kiểu sử dụng đất truyền thống thì sau chuyển đổi phải sử dụng ít lao động hơn trước chuyển đổi.
- Sau chuyển đổi do quy mô thửa lớn, tạo thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung hoặc hình thành các trang trại nên tạo thêm công ăn việc làm mới và ngày càng ổn định cho người lao động.
- Giá trị ngày công của người lao động ngày càng phải được nâng cao.

Sau quá trình điều tra, đánh giá chúng tôi đã tổng hợp được số công lao động cần thiết sử dụng cho các kiểu sử dụng đất chính trong vùng. Kết quả đánh giá hiệu quả xã hội được thể hiện chi tiết trong bảng 3.17

Qua bảng 3.17 chúng ta thấy đối với các loại hình sử dụng đất truyền thống sau chuyển đổi do chủ động tưới tiêu, cơ giới hóa sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nên số công lao động đã giảm đi đáng kể. Cụ thể đối với kiểu sử dụng đất Lúa xuân – Lúa mùa – Ngô đã giảm 250 công/ha/năm từ 1555 công/ha/năm sử dụng trước chuyển đổi xuống chỉ còn 1305 công/ha/năm sau chuyển đổi. Tương tự như vậy kiểu sử dụng đất Lúa xuân – Lúa mùa – Đậu tương cũng đã giảm từ 1527 công/ha/năm xuống còn 1277 công/ha/năm sau chuyển đổi. Mô hình nuôi Gà, vịt, lợn trước chuyển đổi chủ yếu là nuôi theo kiểu hộ gia đình tự phát nhưng sau chuyển đổi các hộ đã tự hình thành các trang trại nhỏ hoặc liên kết để hình thành các trang trại lớn nên đã giảm được đáng kể công lao động. Cụ thể mô hình nuôi gà trước chuyển đổi sử dụng 1101 công/ha/năm thì sau chuyển đổi chỉ sử dụng 735 công/ha/năm giảm 366 công/ha/năm, hay mô hình nuôi Vịt trước chuyển đổi sử dụng 921 công/ha/năm thì sau chuyển đổi chỉ sử dụng 735 công/ha/năm giảm 186 công/ha/năm, mô hình nuôi Lợn tập trung là mô hình mà đang được áp dụng nhiều nhất tại các trang trại trong huyện trước chuyển đổi sử dụng 800 công/ha/năm thì sau chuyển đổi chỉ sử dụng 700 công/ha/năm giảm 100 công/ha/năm. Để giải quyết cho số lao động dôi dư này một phần các lao động đi khỏi địa phương đến nơi khác làm ăn phần còn lại thì được giải quyết nhờ vào việc tạo ra các mô hình sử dụng mới đem lại hiệu quả kinh tế cao và sử dụng nhiều lao động như đối với đất Chuyên màu, trước đây chỉ trồng các loại rau màu phục vụ gia đình nên cần ít lao động, hiện nay đã được đưa vào sản xuất lớn nên cần rất nhiều lao động. Cụ thể kiểu sử dụng đất Dưa chuột xuân – Rau cải – Xu hào cần sử dụng 2805 công/ha/năm, hay mô hình Dưa chuột xuân – Rau cải - Cà chua sử dụng 2916 công/ha/năm. Đặc biệt là các trang trại sau khi hình thành đã tạo điều kiện cho rất nhiều lao động làm việc ổn định cũng như các lao động mùa vụ. Như mô hình nuôi Cá Sấu cần sử dụng 1465 công/ha/năm và làm ổn định, hay mô hình nuôi Cá Trắm đen cần sử dụng 2930 công/ha/năm, hay mô hình Cá – Vịt cần sử dụng 1116 công/ha/năm. Bên cạnh đó các kiểu sử dụng đất thế mạnh của vùng trũng trên địa bàn huyện sau khi chuyển đổi cũng tạo điều kiện mở rộng canh tác tạo ra nhiều lao động cho người dân như: mô hình Lúa – Cá cần sử dụng khoảng 815 công/ha/năm hay mô hình Lúa – Cá – Vịt cần sử dụng khoảng 1175 lao động/ha/năm.

**Bảng 3.17. Hiệu quả sử dụng lao động của các kiểu sử dụng đất chính trước và sau chuyển đổi trên địa bàn huyện Phú Xuyên**

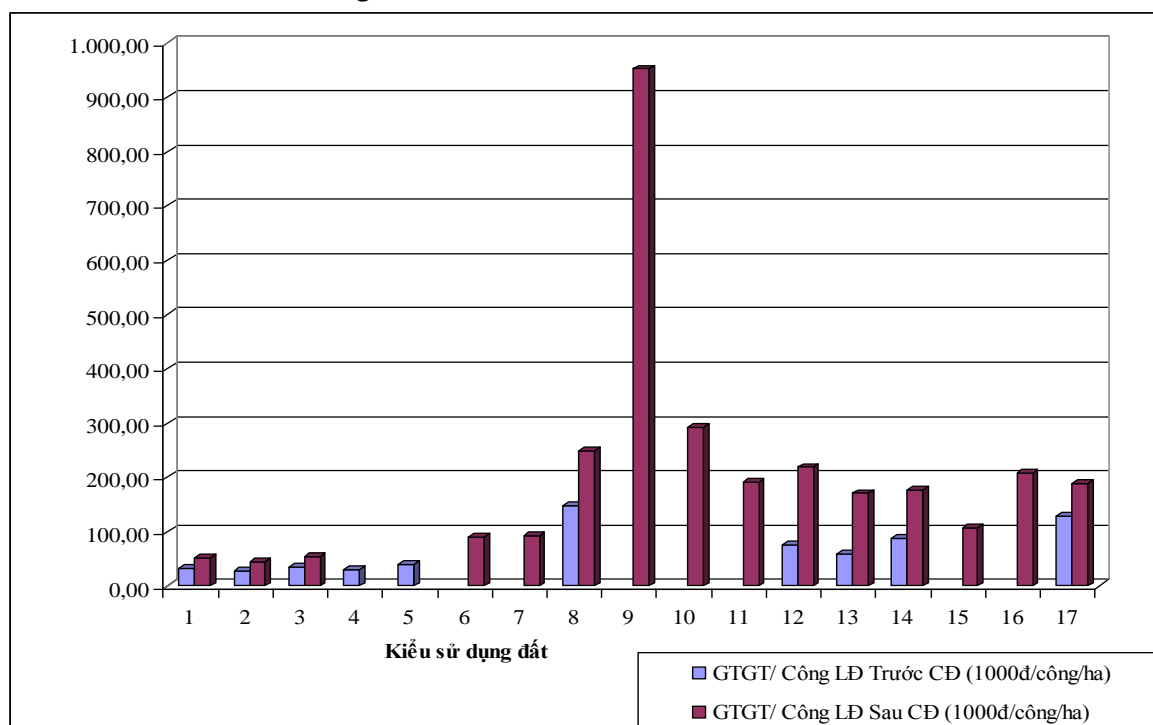
LUT	Kiểu sử dụng đất		Hiệu quả lao động trước CĐ			Hiệu quả lao động sau CĐ			
			LĐ trước CĐ công/ha	GTSX/ LĐ 1000đ/công/ ha	GTGT/ LĐ 1000đ/công/ ha	LĐ sau CĐ công/ha	GTSX/ LĐ 1000đ/công/ ha	GTGT/ LĐ 1000đ/công/ ha	GTGT/LĐ so với trước CĐ (lần)
2 Lúa - Cây vụ đông	1	Lúa xuân - lúa mùa - Ngô	1555	84,46	31,83	1305	106,38	52,46	1,65
	2	Lúa xuân - lúa mùa – Đậu tương	1527	73,09	27,14	1277	91,85	45,01	1,66
2 Lúa	3	Lúa xuân - lúa mùa	1027	84,32	34,12	861	104,84	54,05	1,58
Chuyên màu	4	Rau muống	1055	52,63	30,26				
	5	Cà pháo – Rau cải	1027	82,70	39,12				
	6	Dưa chuột xuân – Rau cải – Xu hào				2805	150,99	90,97	
	7	Dưa chuột xuân – Rau cải - Cà chua				2916	150,00	92,26	
Nuôi trồng thủy sản	8	Cá hỗn hợp	1830	182,10	147,20	1800	308,56	248,39	1,69
	9	Cá Sấu				1465	12.283,25	951,84	
	10	Trắm đen				2930	796,14	292,26	
	11	Cá - vịt				1116	323,49	191,60	
Chăn nuôi	12	Gà	1101	98,09	76,36	735	359,18	218,52	2,86
	13	Vịt	921	114,96	59,29	735	276,59	170,73	2,88
	14	Lợn	800	906,67	88,15	700	1.544,13	176,93	2,01
Trang trại tổng hợp	15	Lúa – Cá				815	225,78	106,00	
	16	Lúa - Cá - Vịt				1175	345,69	208,25	
	17	Lúa - cá - Sen	743	284,48	127,75	700	352,15	188,06	1,47

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra*



Qua bảng 3.17 chúng ta cũng thấy được rõ ràng sau chuyển đổi giá trị của ngày công lao động đã tăng lên rõ rệt ở hầu hết các mô hình sử dụng đất. Đối với các LUT truyền thống như 2 lúa – cây vụ đông, 2 lúa, chuyên màu thì giá trị ngày công tăng lên từ 1,58 lần – 1,66 lần. Nhưng đối với các LUT khác như chuyên nuôi thủy sản, chăn nuôi hay trang trại tổng hợp thì giá trị ngày công lao động sau chuyển đổi đã tăng trên 2 lần so với trước chuyển đổi. Giá trị ngày công lao động thấp nhất cũng đạt 45 nghìn đồng/công so với 27 nghìn đồng/công trước chuyển đổi. Đối với các LUT mới hình thành giá trị ngày công lao động rất cao, thấp nhất là LUT Chuyên màu đạt khoảng 90 nghìn đồng/công. Còn các LUT khác đều đạt trên 100 nghìn đồng/công. Đặc biệt với kiểu sử dụng đất nuôi Cá Sâu và nuôi Cá trắm đen đây là kiểu sử dụng đất mới xuất hiện trên địa bàn huyện, chỉ có một vài hộ áp dụng nhưng đem lại hiệu quả rất cao. Mô hình nuôi Cá Sâu cho thu nhập trên 900 nghìn đồng/công, còn mô hình nuôi Cá Trắm đen thì cho thu nhập khoảng gần 300 nghìn đồng/công tuy nhiên đối với các lao động sử dụng cho các LUT này thì đòi hỏi phải có trình độ khoa học kỹ thuật cao hơn các lao động khác. Đây đều là những mô hình cho hiệu quả lao động rất cao nên nhân rộng ra trên địa bàn huyện để tạo thế mạnh cho vùng.

Giá trị ngày công lao động của các kiểu sử dụng đất chính trước và sau chuyển đổi được thể hiện chi tiết tại bảng 3.17 và hình 3.6



**Hình 3.6. GTGT/công LĐ của các kiểu sử dụng đất chính trước và sau chuyển đổi**

### 3.4.3. Đánh giá hiệu quả môi trường

Đánh giá mức độ ảnh hưởng của hệ thống trồng trọt đến môi trường đang là vấn đề cấp bách đòi hỏi phải có số liệu phân tích kỹ về các mẫu đất, nguồn nước và nông sản trong một thời gian dài, chi phí cho công việc này cũng rất cao. Trong phạm vi thời gian và kinh phí có hạn chúng tôi chỉ tiến hành thu thập tài liệu, số liệu và đánh giá mức độ bón phân và sử dụng thuốc BVTV của người dân so với tiêu chuẩn để từ đó đánh giá mức độ ảnh hưởng đến môi trường của các loại hình sử dụng đất trước và sau chuyển đổi.

Qua số liệu điều tra từ thực tế chúng tôi tổng hợp được mức độ đầu tư phân bón của các cây trồng và so sánh với tiêu chuẩn bón phân của các cây trồng đó. Số liệu được thể hiện qua bảng 3.18

**Bảng 3.18. So sánh mức đầu tư phân bón với tiêu chuẩn bón phân cân đối**

*DVT: kg/ha*

Cây trồng	Số liệu điều tra						Tiêu chuẩn		
	Trước CĐ (2004)			Sau CĐ (2010)			Đạm	Lân	Kali
	Đạm	Lân	Kali	Đạm	Lân	Kali			
Lúa xuân	260	500	130	282	560	180	260-300	480-550	100-150
Lúa mùa	230	450	140	280	550	160	200-220	420-550	140-170
Ngô	278	270	170	300	290	195	337	360	192
Đậu tương	80	305	120	90	320	135	70-80	200-350	100-150
Cà chua	306	400	250	340	556	270	300-400	400	250-300
Dưa chuột	220	380	110	250	415	135	150	400	120
Rau cải	100	320	70	180	300	80	150 - 200	350	100
Su hào	160	100	40	220	110	60	150-200	90-120	40-50

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra*

Từ kết quả trên chúng ta thấy cả trước và sau chuyển đổi ruộng đất thì người dân đã biết bón các loại phân vô cơ một cách cân đối. Hầu hết các cây trồng đều được bón trong tiêu chuẩn cho phép. Trước chuyển đổi người dân đầu tư ít hơn sau chuyển đổi chính vì vậy mà năng suất các loại cây trồng cũng thấp hơn. Sau chuyển đổi người dân tiếp cận nhiều hơn với khoa học kỹ thuật, áp dụng sát với tiêu chuẩn bón phân nên đã tạo điều kiện thu được năng suất tối đa.

Bên cạnh đó trong quá trình canh tác, người dân đã tận dụng các sản phẩm của chăn nuôi tạo thành phân hữu cơ bón cho cây trồng nên đã giúp cải tạo đất vừa bảo vệ

môi trường.

Nhưng trong quá trình sản xuất người nông dân vẫn còn sử dụng rất nhiều thuốc BVTV, đây là nhu cầu không thể thiếu nhất là trong giai đoạn sản xuất hàng hóa. Nhưng việc sử dụng thuốc BVTV có ảnh hưởng rất lớn đến môi trường và sức khỏe con người. Trong những năm gần đây, do chủ động trong sản xuất người nông dân đã áp dụng các kỹ thuật phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM) nên cũng đã hạn chế được phần nào việc sử dụng thuốc BVTV, nhưng đây vẫn là vấn đề rất lớn bởi hiện nay ngày càng có nhiều loại thuốc BVTV, thuốc kích thích không rõ nguồn gốc, khó kiểm soát là nguy cơ tiềm ẩn đối với môi trường.

- Đối với các LUT nuôi trồng thủy sản sau chuyển đổi ruộng đất, người dân yên tâm đầu tư sản xuất, các hộ gia đình và trang trại nuôi trồng thủy sản đã quan tâm đến vấn đề sử dụng thức ăn chăn nuôi đúng tỷ lệ, tránh được hiện tượng dư thừa thức ăn dẫn đến ô nhiễm môi trường nước. Vấn đề cải tạo, nạo vét ao hồ và xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường cũng được thực hiện khá tốt. Tuy nhiên với mô hình chuyên nuôi trồng thủy sản thì nguy cơ ô nhiễm nguồn nước là rất lớn nhất là khi các trang trại ngày càng được mở rộng lượng thức ăn tổng hợp ngày càng được sử dụng nhiều.

- Đối với các mô hình kinh tế trang trại: chuyên chăn nuôi gà, vịt, lợn sau chuyển đổi quy mô trang trại ngày càng được mở rộng nên nguy cơ ô nhiễm môi trường là rất lớn. Nhất là vấn đề dịch bệnh gây nên những vấn đề rủi ro rất lớn cho người chăn nuôi. Trước đây, do việc chăn nuôi chủ yếu là phát triển tự phát trong các hộ gia đình, không theo quy hoạch, các khu chăn nuôi xây dựng cạnh khu dân cư chất thải chăn nuôi phần lớn không được xử lý mà xả thẳng ra môi trường. Nhưng hiện nay, sau khi chuyển đổi ruộng đất, người dân yên tâm đầu tư sản xuất, hình thành các trang trại chăn nuôi lớn nên trên địa bàn huyện các hộ chăn nuôi đã áp dụng một mô hình xử lý chất thải chăn nuôi rất hiệu quả vừa bảo vệ môi trường lại tiết kiệm chi phí đó là mô hình xây dựng các hầm xử lý Biogas. Đây là mô hình rất hiệu quả và đang được nhân rộng trên địa bàn huyện, tuy nhiên do chi phí để làm hệ thống biogas vẫn còn khá cao (7 triệu – 10 triệu/hầm gia đình) nên những hộ chăn nuôi nhỏ chưa thể làm được, chủ yếu mới chỉ có các hộ chăn nuôi lớn áp dụng.

- Các mô hình chăn nuôi kết hợp như Lúa – Cá – Vịt, Lúa – Cá... là các mô hình ít ảnh hưởng nhất đến môi trường vì các cây trồng vật nuôi hỗ trợ nhau cùng phát triển, không còn chất thải của chăn nuôi, tuy nhiên vấn đề dịch bệnh vẫn là nỗi lo rất lớn đối với người dân.

### **3.5. Đánh giá chung về quá trình tập trung tích tụ đất đai trên địa bàn huyện Phú Xuyên**

Trong những năm gần đây nhờ ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Phú Xuyên nói riêng và cả nước nói chung đã đạt được những thành tựu hết sức to lớn, nâng cao giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích canh tác góp phần nâng cao mức sống về vật chất và tinh thần cho người dân nông thôn, có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Đây là một trong những nội dung quan trọng góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, khai thác tốt tiềm năng đất đai quá trình tập trung tích tụ đất đai nhằm khắc phục những manh mún, tạo thành các ô thửa lớn là một quá trình tất yếu. Thực tế việc sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện thông qua các kiểu sử dụng đất chính đã chứng minh tính đúng đắn của chủ trương này.

Nếu như trước đây mỗi hộ được chia từ 4 – 10 thửa đất theo kiểu bình quân xã hội chủ nghĩa, có xấu, có tốt, có xa có gần, có những thửa diện tích chỉ vài chục m<sup>2</sup>, cách nhà vài km, hệ thống bờ vùng, bờ thửa chiếm diện tích đất rất lớn, hệ thống thủy lợi nhỏ hẹp, chất lượng kém thì đến nay, thực hiện chủ trương tập trung tích tụ ruộng đất một hộ dân trong huyện đã giảm số thửa một cách đáng kể, trung bình mỗi hộ chỉ còn từ 2 – 3 thửa, rất nhiều hộ gia đình chỉ còn 1 thửa, diện tích các thửa đất cũng đã tăng lên, hình thành hàng trăm trang trại quy mô lớn. Đồng ruộng được quy hoạch lại, hệ thống giao thông, thủy lợi được cải tạo, xây mới, kiên cố hóa, giúp chủ động tưới tiêu, giảm các chi phí không đáng có.

Sau chuyển đổi ruộng đất hộ nông dân đã yên tâm đầu tư sản xuất, mạnh dạn áp dụng khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa vào sản xuất từ đó đã làm tăng năng suất cũng như chất lượng cây trồng vật nuôi, mở rộng thị trường, giao lưu với các thị trường lân cận và dần dần tiến đến sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

Tập trung tích tụ ruộng đất không những tạo nên sự thay đổi lớn bộ mặt kinh tế nông thôn mà còn có những tác động không nhỏ đến mọi mặt của đời sống xã hội ở nông thôn. Việc tập trung tích tụ đất đai, giao đất ổn định, lâu dài cho người dân đã khiến người nông dân yên tâm đầu tư sản xuất, không xảy ra tranh chấp, khiếu kiện gây mất đoàn kết trong dân. Đồng ruộng được quy hoạch, hệ thống kênh mương được cải tạo, kiên cố đã giúp chủ động tưới tiêu, mở rộng các diện tích canh tác, tăng vụ, thâm canh, hình thành các trang trại đã tạo ra rất nhiều việc làm mới, giảm thời gian nông nhàn,

giúp người nông dân yên tâm gắn bó với đồng ruộng. Cùng với việc phát triển sản xuất thì hệ thống dịch vụ, thị trường cũng thay đổi theo vì thế lại càng tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động, nhờ vậy mà bộ mặt nông thôn ngày càng thay đổi.

Ngoài ra, quá trình tập trung tích tụ ruộng đất cũng có những tác động không nhỏ đến môi trường sống. Việc quy hoạch lại đồng ruộng, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, người nông dân có điều kiện tiếp cận với khoa học, với thông tin nên cũng đã sử dụng các loại phân bón và thuốc BVTV khoa học và hợp lý hơn, chú trọng việc cải tạo phục hồi đất bằng cách tăng cường lượng phân chuồng, phân xanh. Người dân đã nhận thức rõ hơn việc bảo vệ môi trường sống nên đã chủ động tìm các biện pháp xử lý ô nhiễm, trong đó có một biện pháp đang được nhân rộng vừa xử lý được ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi và vừa tiết kiệm được chi phí sinh hoạt đó là mô hình sử dụng khí sinh học (Biogas).

Tuy nhiên thực khi thực hiện chính sách tập trung tích tụ ruộng đất thì vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn. Thực chất của công cuộc tập trung tích tụ ruộng đất trên địa bàn huyện Phú Xuyên hiện nay mới chỉ dừng lại ở công cuộc chuyển đổi ruộng đất, các hộ nông dân tự nguyện chuyển đổi ruộng đất cho nhau theo chủ trương chung của huyện và vẫn đảm bảo gia đình nào cũng có đất sản xuất, chính vì thế mà số thửa tuy có giảm nhưng diện tích các ô thửa vẫn còn nhỏ, chưa thể tiến đến sản xuất hàng hóa lớn.

Sau chuyển đổi ruộng đất phần lớn các kiểu sử dụng đất chính trên địa bàn huyện đều cho hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội cao nhưng vấn đề bảo đảm môi trường vẫn là vấn đề cấp thiết. Nhất là khi tiến đến sản xuất lớn thì vấn đề xử lý môi trường lại càng trở nên cấp thiết. Một vấn đề khác cũng đang là nỗi lo lớn của người nông dân đó là vấn đề dịch bệnh, khi quy mô diện tích ngày càng mở rộng thì quy mô đàn cũng tăng theo và cùng với đó là việc kiểm soát dịch bệnh ngày càng trở lên khó khăn và phức tạp. Đây cũng chính là lý do mà hiện nay nhiều hộ nông dân chưa dám đầu tư lớn vào sản xuất.

Một vấn đề ảnh hưởng lớn đến sản xuất đó là nguồn vốn đầu tư, đây là một vấn đề khó khăn lớn ảnh hưởng đến việc phát triển sản xuất. Khi muốn tích tụ đất đai triệt để, hình thành các trang trại quy mô lớn thì vấn đề vốn đầu tư là không thể thiếu. Hiện nay người dân mới chỉ tự mình sản xuất trên chính thửa ruộng nhà mình mà hầu như chưa có các giao dịch thuê, chuyển nhượng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Chính vì thế mà diện tích các ô thửa vẫn còn nhỏ và chưa thể tiến hành sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

### **3.6. Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác tập trung tích tụ ruộng đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện**

Hiện nay, phong trào tập trung tích tụ ruộng đất đã diễn ra ở nhiều nơi. Phần lớn đều áp dụng theo mô hình chuyển đổi từ ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn để tích tụ ruộng đất, hình thành các gia trại trồng trọt, chăn nuôi hoặc nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên thì mỗi vùng đều có cách làm riêng của mình để phù hợp với đồng đất và phong tục tập quán của địa phương. Có thể ví dụ như DĐĐT để đưa chăn nuôi ra khỏi khu dân cư, tránh ô nhiễm môi trường như cách làm của huyện Yên Phong (Bắc Ninh); DĐĐT để hình thành các gia trại chăn nuôi gia công, có sự tham gia của các doanh nghiệp như mô hình ở xã Khởi Nghĩa (Tiên Lãng – TP.Hải Phòng). Cũng có thể DĐĐT để phát triển sản xuất theo mô hình tổ hợp tác hoặc hợp tác xã chuyên cây, chuyên con, trong đó xã viên của hợp tác xã là các hộ nông dân cùng góp đất với nhà đầu tư, chủ doanh nghiệp để tổ chức sản xuất kinh doanh một ngành hàng nào đó. Hay chỉ đơn giản là chuyển đổi ruộng đất để giảm số ô thửa, hình thành ô thửa có diện tích lớn hơn để thuận tiện cho sản xuất như phần lớn các huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tây (cũ) trong đó có huyện Phú Xuyên.

Sau khi nhận thức được lợi ích của việc tập trung tích tụ ruộng đất, phần lớn các hộ nông dân đều tự nguyện tham gia trên cơ sở sự chỉ đạo thống nhất của các cấp ủy Đảng, chính quyền và sự tham gia của các ban ngành, đoàn thể. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư và kinh nghiệm quản lý, sản xuất kinh doanh cũng có thể tham gia sản xuất - kinh doanh trên những mảnh đất mà người nông dân đã dồn đổi. Những hộ có đất, có cùng sở thích hoạt động sản xuất, kinh doanh một loại sản phẩm nào đó cùng tham gia trong một tổ chức nhất định.

Như vậy, muốn công tác tập trung tích tụ ruộng đất thành công phải có sự tham gia đồng bộ của cả 3 nhà: Nhà nông, doanh nghiệp và Nhà nước. Nhà nông có đất, sức lao động; doanh nghiệp có vốn, kinh nghiệm quản lý, sản xuất - kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm; Nhà nước có cơ chế, chính sách.

Từ thực tế của những mô hình tập trung tích tụ đất đai thành công, trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và người dân chúng tôi xin đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện công tác tập trung tích tụ ruộng đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện như sau:

**① Cần có những chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho việc tập trung tích tụ ruộng đất**

Nên có một chính sách quy định riêng cho việc tập trung tích tụ đất đai. Với chính sách này tất cả các địa phương lấy đó là khung sườn sau đó tùy vào điều kiện đất đai của địa phương để áp dụng cho phù hợp, tránh tình trạng mỗi nơi làm một kiểu, không có sự thống nhất như chúng ta đã làm từ trước đến nay.

Từ năm 2009 Cục Kinh tế hợp tác và PTNT thuộc bộ NN & PTNT đã tiến hành xây dựng Nghị định về tích tụ ruộng đất nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thiện. Trong dự thảo nghị định thì có 5 hình thức tích tụ ruộng đất, gồm: Đồn điền đổi thửa, tập trung ruộng đất lại; chuyển nhượng, thừa kế ruộng đất; thuê đất để tích tụ; góp vốn cổ phần bằng đất để SXNN và tích tụ theo thị trường đất nông nghiệp. Nhà nước chỉ cho phép tích tụ ruộng đất nhằm mục đích SXNN, gồm: Tích tụ đối với đất để trồng cây trồng hàng năm; tích tụ để phát triển chăn nuôi tập trung; tích tụ đất lâm nghiệp để làm lâm nghiệp; tích tụ đất để làm nghề muối; tích tụ đất để nuôi trồng thủy sản; tích tụ đất để phát triển cây lâu năm và tích tụ đất để phát triển trang trại tổng hợp. Tinh thần lớn nhất của Nghị định này là chỉ khuyến khích tích tụ đất đai SXNN, mục đích lớn nhất, thông suốt là thúc đẩy SXNN, để người dân có thể sống, làm giàu bằng được từ nông nghiệp, hướng đến việc sử dụng đất đai hiệu quả, chuyển dịch lao động ở nông thôn hợp lý, tránh tình trạng dư thừa lao động ở nông thôn. Đây sẽ là một bước ngoặt cho quá trình tập trung tích tụ đất đai.

## **② Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng nhân dân**

Tập trung tích tụ ruộng đất là một chủ trương lớn và rất khó thực hiện nếu không có sự đồng thuận từ người dân. Tập quán của người nông dân Việt Nam chúng ta đã hình thành từ lâu đời, người dân phải gắn với ruộng đất, không có ruộng đất thì không phải là nông dân. Chúng ta đã thực hiện chia ruộng đất cho dân theo tinh thần của Nghị định 64CP, với chủ trương là chia ruộng đất đảm bảo tính công bằng xã hội, người dân phải có đất đảm bảo “có xấu, có tốt, có xa, có gần”. Chủ trương này bước đầu thì rất hợp với lòng dân, nhưng khi tổ chức thực hiện và theo xu thế phát triển của thị trường, muốn tiến đến sản xuất hàng hóa thì nó không còn phù hợp nữa. Để thay đổi được những thói quen, phong tục tập quán thì vai trò của công tác vận động, tuyên truyền là rất to lớn. Cần phải làm cho người dân hiểu rõ được vai trò và lợi ích của sản xuất lớn, sản xuất hàng hóa, của việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa vào sản xuất, cần có những người đi đầu, làm gương để từ đó người dân thấy được những lợi ích của chủ trương tập trung tích tụ ruộng đất.

Quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện các phương án tập trung tích tụ ruộng đất ở cơ sở phải đảm bảo tính dân chủ trên nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” với

phương châm kiên trì, thuyết phục và vận động để người dân đồng tình và hưởng ứng.

### **③ Quy hoạch sử dụng đất gắn với tổ chức sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa**

Theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn, để tiến hành xây dựng nông thôn mới, điều quan trọng là phải quy hoạch lại đồng ruộng theo hướng quy vùng sản xuất hàng hóa, quy hoạch giao thông, thủy lợi nội đồng đáp ứng yêu cầu đưa cơ giới hóa và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất, làm tăng năng suất lao động. Bước đột phá làm nền tảng để tập trung tích tụ đất đai là quy hoạch nông thôn mới. Các địa phương phải căn cứ thực trạng ruộng đất, quy hoạch nông thôn mới để xây dựng phương án tập trung tích tụ đất nông nghiệp cho phù hợp với điều kiện thực tế của mình. Phương án phải được bàn bạc dân chủ, công khai. Sau dồn điền, đổi thửa phải bảo đảm ổn định và thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo ra nhiều mô hình kinh tế hiệu quả hơn so với trước.

### **④ Khuyến khích việc mở rộng quy mô hoạt động và hình thành mới các làng nghề truyền thống để thu hút lao động dư thừa.**

Đây là một giải pháp nhằm tận dụng thế mạnh của vùng và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, nhất là vào thời gian nông nhàn. Phú Xuyên là một huyện có khá nhiều ngành nghề truyền thống và hoạt động rất hiệu quả như: Khảm trai, mộc ở Chuyên Mỹ, Mộc ở Phú Minh, nghề làm đậu phụ ở Thụy Phú, nghề Đan lưới ở Quang Trung.... đây là những ngành nghề tận dụng được rất nhiều lao động không chỉ các lao động trong độ tuổi lao động mà cả các lao động là trẻ em và người già. Các nghề truyền thống này lại rất dễ nhân rộng nên đây là một thế mạnh có thể phát huy để hình thành các làng nghề mới, tạo công ăn việc làm cho người dân, để người dân yên tâm hơn với sản xuất nông nghiệp.

### **⑤ Giáo dục - đào tạo**

Công tác giáo dục và đào tạo nguồn lao động phải là giải pháp đột phá, vừa có ý nghĩa trước mắt vừa có ý nghĩa lâu dài đối với sự nghiệp phát triển nông thôn của nước ta hiện nay.

- Đào tạo nâng cao tri thức và kỹ năng sản xuất nông nghiệp cho đội ngũ nông dân hiện hữu để họ có thể quản lý tốt đất đai của mình. Trong đó lấy hoạt động khuyến nông là giải pháp tốt nhất để thực hiện điều này.

- Đào tạo một đội ngũ thanh niên nông dân - những “thanh nông tri điền” để quản lý các trang trại áp dụng công nghệ hiện đại, đạt hiệu quả kinh tế cao.

- Đào tạo thanh niên con em nông dân có kỹ năng nghề nghiệp trong các ngành công nghiệp, dịch vụ để họ có cơ hội kiếm sống trong các ngành phi nông nghiệp. Nhà nước



tài trợ 100% kinh phí đào tạo nghề cho nông dân và con em họ. Nếu không làm được điều này, mặt trái của tích tụ ruộng đất sẽ làm nảy sinh những vấn đề kinh tế xã hội, nhất là trong trường hợp tích tụ ruộng đất để làm khu công nghiệp và đô thị...

#### **⑥ Giải pháp tài chính**

Sau chuyển đổi ruộng đất các hộ dân muốn sản xuất lớn, phát triển các mô hình sản xuất đem lại giá trị cao thì lại cần nguồn vốn rất lớn. Trong khi đó hiện tại các chính sách tài chính cho phát triển nông nghiệp vẫn còn rất khó khăn. Do vậy, Nhà nước cần có những chính sách, hỗ trợ đầu tư phù hợp để đẩy mạnh sản xuất.

- Tạo điều kiện phát triển đa dạng các loại hình tín dụng trong nông thôn nhằm huy động vốn nhà rỗi trong dân đưa vào sản xuất.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân vay vốn với số lượng vay nhiều hơn và thời gian vay dài hơn, lãi suất cho vay thấp hơn để người dân yên tâm hơn trong việc đầu tư sản xuất để phát triển kinh tế hộ gia đình, tiến đến các mô hình sản xuất lớn.
- Cần có chính sách ưu đãi nhiều hơn về phí, thuế đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

#### **⑦ Giải pháp thị trường**

Sản xuất hàng hóa phải gắn liền với thị trường tiêu thụ, sản phẩm đầu ra tiêu thụ được và tiêu thụ một cách dễ dàng hay không là phù thuộc vào thị trường. Do vậy, việc mở rộng hoạt động thị xúc tiến thương mại để giúp các địa phương, các hộ dân chủ động tiêu thụ sản phẩm làm ra với giá bán hợp lý là rất cần thiết sau khi hình thành sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa.

- Hình thành các đầu mối tiêu thụ sản phẩm đảm bảo bao tiêu sản phẩm cho người nông dân theo cơ chế thị trường, tránh tình trạng ép giá, ứ đọng sản phẩm nông nghiệp.
- Hình thành các chợ đầu mối giúp người nông dân có thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình thuận lợi hơn.
- Triển khai tích cực Quyết định 80/TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản theo hợp đồng. Tạo mối liên kết mạnh mẽ giữa 4 nhà: Nhà nông – Nhà doanh nghiệp – Nhà khoa học và Nhà nước để thúc đẩy thị trường nông sản phát triển đảm bảo

## CHƯƠNG 4

### KẾT LUẬN

Phú Xuyên là huyện đồng bằng phía Nam của TP Hà Nội, có điều kiện đất đai, khí hậu, lao động thuận lợi cho đa dạng hoá trong sử dụng đất đặc biệt là sản xuất hàng hoá nếu quy mô ruộng đất đủ lớn. Sản xuất nông nghiệp những năm vừa qua vẫn là định hướng cơ bản phát triển kinh tế chủ yếu của huyện. Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp thể hiện sự tiến bộ theo hướng giảm dần tỷ trọng trồng trọt, nâng cao tỷ trọng chăn nuôi (trồng trọt 50,53%, chăn nuôi 30,51%, thủy sản 13,87%, dịch vụ nông - lâm - thủy sản 5,08%). Giá trị sản xuất nông nghiệp - thủy sản năm 2010 đạt 517,45 tỷ đồng. Từ năm 2004 thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước huyện Phú Xuyên chỉ đạo đã đồng loạt tiến hành công cuộc tập trung tích tụ ruộng đất để tiến đến sản xuất hàng hóa, đem lại giá trị cao trên diện tích đất canh tác. Bước làm đầu tiên của huyện đó là tiến hành chuyển đổi ruộng đất từ ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn, khắc phục tình trạng manh mún ruộng đất góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Công tác chuyển đổi ruộng đất trên địa bàn huyện đến nay gần như đã hoàn hành và đã đem lại những thay đổi lớn tác động rất lớn đến bộ mặt nông dân, nông thôn. Qua việc nghiên cứu đề tài chúng tôi có những kết luận sau:

1. Kết quả công tác chuyển đổi ruộng đất huyện Phú Xuyên đã làm tăng đáng kể quy mô diện tích thửa và giảm số thửa/hộ.

Diện tích bình quân/thửa tăng từ 4 lần đến 5 lần. Số thửa đất bình quân/hộ giảm từ 4 lần đến 5 lần. Số thửa bình quân trên hộ trước chuyển đổi là 6,44 thửa/hộ thì sau chuyển đổi bình quân chỉ còn 2,21 thửa/hộ

2. Chuyển đổi ruộng đất đã làm thay đổi quy mô sử dụng đất, diện tích các loại đất nông nghiệp khác và đất trồng lúa nước còn lại tăng mạnh do chuyển từ các loại đất trồng lúa nước kém hiệu quả trước kia sang để hình thành các mô hình nuôi trồng kết hợp như Lúa – Cá, Lúa – Cá – Vịt, và hình thành các trang trại.

3. Chuyển đổi ruộng đất đã ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng cơ giới hóa trong sản xuất theo hướng giảm dần sức lao động thủ công và tăng cường sự hỗ trợ của máy móc. Số lượng trâu bò trong các xã điều tra đã giảm mạnh cùng với đó là sự gia tăng số lượng các loại máy cày bừa, máy tuốt lúa, máy phun thuốc trừ sâu. Tỷ lệ cơ giới hóa trong các xã điều tra đã tăng lên từ thấp nhất là 12% lên cao nhất đạt 76%.

4. Chuyển đổi ruộng đất đã ảnh hưởng đến diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng chính trên địa bàn huyện. Năng suất các loại cây trồng chính đã tăng

đáng kể do người dân đã mạng dạn đưa các giống mới và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Diện tích các cây vụ động nhất là cây Đậu tương tăng rất nhanh từ 2.219,9 ha năm 2004 đã tăng lên 8.591,6 ha năm 2010, do quy mô thửa lớn, chủ động tưới tiêu nên người dân yên tâm đầu tư sản xuất.

5. Chuyển đổi ruộng đất cũng làm ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành các trang trại sản xuất. Năm 2004 số trang trại trên địa bàn huyện chỉ là 129 nhưng đến năm 2007 đã tăng lên là 207 trang trại và đến 2010 là 361 trang trại.

6. Chuyển đổi ruộng đất cũng tạo cơ hội thay đổi các mô hình sử dụng đất, hình thành các kiểu sử dụng đất theo hướng sản xuất hàng hóa đem lại giá trị kinh tế cao như: Dưa chuột – Rau cải – Xu hào, Dưa chuột – Rau cải – Cà chua và xóa bỏ các kiểu sử dụng đất kém hiệu quả trước kia như Rau muống, Cà pháo – Rau muống. Đặc biệt là việc hình thành các mô hình, các trang trại chuyên canh nuôi trồng một loại cây con mang lại giá trị rất cao thay cho kiểu chăn nuôi tổng hợp trước đây như: Nuôi Cá Sấu, Cá Trắm đen, Lợn, Vịt.

7. Chuyển đổi ruộng đất đã làm thay đổi hiệu quả kinh tế sử dụng đất nông nghiệp. Bên cạnh việc hình thành các kiểu sử dụng đất mới đem lại hiệu quả kinh tế rất cao như: Dưa chuột – Rau cải – Xu hào cho GTGT đạt trên 255 triệu đồng/ha, hay Dưa chuột – Rau cải – Cà chua cho GTGT đạt trên 269 triệu đồng/ha, hay kiểu sử dụng đất chuyên nuôi cá Trắm đen cho GTGT đạt trên 428 triệu đồng/ha/năm, các kiểu sử dụng đất khác như chuyên nuôi Gà, Vịt, Lợn đều cho GTGT đạt trên 100 triệu đồng/ha/năm. Đặc biệt mô hình nuôi Cá Sấu cho GTGT rất cao đạt trên 1 tỷ đồng/năm/ha. Bên cạnh đó thì các mô hình truyền thống cũng đều cho GTGT cao hơn trước chuyển đổi gấp từ 1,3 – 2,6 lần.

8. Chuyển đổi ruộng đất còn ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả xã hội: Việc tăng quy mô diện tích, áp dụng khoa học công nghệ đồng nghĩa với việc giảm số lao động thủ công làm việc trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, làm tăng nguy cơ thất nghiệp. Nhưng bên cạnh việc hình thành các kiểu sử dụng đất mới, các trang trại, các ngành nghề dịch vụ nông nghiệp, đã góp phần tạo thêm nhiều công ăn việc làm tạo điều kiện để người dân yên tâm sản xuất nông nghiệp.

Giá trị ngày công lao động sau chuyển đổi cũng cao hơn nhiều so với trước. Trước chuyển đổi GTGT/công/ha thấp nhất đạt 27 nghìn đồng/công, cao nhất đạt 147 nghìn đồng/công thì sau chuyển đổi GTGT/công/ha thấp nhất cũng đã đạt 47 nghìn đồng/công và cao nhất đã đạt đến 950 nghìn đồng/công.

9. Chuyển đổi ruộng đất có ảnh hưởng rất lớn đến môi trường. Đây là một vấn đề lớn mà đòi hỏi tất cả các cấp, các ngành đều phải quan tâm và ngày càng trở lên cấp bách để phát triển nông nghiệp bền vững. Việc phát triển sản xuất theo quy mô lớn đồng nghĩa với việc tăng cường sử dụng phân bón hóa học và thuốc BVTV, thuốc kích thích sinh trưởng, hiện tại thì vẫn nằm trong phạm vi cho phép nhưng trong tương lai thì đây là nguy cơ ảnh hưởng rất lớn đến môi trường. Đặc biệt là trong khi phát triển các trang trại, việc xử lý chất thải, nước thải trước khi thải ra môi trường là một vấn đề rất lớn cần quan tâm để phát triển nông nghiệp bền vững.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Đại Hoàng (2005), "Bài học từ đồn điền đổi thửa ở Hải Dương", *Báo nhân dân* năm
- 2 Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2003), *Báo cáo nghiên cứu đề xuất các giải pháp khắc phục tình trạng manh mún đất đai trong nông nghiệp ở ĐBSH (Phân thực trạng và các giải pháp chủ yếu)*
- 3 Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2003), *báo cáo thực trạng ruộng đất hiện nay và giải pháp tiếp tục thực hiện việc đồn điền đổi thửa khắc phục tình trạng manh mún đất đai trong nông nghiệp*, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hà Nội.
- 4 Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn (1998), *Tài liệu tập huấn phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá (tập I-II)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 5 Bộ Tài nguyên & Môi trường (2005), *Báo cáo tình hình thực hiện công tác đăng ký, lập hồ sơ cấp GCNQSD đất*, Vụ đăng ký thống kê.
- 6 Đào Thế Tuấn (1984), *hệ sinh thái nông nghiệp*, NXB nông nghiệp Hà Nội
- 7 Hoàng Xuân Tý (1998), *Kiến thức bản địa của đồng bào vùng cao trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- 8 Hội khoa học kinh tế Việt Nam năm (1998), *Báo cáo tổng hợp nội dung bước đi và biện pháp phát triển nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hợp tác hóa, dân chủ hóa.*
- 9 Nguyễn Bá Long, (2008), *bài giảng Đăng ký thống kê đất đai*, NXB đại học lâm nghiệp.
- 10 Nguyễn Lân (2003), *từ điển từ và ngữ Việt Nam*, NXB tổng hợp TPHCM
- 11 Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Đình Kháng, Lê Danh Tốn (2006), *giáo trình kinh tế chính trị Mác – Lênin*, Nhà xuất bản giáo dục
- 12 Nguyễn Việt Anh, Phan Sĩ Mẫn (2001), *Những giải pháp cho nền nông nghiệp hàng hoá*, tạp chí tia sáng số 3/2001
- 13 Nguyễn Kim Chung, Phạm Văn Đình và các cộng sự (1997), *Giáo trình kinh tế nông nghiệp*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- 14 Tổng cục địa chính (1998), *Hội nghị chuyên đề về chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp khắc phục tình trạng manh mún trong sản xuất năm 1998*
- 15 Tổng cục địa chính, (1997), *Báo cáo thực trạng tình hình manh mún ruộng đất hiện nay và tình hình chuyển đổi ruộng đất giữa các hộ nông dân ở một số địa phương*
- 16 Tổng cục thống kê , *kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006*
- 17 UBND huyện Phú Xuyên (2004), *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội huyện Phú Xuyên năm 2004*
- 18 UBND huyện Phú Xuyên (2010), *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội huyện Phú Xuyên năm 2010*
- 19 Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, Bộ NN&PTNT (2003), *Báo cáo nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục tình trạng manh mún đất đai trong sản xuất nn tại đồng bằng SH*

- 20 Vũ Thị Bình (1999), Giáo trình quy hoạch phát triển nông thôn, NXB Nông nghiệp, Hà Nội
- 21 <http://danviet.vn/32053p1c34/don-doi-ruong-dat-de-xay-dung-nong-thon-moi.htm>
- 22 <http://hanoimoi.com.vn>
- 23 <http://nongnghiep.vn/nongnghiepvn/vi-vn/61/158/1/15/15/12305/Default.aspx>
- 24 <http://www.kinhtenongthon.com.vn/Story/kinhte-thitruong/2009/7/19182.html>
- 25 <http://www.monre.gov.vn>
- 26 **<http://www.tapchiconsan.org.vn>**
- 27 <http://www.vca.org.vn/Default.aspx?tabid=123&CategoryID=13&News=1521>
- 28 <http://hanoimoi.com.vn/newsdetail/Nong-thon-moi/487764/xa-tan-dan--phu-xuyen-mo-rong-mo-hinh-lang-nghe.htm>